góc nhìn sử Việt

Khuyết Danh

# Sử ký Đại Nam Việt

Đoạn tích từ Hiếu Vũ vương cho đến khi vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đặng trị lấy cả và nước An Nam

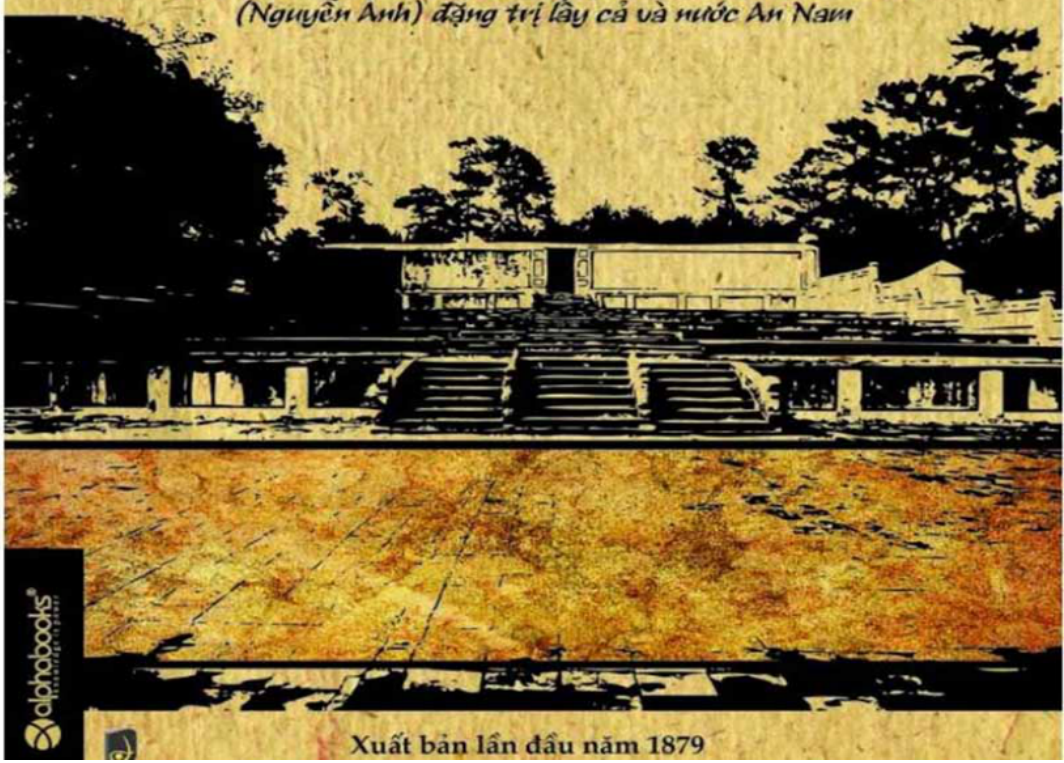

alphabooks

Xuất bản lần đầu năm 1879

# Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số*
*dành cho*
*Kindle & Kobo*

SCAN TO JOIN

# LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũngkhông phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc , nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên trẻ, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia,đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước vàtoàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền

khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ «Tri thức là sức mạnh» - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, «lỗ hổng lịch sử» ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

# TIỂU DẪN 1

**I**

Nói về gốc nhà Lê: Mà đến sau nhà Nguyễn và nhà Trịnh lên làm chúa giúp các vua nhà Lê là thế nào.

Nguyên thuở trước nước An Nam gọi là Giao Chỉ Quận, đến sau cũng cải tên là Hoan Châu (Xứ Nghệ).

Khi đầu thì có vua riêng; song năm trước Chúa giáng sinh2 111, đời nhà Hán trị nước Ngô, thì nhà Triều3 mất nước. Mà nước Giao Chỉ thuộc về nước Ngô cho đến khi nhà Ngô làm nguỵ mà đặt mình lên làm vua trị nước Giao Chỉ, là năm giáng sinh 939. Cho nên nước ấy thuộc về nước Ngô đặng 1050 năm trọn.

Năm 700 dư, thì vua Thượng vị4 lập thành Kẻ Chợ, rày gọi là Hà Nội. Khi đầu thì đặt tên là Thành Châu; song đến năm 970, vua Đinh Tiên Hoàng (Thái Bình) bỏ thành ấy mà xây thành Hoa Lô (Hoa Lư) ở nơi khác mà làm kinh đô. Đoạn năm 1012, vua Lý Thái Tổ là gốc nhà Lý, lại bỏ thành Hoa Lô mà lập lại Thành Châu, cùng cải tên là Hoàng Long thành (Thăng Long thành); bởi vì vua ấy ở trong tàu mà nằm ngủ chiêm bao thấy một con rồng vàng, thì lấy làm điềm lành.

Vậy nhà Lê mới khi đầu trị nước Giao Chỉ là năm 981. Ông Đại Hành Vương là gốc nhà Lê cùng làm vua trị đặng 24 năm, thì thăng hà. Đoạn con cái làm loạn cùng giết lộn nhau.

Nhân vì sự ấy qua năm sáu năm, quan lớn kia, tên là Hồ Lý (Hậu Lý) làm nguỵ, thì nhà Lê mất nước; mà năm 1010 ông Hồ Lý là gốc nhà Lý tức vị. Đến sau thì đặt tên ông ấy là Thái Tổ. Đời ông Lý Anh tông, đến năm 1139, thì cải Giao Chỉ mà gọi là Yên Nam (An Nam) quốc.

Vậy nhà Lý trị nước 216 năm; đoạn ông Lý Huệ Tông chẳng có con

trai; thì bà Chiêu Hoàng, là con gái ông ấy, lên trị vì. Mà năm 1226 bà ấy kết bạn với ông Thái Tông thuộc về nhà Trần: thì từ ấy cho đến năm 1414, là 188 năm trọn, nhà Trần trị nước An Nam.

Song bởi nhà ấy làm khốn dân lắm, thì có kẻ đến cáo với vua Thượng vị, đời ông Trùng Quang Đế là năm 1409. Vua Thượng vị sai hai quan lớn cùng nhiều binh sĩ mà đánh vua nước An Nam. Các quan cùng dân sự chẳng có lòng với vua Trùng Quang Đế, thì người đã thua cùng phải bắt sống. Các quan có ý đưa ông ấy sang Bắc Kinh cho vua Thượng vị phạt. Nhưng mà ông ấy thoát khỏi tay quân canh, thì trầm mình mà chết.

Các quan nước Ngô đã phá tuyệt dòng nhà Lý và nhà Trần, thì chẳng những là chẳng trả nước An Nam cho nhà Lê, mà lại cũng giữ lấy làm một xứ riêng thuộc về nước Ngô. Vốn dân có lòng ước ao cũng đã xin cho được người nhà Lê làm vua, mà chẳng đặng, thì phàn nàn lắm. Vả lại các quan nước Ngô làm nhiều đều cực lòng người ta; vì đã bắt bỏ luật phép người An Nam quen giữ xưa nay mà theo những thói phép nước Ngô; phải mặc áo cụt và cạo đầu như nước Ngô, và chẳng còn được nhuộm răng nữa, vân vân. Nhơn vì sự ấy người ta sinh lòng phiền muộn, đến đỗi muốn lo dấy loạn.

Đến năm 1423, có một người thứ dân kia, tên là Nguyễn Tiên5, tìm được một người thuộc về nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì người tụ tập nhiều quân mà đánh quân Ngô. Hai bên đánh nhau nhiều trận, mà ông Nguyễn Tiên khôn ngoan, tốt trí cùng hay nghề võ, cho nên dần dần đánh được quân Ngô, cùng đuổi nó ra khỏi nước An Nam. Đến năm 1428, thì ông Nguyễn Tiên đặt ông Lê Lợi làm vua; và khi người thăng hà, thì các quan theo phép tôn người là Lê Thái Tổ. Ông Nguyễn Tiên lập lại nhà Lê thì làm vậy. Khi ông Lê Lợi còn làm vua, thì cũng có ý đền ơn trả nghĩa cho ông Nguyễn Tiên, nên đã đặt ông ấy làm đầu các quan, và phú các việc nhà nước cho người xem sóc, lại phong làm Quốc công, cho nên ông ấy là gốc nhà Nguyễn.

Trong các vua nhà Lê thì chẳng có ông nào danh tiếng cho bằng ông Thánh Tông, gọi là vua Hồng Đức. Ông ấy tức vị6 làm vua năm 1460, là năm Canh Thìn, và trị nước đặng 38 năm trọn. Ông ấy khôn ngoan lập nhiều lề luật mới, thiên hạ phục lắm. Trong lề luật ấy có nhiều đều người ta còn cứ cho đến rày. Vả lại ông Hồng Đức ấy có tài đánh giặc; đã đánh đặng nhiều trận với vua Xiêm Thành7, cùng lấy hơn nửa phần nước Xiêm Thành, là hai xứ rất lớn mà nhập với nước An Nam. Đời ấy gọi hai xứ ấy là Thuận Hóa và Quảng Nam; song đã chia ra năm xứ, vì thuở ấy nước An Nam

có 13 xứ mà thôi, là kể từ Bình Chính mà ra. Còn từ Bình Chính mà vào thì thuộc về nước Xiêm Thành. Vậy ông Hồng Đức ấy đã mở nước An Nam ra cho rộng.

Còn ông Nguyễn Tiên thì giữ lấy chức Quốc công mà truyền lại cho con cháu mà giúp nhà Lê.

Nhưng mà năm 1521, là năm Tân Ty, đời vua Chiêu Tông, là chắt ông Hồng Đức, thì quan kia, tên là Lê Du, lại làm ngụy8. Vậy Mạc Đăng Dong9, khi trước làm nghề thủy cơ (bắt cá), mà đến sau đã lên làm quan lớn, thì đã đánh được nhà Lê lại. Nhân vì sự ấy vua Chiêu Tông có ý thưởng ông Mạc Đăng Dong, bèn đặt làm quan Quận công coi các binh sĩ nước An Nam. Nhưng mà qua hai năm, ông Mạc Đăng Dong làm ngụy, cùng ép ông Chiêu Tông từ chức vua mà đặt ông Cung Hoàng, là em ruột ông Chiêu Tông, làm vua. Cách hai năm, ông Mạc Đăng Dong lại chiếm lấy vị vua nước An Nam, là năm giáng sinh 1527; song đặng làm vua hai năm mà thôi; đoạn để cho con đầu lòng, là ông Mạc Đăng Dinh10, làm vua.

Vốn khi trước ông Mạc Đăng Dong muốn phá tuyệt nhà Lê mặc lòng, song cũng ra dấu thương nhà Nguyễn cách riêng, hoặc là vì nhà Nguyễn chẳng có trung với vua Lê là bao nhiêu, mà đã ám trợ nhà Mạc, hay là vì lẽ nào khác chẳng biết. Nhà Mạc cũng dùng người nhà Nguyễn làm quan lớn song chẳng còn cho làm Quốc công nữa, một cho làm quan Thái sư, là chức nhỏ hơn mà thôi; cho nên nhà Nguyễn chẳng bằng lòng.

Bởi đó ông Thái sư, tên là Nguyễn Kim11, nghe tin có con vua Chiêu Tông đã trốn ẩn trong nước Lào, thì liền sai đi rước về. Đoạn ông Nguyễn Kim tụ tập nhiều binh mã mà đánh giặc, nên nhà Mạc phải thua. Nhơn vì sự ấy, năm 1533, là năm Quý Ty, thì nhà Nguyễn lại đặt ông Lê Trang Tông làm vua. Vua ấy liền trả nghĩa cho ông Nguyễn Kim, chẳng những là đã phong cho làm quan Quốc công lại như xưa, song cũng có ý làm chứng ông ấy đã lập mình làm vua, nên đã thêm chữ Hưng mà gọi là Hưng quốc công.

Khi ấy ông Nguyễn Hưng quốc công có một con trai còn trẻ tuổi lắm, và một con gái đã đến tuổi khôn. Vã lại trong các đầy tớ ông ấy thì có một người, tên là Trịnh Kiểm, tốt trí khôn biết đàng lo việc cùng hiền lành nết na; cho nên ông Hưng quốc công thương và đặt làm quan nhỏ. Đến sau thấy người đã làm nên nhiều việc trọng, cùng có tài đánh giặc, thì dần dần đặt làm quan lớn. Người lại gả con đầu lòng cho ông ấy, và đặt lên làm Võ quận công nữa.

Qua ít lâu, khi ông Hưng quốc công đã già yếu, chẳng còn làm gì

đặng nữa, thì phú việc nhà nước cho rể, là Trịnh Kiểm; lại xin vua ban chức Hưng quốc công cho ông ấy nữa. - Vua Lê Trang Tông có chức vua không mà thôi, còn các việc nước thì mặc ông Nguyễn Hưng quốc công. - Ông Nguyễn qua đời đoạn, mà con trai ông ấy, tên là Đoan Công12, hãy còn trẻ tuổi, cùng chưa có chức cao trọng là bao nhiêu, thì ông Hưng quốc công, là Trịnh Kiểm, nối quờn13 ông ấy.

Ông Trịnh Kiểm muốn lên làm vua lắm; song sợ e ông Đoan Công, là em ruột vợ mình ngăn trở, thì ra sức tìm phương mà giết. Ông Đoan Công chẳng biết ý anh rể thế nào, nên sợ hãi lắm cùng bàn các việc với chị, là vợ ông Trịnh Kiểm. Hai chị em yêu dấu nhau lắm, cho nên em cứ lời chị đã bàn mà giả dại, cùng làm nhiều đều lạ, cho ai nấy ngờ là mình ra hoảng hốt điên cuồng. Vậy ông Đoan Công giả đò uống thuốc, cùng tỏ ra dấu lành, chẳng còn hoảng hốt như trước, song xem hình người ngơ ngẩn ngây muội chẳng biết gì. Bấy giờ bà Hưng quốc công, là chị Đoan Công, xin chồng lo liệu mà đưa em mình vào trong Cửa Đại, là xứ cuối nước An Nam, để cho xa đi, và mình khỏi mang tiếng. Ông Hưng quốc công ngờ là em dại dột thật, thì vui lòng mà cho xuống tàu vào trong ấy.

Nhưng mà ông Đoan Công vào Đàng Trong chẳng còn lo sợ ông Hưng quốc công nữa, thì ở cách khôn ngoan, cùng tụ tập nhiều người văn võ bởi Đàng Ngoài mà theo mình vào đó, thì dần dần đặt mình lên làm vua cai trị các xứ Đàng Trong. Khi đầu thì hãy còn chịu lụy ông Hưng quốc công, mà theo tiến cống những vua nhà Lê. Đến năm 1600, cùng là năm Canh Tý, thì đặt mình lên làm vua gọi là Tiên vương; song hãy còn nhìn lấy nhà Lê làm vua cùng đi tiến cống. Nhưng mà chẳng còn biết gì đến nhà Trịnh nữa; mà lại đến khi ông Nguyễn Đoan Công, là Tiên vương, gần chết, thì trối mọi sự cho con đầu lòng, là ông Toại Công, gọi là Tế (Sãi) vương. Nhà Nguyễn lên làm Chúa cai trị các xứ Đàng Trong thì làm vậy.

Ông Trịnh Kiểm, là Hưng quốc công, thấy em là ông Đoan Công, đã lừa mình thể ấy, thì giận lắm cùng sai nhiều binh sĩ mà đánh phạt. Lại đến khi ông Trịnh Kiểm qua đời đoạn, thì ông Trịnh Trang, là con Trịnh Kiểm, càng ra sức đánh nhà Nguyễn hơn nữa; nhưng mà phải thua mãi. Hai bên đánh nhau nhiều lần; song nhà Trịnh sai quân vào Đàng Trong lần nào, thì bị trận hay là phải trốn đi lần ấy. Cho nên đến sau nhà Trịnh chẳng dám làm gì nữa.

Từ ấy về sau nhà Nguyễn và nhà Trịnh ghét nhau lắm, cùng chỉ ra sức làm hại nhau; mà bởi nhà Nguyễn đã lấy tên vua mà cai trị dân Đàng Trong, nhà Trịnh cũng đã lấy tên vua mà cai trị dân

Đàng Ngoài, thì dân Đàng Trong và dân Đàng Ngoài ra như hai dân khác nhau. Vì chưng14 dân Đàng Trong chẳng ưa dân Đàng Ngoài, mà dân Đàng Ngoài cũng chẳng ưa dân Đàng Trong. Tuy rằng nhà Trịnh và nhà Nguyễn thì đều nhận lấy nhà Lê làm vua, song bởi các vua nhà Lê kém tài lắm, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một lo sự ăn uống, chơi bời, say sưa mà thôi; cho nên có tên vua, còn các quyền phép thì ở tại hai nhà, là nhà Nguyễn và nhà Trịnh hết thảy.

Dân thì quen gọi hai nhà ấy là Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh. Nhưng mà khi các vua nhà Lê ban sắc phong cho hai nhà ấy, thì phong vương tỏ tường. Cho nên các Chúa ấy ra sắc chỉ hay là làm tờ bồi gì thì xưng mình là Vua.

Lại dầu các vua nhà Lê chẳng làm gì mà trị nước mặc lòng, song bởi quen đi về tại Kẻ Chợ, thì dân Đàng Ngoài cũng biết các vua nhà Lê ít nhiều, và các chúa nhà Trịnh cũng tỏ ra lòng cung kính. Còn dân Đàng Trong ở xa, thì chẳng biết gì đến các vua nhà Lê, một biết nhà Nguyễn mà thôi. Cho nên các chúa nhà Nguyễn lấy các vua nhà Lê làm niên hiệu, còn mọi sự khác thì mặc ý mình.

Lại khi đầu, phần đàng nhà Nguyễn cai trị, thì còn ít lắm, vì có một xứ Thuận Hóa và xứ Quảng Nam, là hai xứ khi trước thuộc về Xiêm Thành mà vua Hồng Đức đã lấy. Vậy nhà Nguyễn chẳng còn đánh giặc với nhà Trịnh nữa, thì chỉ đánh với nước Xiêm Thành và một phần Cao Mên15 gọi là Đồng Nai, rày đã chia ra làm năm tỉnh. Cho nên nước Đàng Trong là bởi nước Xiêm Thành và nước Cao Mên mà ra.

Còn nhà Trịnh chẳng đánh giặc với nhà Nguyễn nữa, thì phải đánh với nhà Mạc. Vì chưng trước ông Nguyễn Kim đã đánh được nhà ấy mặc lòng, song chưa chịu thua cho dứt, thì còn cai trị xứ Bắc và xứ Cao Bằng. Mà năm giáng sinh 1603, là Lê Kính Tông tam niên cùng là năm Quý Mão, thì ông Khang Hy, là vua Thượng vị, gửi sắc cho nhà Mạc mà phong vương cai trị xứ Cao Bằng. Song qua hai ba năm, nhà Mạc ấy mất mọi sự cùng trốn sang nước Đại Minh; thì từ ấy về sau xứ Cao Bằng thuộc về nước An Nam.

**II**

Sổ các vua trị nước An Nam từ nhà Lê về sau.

Ông Đại Hành vương tức vị 981 là năm Tân Ty, trị nước đặng 24 năm. Đoạn con cái vua ấy bất thuận cùng sinh bè làm loạn, mà chẳng ai làm vua.

Qua năm sau, ông Trung Tông, là con ông Đại Hành vương, tức vị được ba ngày. Đoạn phải em giết đi, và soán lấy nước làm vua. Thiên hạ gọi người là Ngọa Triều, vì người hay nằm.

**Nhà Lý**

Năm 1010, là năm Canh Tuất, ông Thái Tổ, là đầu nhà Lý, tức vị được 18 năm.

Năm 1028, là năm Mậu Thìn, ông Thái Tông tức vị được 27 năm.

Năm 1055, là năm Ất Vị16, ông Thánh Tông tức vị được 17 năm.

Năm 1072, là năm Nhâm Tý, ông Nhơn Tông17 tức vị được 56 năm.

Năm 1128, là năm Mậu Thân, ông Thần Tông, là cháu ông Thái Tông, tức vị được 11 năm.

Năm 1139, là năm Kỷ Mão, ông Anh Tông tức vị được 37 năm. --- Bấy lâu nước An Nam gọi là Giao Chỉ quận, thì ông Anh Tông đổi tên là An Nam quốc.

Năm 1176, là năm Bính Thân, ông Cao Tông tức vị được 35 năm.

Năm 1211, là năm Tân Vị18, ông Huệ Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1225, là năm Ất Dậu, ông Huệ Tông thăng hà, mà chẳng có con trai; thì bà Chiêu Hoàng, là con gái đầu lòng, tức vị. Qua một năm, bà ấy kết bạn với nhà Trần, thì nhà Lý mất nước, mà nhà Trần lên làm vua.

**Nhà Trần**

Năm 1226, là năm Bính Tuất, ông Trần Thái Tông kết bạn với bà Chiêu Hoàng, thì lên làm vua, cũng là đầu nhà Trần, trị nước được 32 năm.

Năm 1258, là năm Mậu Ngũ19, ông Thánh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1279, là năm Kỷ Mão, ông Nhân Tông tức vị được 14 năm.

Năm 1293, là năm Quý Ty, ông Anh Tông tức vị được 21 năm.

Năm 1314, là năm Giáp Dần, ông Minh Tông tức vị được 15 năm.

Năm 1329, là năm Kỷ Ty, ông Hiến Tông tức vị được 12 năm.

Năm 1341, là năm Tân Ty, ông Dũ Tông20 tức vị được 29 năm; ông ấy là em ông Hiển Tông.

Năm 1370, là năm Canh Tuất, ông Nghệ Tông, là em ông Hiến Tông, tức vị. Làm vua ba năm đoạn, nhường chức cho em.

Năm 1373, là năm Quý Sửu, ông Duệ Tông, cũng là em ông Hiến Tông, tức vị được 4 năm.

Năm 1377, là năm Đinh Ty, ông Phế Đế tức vị. Qua 12 năm, ông ấy phải chú, là ông Nghệ Tông, thắt cổ mà chết đi, cho nên gọi là Phế Đế.

Năm 1389, là năm Kỷ Ty, ông Thuận Tông là con ông Nghệ Tông, tức vị. Song le21 qua chín năm, ông ấy phải nhường lại cho con; đoạn phải người ta giết đi.

Năm 1398, là năm Mậu Dần, ông Thiếu Đế tức vị. Làm vua hai năm, đoạn mất nước, là năm 1400; vì quan lớn kia, tên là Hồ Quý Ly, làm ngụy lấy nước mà làm vua được một năm mà thôi.

Đoạn ông Hán Thương, là con ông ấy, làm vua mà người ta giết đi.

Năm 1407, là năm Đinh Hợi, ông Giản Định là con ông Nghệ Tông, đánh được vua ngụy Hán Thương, thì tức vị được hai năm.

Năm 1409, là năm Kỷ Sửu, ông Trùng Quang vương, là cháu ông Nghệ Tông, tức vị. Vua ấy làm khốn dân lắm, cho nên các quan xin vua Thượng vị nước Ngô cứu giúp nước An Nam. Vua Thượng vị sai hai quan tướng cùng nhiều binh sĩ đánh phạt vua Trùng Quang; thì ông ấy đã phải bắt sống, đoạn trầm mình mà chết; nên nhà Trần mất nước là năm 1414. Song le vua Thượng vị chẳng đặt vua khác; một giữ lấy nước An Nam làm xứ riêng nước Ngô.

Nước An Nam phải thể ấy mà chẳng có vua đã mười bốn năm trọn. Vậy người kia, tên là Nguyễn Tiên, là người xứ Thanh Hóa, nghe tin còn có một người dòng dõi nhà Lê, tên là Lê Lợi, thì ra sức lo cho ông ấy làm vua. Ông Nguyễn Tiên đánh giặc với quân Ngô mười năm trọn; đoạn năm giáng sinh 1428, là năm Mậu Thân, mới lập lại nhà Lê, đặt ông Lê Lợi, gọi là Thái Tổ, mà trị nước bảy năm, niên hiệu là Thuận Thiên.

Năm 1435, là năm Ất Mão, ông Thái Tông, là con ông Thái Tổ, trị nước tám năm; niên hiệu là Thiệu Bình.

Năm 1443, là năm Quý Hợi, ông Nhân Tông, là con ông Thái Tông, tức vị làm vua được mười bảy năm; niên hiệu là Thái Hòa.

Năm 1460, là năm Canh Thìn, ông Thánh Tông, niên hiệu là Hồng Đức, là con ông Nhân Tông, tức vị làm vua được ba mươi tám năm. Trong các vua An Nam chẳng có vua nào có danh tiếng cho bằng vua ấy.

Năm 1498, là năm Mậu Ngũ, ông Hiến Tông, là con ông Thánh Tông, tức vị làm vua sáu năm; niên hiệu Cảnh Thuận (Kiểng Thống22).

Năm 1504, là năm Giáp Tý, ông Túc Tông, là con ông Hiến Tông, tức vị làm vua một năm mà thôi; niên hiệu là Đoan Khánh (Thoại Khánh).

Năm 1505, là năm Ất Sửu, ông Mục Đế, là con ông Hiến Tông, tức vị đặng bốn năm. Ông ấy chẳng cải niên hiệu.

Năm 1509, là năm Kỷ Ty, ông Tương Dực Đế, là cháu ông Thánh Tông, tức vị làm vua bảy năm. Đoạn phải người ta giết đi. Niên hiệu Hồng Thuận.

Năm 1516, là năm Bính Tý, ông Chiêu Tông, là chắt ông Thánh Tông, tức vị cùng làm vua bảy năm; đoạn bị nhà Mạc làm ngụy, mà mất nước; niên hiệu là Quang Thiệu.

Năm 1523, là năm Quý Vị23, ông Cung Hoàng, là em ông Chiêu Tông, tức vị; vì tuy nhà Mạc đã làm ngụy song chưa chiếm lấy chức vua. Nhưng mà qua bốn năm (1527), ông Mạc Đăng Dong24 tôn mình lên làm vua, và trị nước hai năm. Đoạn nhường vị cho con đầu lòng, là ông Mạc Đăng Dinh25. Bấy giờ quan Nguyễn Cảm (Kim), hiệu là ông Thái sư, lập lại nhà Lê.

Năm 1533, là năm Quý Ty, ông Trang Tông tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Nguyên Hòa.

Năm 1549, là năm Đinh Vị26, ông Trung Tông tức vị làm vua tám năm; niên hiệu là Thuận Bình.

Năm 1557, là năm Đinh Ty, ông Anh Tông, là chút ông Thái Tông, tức vị làm vua mười lăm năm; niên hiệu là Đại Hựu.

Năm 1572, là năm Nhâm Thân, ông Thế Tông, là con ông Anh Tông, tức vị làm vua hai mươi tám năm; niên hiệu là Quang Hưng.

Năm 1600, là năm Canh Tý, ông Kính Tông, là con ông Thế Tông, tức vị làm vua mười chín năm, niên hiệu là Thận Đức27.

Năm 1619, là năm Kỷ Vị28, ông Thần Tông, là con ông Kính Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu là Vĩnh Tộ. Đoạn nhường vì cho con. - Đời vua ấy thì mới giảng đạo trong nước An Nam.

Năm 1643, là năm Quý Vị29, ông Chân Tông, là con ông Thần Tông, tức vị làm vua năm năm; niên hiệu là Phước Thái30.

Năm 1648, là năm Mậu Tý, ông Thần Tông lên làm vua lại, mà còn cai trị nước mười bốn năm, niên hiệu là Khánh Đức.

Năm 1663, là năm Quý Mão, ông Huyền Tông, là con ông Thần Tông, tức vị làm vua mười năm; niên hiệu là Cảnh Trị.

Năm 1673, là năm Quý Sửu, ông Gia Tông, là em ông Huyền Tông, tức vị làm vua ba năm, niên hiệu là Dương Đức.

Năm 1675, là năm Ất Mão, ông Hy Tông, là con ông Thần Tông, sinh ra khi cha đã chết rồi, tức vị làm vua được ba mươi năm; niên hiệu là Đức Nguyên.

Năm 1705, là năm Ất Dậu, ông Dũ Tông31, là con ông Hy Tông, tức vị làm vua hai mươi bốn năm; niên hiệu Vĩnh Thịnh.

Năm 1729, là năm Kỷ Dậu, ông Vĩnh Khánh tức vị. Ông ấy là con nuôi ông Dũ Tông; mà bởi ông ấy mê sắc dục quá, thì làm vua ba năm, đoạn chúa Trịnh Giang, cũng gọi là Uy Vương giết đi, mà chẳng có niên hiệu.

Năm 1732, là năm Nhâm Tý, ông Thuần Tông, là con ông Dũ Tông, tức vị làm vua ba năm; niên hiệu là Long Đức.

Năm 1735, là năm Ất Mão, ông Ý Tông tức vị lấy niên hiệu là Vĩnh Hựu. Đời ấy thiên hạ phải nhiều sự khốn lắm. Ông Ý Tông làm vua năm năm, đoạn nhường ngôi cho cháu là ông Hiển Tông, còn trẻ tuổi; liệu làm vậy thì có ý cho thiên hạ được bình yên.

Năm 1740, là năm Canh Thân, ông Hiển Tông, là con ông Thuần Tông tức vị làm vua bốn mươi sáu năm; niên hiệu là Cảnh (Kiểng) Hưng. - Đời ông ấy thì quân Tây Sơn dấy lên.

Năm 1786, là năm Bính Ngũ32, ông Chiêu Thống, là con ông Hiển Tông, tức vị làm vua không đầy hai năm. Đoạn quân Tây Sơn

chiếm lấy ngôi. Ông Chiêu Thống trốn sang Đại Minh, mà khi đã già lắm mới qua đời.

Năm 1788, là năm Mậu Thân, ông Long Nhưỡng chiếm lấy ngôi vua, cùng lấy tên Quang Trung, mà xưng mình là hoàng đế và trị xứ Đàng Ngoài nước An Nam mười ba năm.

Năm 1801, là năm Tân Dậu, ông Cảnh Thịnh, là con ông Quang Trung, làm vua; sau lại cải tên là Bảo Hưng; qua một ít lâu thì người ta bắt mà nộp cho vua Gia Long, thì phải ngũ mã phân thây.

Năm 1802, là năm Nhâm Tuất, ông Gia Long tức vị lấy tên hoàng đế cai trị cả nước An Nam. Khi quân Tây Sơn cai trị các xứ Đàng Ngoài, thì ông Gia Long, gọi là Nguyễn Anh33, cai trị các xứ Đàng Trong hai mươi ba năm. Đến sau thì lại cai trị cả nước An Nam mười tám năm.

Năm 1820, là năm Canh Thìn, ông Minh Mạng là con ông Gia Long, tức vị làm vua hai mươi mốt năm.

Năm 1841, là năm Tân Sửu, ông Thiệu Trị, là con ông Minh Mạng, làm vua bảy năm.

Năm 1848, là năm Mậu Thân, ông Tự Đức, là con ông Thiệu Trị, tức vị làm vua ba mươi sáu năm.

Năm 1883, là năm Quý Vị34, ông Hiệp Hòa tức vị làm vua đặng năm tháng; đoạn cũng một năm ấy, ông Kiến Phước35 tức vị làm vua; đặng tám tháng mà thôi.

Năm 1884, là năm Giáp Thân, ông Hàm Nghi tức vị, làm vua đặng một năm; đoạn phải bả thiên36.

Năm 1885, là năm Ất Dậu, ông Đồng Khánh tức vị làm vua năm năm.

Năm 1889, là năm Kỷ Sửu, ông Thành Thái tức vị.

**Sổ các Chúa nhà Nguyễn trị các xứ Đàng Trong**

Năm 1600, là năm Canh Tý, ông Nguyễn Tiên vương tức vị. Ông ấy là con ông Nguyễn Kim lập lại nhà Lê. Khi đầu thì gọi là Đoan Công hay là Nguyễn Hoàng, và làm quan trấn mà thôi. Đến sau nhà Lê mới phong vương cho cai trị các xứ Đàng Trong mười bốn năm.

Năm 1614, là năm Giáp Dần, ông Tế (Sãi) vương, là con ông Tiên vương, tức vị làm chúa hai mươi mốt năm.

Năm 1635, là năm Ất Hợi, ông Thượng vương, là con ông Tế vương, tức vị làm chúa 14 năm.

Năm 1649, là năm Kỷ Sửu, ông Hiền vương, là con ông Thượng vương, lên làm chúa 37 năm.

Năm 1686, là năm Bính Dần, ông Văn vương, là con ông Hiền vương, lên làm chúa 6 năm.

Năm 1692, là năm Nhâm Thân, ông Minh vương, là con ông Văn vương, lên làm chúa 32 năm.

Năm 1724, là năm Giáp Thìn, Đức Ninh vương, là con ông Minh vương, tức vị làm chúa 13 năm.

Năm 1737, là năm Đinh Ty, Đức Hiếu Vũ vương, là con Đức Ninh vương, lên làm chúa 28 năm.

Năm 1765, là năm Ất Dậu, Đức Thượng hoàng (cũng là Huệ vương), tức vị làm chúa 12 năm; đoạn quân Tây Sơn giết đi.

Năm 1777, là năm Đinh Dậu, ông Hoàng Tôn, là con ông Đức Mụ (Mục), tức vị lên làm chúa thay vì ông Huệ vương. Song chẳng khỏi bao lâu phải quân Tây Sơn bắt mà giết đi.

Ông Hoàng Tôn chết rồi, dòng dõi nhà Nguyễn gần mất đi, thì ông Nguyễn Anh tức vị. Khi đầu thì cai các xứ Đàng Trong mà thôi. Đến năm 1802, là năm Nhâm Tuất, thì làm vua cai cả và nước An Nam, và lấy tên Gia Long. Từ ấy về sau trong nước An Nam chẳng còn chúa nữa, có tên vua mà thôi.

**Sổ các Chúa nhà Trịnh cai trị các xứ Đàng Ngoài**

Năm 1545, là năm Ất Ty, ông Trịnh Kiểm, là rể ông Nguyễn Kim Hưng quốc công, làm Hưng quốc công 25 năm. Khi chết rồi thì mới phong vương.

Năm 1570, là năm Canh Ngũ37, ông Trịnh Tòng38, là con ông Trịnh Kiểm, nối quờn cha. Vậy năm 1598, là năm Mậu Tuất, nhà lê phong vương cho ông ấy, cùng gọi là An Quốc vương. Người làm chúa 25 năm. Từ ấy về sau nhà Trịnh mới lấy tên chúa.

Năm 1623, là năm Quý Hợi, ông Trịnh Trang39, gọi là Thanh Đô

vương, làm chúa 28 năm.

Năm 1651, là năm Tân Mão, ông Trịnh Thạc40, gọi là Tây Định vương, tức vị làm chúa 22 năm.

Năm 1673, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Cang41, gọi là Định Nam vương, tức vị làm chúa 35 năm. --- Đời ấy các vua nhà Lê còn quyền trị nước; song ông Trịnh Cang chiếm lấy mọi quyền phép, và lấy tên nhà Lê làm niên hiệu mà thôi. Còn mọi sự khác thì mặc chúa Trịnh định liệu. Vua thì biết sự ăn uống, chơi bời, dưỡng nhàn ngao du mà thôi.

Năm 1708, là năm Mậu Tý, ông Trịnh Cương, hiệu là Yên Đô vương42, là cháu ông Định Nam vương, tức vị làm chúa 25 năm.

Năm 1733, là năm Quý Sửu, ông Trịnh Giang, gọi Uy (Oai) vương43, tức vị làm chúa 16 năm.

Năm 1749, là năm Kỷ Ty, ông Trịnh Dinh44, gọi là Minh Đô vương, tức vị làm chúa 17 năm.

Năm 1766, là năm Bính Tuất, ông Trịnh Sum45, gọi là Tĩnh Đô vương, tức vị làm chúa 15 năm.

Năm 1781, là năm Tân Sửu, ông Trịnh Giai46 tức vị làm chúa 4 năm.

Năm 1785, là năm Ất Ty, ông Trịnh Phùng47 tức vị làm chúa, và ít lâu sau toan ngụy cùng nhà Lê, mà thất trận cùng biến đi mất.

# PHẦN THỨ NHỨT

**Doãn tích từ Hiếu Vũ Vương cho đến khi đức thầy Vê-Rô về mà xin vua nước Phalangsa giúp nhà Nguyễn phục quốc**

# ĐOẠN THỨ NHỨT

**Hiếu Vũ Vương (1737 - 1765)**

Hiếu Vũ vương thuộc về nhà Nguyễn, cùng là con ông Ninh vương, làm chúa cai trị các xứ Đàng Trong 28 năm trọn, là từ năm 1737 cho đến năm 1765, là từ năm Đinh Tỵ cho đến năm Ất Dậu, cùng là từ Vĩnh Hựu tam niên cho đến Lê Cảnh Hưng nhị thập lục niên. (Khi ấy nhà Lê đang làm vua cai trị cả và nước An Nam, quen ở nơi gọi là Thăng Long thành, mà Lê Cảnh Hưng làm vua trị 46 năm, là từ năm 1740 cho đến năm 1786. Cảnh Hưng thăng hà, đoạn thì Chiêu Thống tức vị cũng cứ lấy niên hiệu Cảnh Hưng).

**1 - Hiếu Vũ vương gầy các sự khốn nạn loạn lạc trong nước An Nam.**

Ông Hiếu Vũ vương đã sinh ra mọi sự khốn khó loạn lạc, và làm cho nước An Nam mắc phải triều ngụy Tây Sơn; vì ông ấy phần thì sống lâu, phần thì độc dữ làm khốn cho người ta quá lẽ, chẳng có ai thoát khỏi tay vua nầy. Ông ấy có lòng tham cùng xấu tính nết, cho đến đỗi hễ biết ai có của gì, hay là sản vật gì quý trọng, như chó, ngựa, chim, vườn, hay là hoa quả, cây cối, như cam, quýt, mít, hồng, cùng những giống khác thể ấy, hay là vợ con đẹp đẽ xinh tốt, thì cướp lấy, cùng bắt nộp những của trọng vật lạ ấy nữa. Dầu ai ở xa thể nào cũng phải lo mà đưa đến nơi. Có nhiều lần vì xa đàng, chưa kịp đến nơi mà các giống vật ấy, và các giống hoa quả chết đi hay là hư đi, thì bắt tìm kiếm lại cho có nhiều hơn. Bằng chẳng kiếm đặng vì hoặc đã quá mùa, hay là bởi khó kiếm lắm, thì phải đòn, phải gông, phải bỏ vào ngục, cùng phải mất nhiều của, rồi mới khỏi tội. Còn các việc quan nặng nề Vũ vương bắt người ta chịu, thì chẳng biết đâu mà kể cho xiết đặng. Cho nên thiên hạ khốn nạn cay đắng, vì ông ấy chẳng biết thương, một yêu mình mà thôi, và chỉ muốn cho người ta đói khát khốn cực hết thảy: vì Vũ vương ăn ở thể ấy nên chẳng còn phép tắc gì. Trong nhà nước các quan muốn làm sao thì làm, ai nấy cũng bắt chước

Vũ vương mà hiếp dân sự. Sau nữa ông ấy mê sắc dục, ra như chẳng còn tính loài người, chẳng những là có nhiều vợ kế chẳng xiết, lại cũng lấy con và chị em làm vợ, mà đã sinh nhiều con lắm.

**2 - Vua bắt đạo thế nào.**

Ông ấy lại ghét đạo cách riêng, nên đã cấm đạo thái nghiêm48. Các thầy cả bất luận Tây Nam đều phải ẩn mình kỷ49 lắm. Các nhà thờ đã phải triệt hạ hết. Các bổn đạo không dám hiệp lại đọc kinh xem lễ nữa. Vì các quan thấy ai có đạo, thì bắt khóa quá50 xuất giáo cùng lạy ma quỷ bụt thần; bằng chẳng chịu thì phải bao phong51 gia tài, cùng phải đòn hay là bỏ vào ngục. Song chẳng luận xử tử mấy người vì đạo; có năm ba người chẳng chịu bỏ đạo thì dạy giam cho chết đói, còn kẻ khác thì phải khảo trượng, hay là làm nô tĩ trọn đời. Vậy những kẻ đã phải luận thể ấy vì đạo, thì chẳng có bao nhiêu song những kẻ khóa quá xuất giáo thì nhiều hơn bội phần. Cũng có nhiều kẻ khi đầu thì ra dấu52 sốt sắng sẵn lòng chịu khó vì đạo; dầu quan nói làm sao, hay là tra khảo thế nào, cũng chẳng chịu bỏ đạo. Nhưng mà bởi chẳng chém tức thì, mà lại phải nhiều sự khổ sở lâu dài, thì dần dần ngã lòng mà xuất giáo.

**3 - Vũ vương tôn Chưởng Vũ làm Đông cung thế cho Đức Mụ.**

Con đầu lòng Hiếu Vũ vương, tên là Đức Mụ (Mục), có nết na cùng khác tính cha lắm. Ai ai cũng khen ông ấy khoan nhơn, hiền lành, hay thương dân và có nhơn đức; vua cha cũng đã đặt làm Đông cung. Chẳng hay ông Đức Mụ qua đời khi mới đặng một con trai, tên là Hoàng Tôn, mà thôi.

Con thứ hai ông Vũ vương, tên là Chưởng Vũ, chẳng khác tính cha là bao nhiêu. Trong các vợ ông ấy có một đứa con hát sinh đặng nhiều con trai; trong những con trai ấy, thì con thứ hai, tên là Đức Hoàng Nguyễn Anh, có danh tiếng, vì đến sau được nối dòng cùng tôn lên làm vua gọi là Gia Long.

Vậy bởi ông Đức Mụ là con đầu lòng đã qua đời, thì Hiếu Vũ vương đặt con thứ hai, là Chưởng Vũ, làm Đông cung để sau làm chúa thay vì mình. Các quan cùng cả và dân đã biết sự ấy, thì ai ai cũng đều tin thật sau ông ấy sẽ nối quờn cha. Hiếu Vũ vương lấy em làm vợ, và đã sinh đặng một con trai là Hoàng Thượng. Vũ vương yêu Hoàng Thượng cách riêng, và có ý cho lên làm chúa; song đã đặt ông Chưởng Vũ làm Đông cung rồi, mà cả và triều đình đều thuận hết.

**4 - Vũ vương dùng mưu mà tôn Hoàng Thượng lên ngôi.**

Nhơn vì sự ấy, năm 1765, là năm Cảnh Hưng nhị thập lục niên cùng là năm Ất Dậu, Vũ vương chẳng dám từ ông Chưởng Vũ tỏ tường; song trối cho hai ông quan đại thần đầu triều mà rằng: "Bao giờ mình qua đời rồi, thì phải lo liệu cho Hoàng Thượng lên làm vua." Hai quan ấy lấy đều ấy làm mừng lắm. Vốn đã biết ông ấy ít trí khôn cùng mê ăn uống, chơi bời, xem trò xem hát, cùng ham săn bắn; cho nên các quan ấy có ý tìm ích riêng mình vì tin thật ông Hoàng Thượng mê chơi bời làm vậy, thì sẽ có tên là chúa mà thôi, còn quờn thế chi thì tại mình. Bởi vậy, hai ông ấy bàn tính với nhau mà lập một phe kín, và cứ lời Vũ vương mà giúp ông Hoàng Thượng. Bao nhiêu quan chẳng hiệp một lòng một ý với mình, hay là có ý binh53 ông Chưởng Vũ, thì tìm lẽ nọ lẽ kia mà bắt tội cất chức; kẻ thì phải giam, có kẻ phải chết chém. Khi đầu hai ông ấy chưa dám bắt tội ông Chưởng Vũ; song cũng có ý tứ mà canh giữ lắm. Hai ông ấy đã lập phe mạnh lắm, không còn ai dám chống trả, vì chính mình Hiếu Vũ vương đã bày cho.

# ĐOẠN THỨ HAI

**Huệ vương (1765 - 1777) - Hoàng Tôn (1777)**

**1 - Ông Huệ (Duệ) vương tức vị.**

Ông Hiếu Vũ vương chết nội năm ấy (1765), là năm Cảnh Hưng nhị thập lục niên; đoạn hai quan lớn phong vương cho Hoàng Thượng cùng đặt là Huệ vương54. Còn ông Chưởng Vũ, là cha Đức Hoàng Nguyễn Anh, thì phải giam trong ngục; qua năm ba tháng đã phải bịnh mà chết trong ấy. Cho nên có kẻ nghi rằng: đã phải thuốc độc. Lại có kẻ nghi rằng phải mất. Khi ấy Nguyễn Anh mới nên ba tuổi mà thôi. Ông Chưởng Vũ còn để lại hai em đồng một mẹ, là ông Chưởng Văn và Chưởng Hiền. Vậy ông Huệ vương còn trẻ tuổi mà mê chơi bời, xem trò xem hát, chẳng biết gì đến việc nhà nước, một để mọi sự mặc quan triều thần mà thôi.

Trong hai ông đã đặt người lên làm chúa, thì có một quan chiếm lấy quyền phép cùng gọi là quốc phó, mà ra như làm vua; cho nên dân sự phải khốn nạn quá hơn đời Hiếu Vũ vương nhiều phần. Bởi đó dầu các quân, dầu dân sự, ai ai đều no chán chẳng chịu được nữa. Mọi nơi đều tụ tập mà làm nguỵ. Quan quốc phó thấy vậy thì lấy làm lo; mà bởi tin ông Chưởng Văn, nên sai ông ấy đi mà dẹp loạn. Ông Chưởng Văn, đến đâu thì các quan cùng thiên hạ rước và thết đãi trọng thể, vì ông ấy có danh tiếng nhơn đức và hay thương dân chẳng kém ông Đức Mụ. Cũng có nhiều kẻ lo mưu kế cho đặng đặt ông ấy lên làm chúa thay vì ông Huệ vương.

**2 - Ông Nhạc lo mưu cho ông Chưởng Văn lên làm vua.**

Trong những kẻ phục ông Chưởng Văn và giục ông ấy lên làm vua, thì nhất là ông Nhạc, là người xứ Quy Nhơn. Nguyên trước là tướng kẻ cướp cùng hay cờ bạc lắm, song bạo dạn gan đãm và tốt trí khôn khéo liệu các việc. Ông ấy làm đầy tớ hầu hạ riêng ông Chưởng Văn; những thật lòng mến thầy, cùng chỉ làm hết sức cho đặng giúp lên bậc cao. Song ông Chưởng Văn chẳng nghe, một giữ

lòng chung với ông Huệ vương mà thôi.

Vậy ông Nhạc lấy tên ông Chưởng Văn mà viết thư cho năm ba ông quan triều, để rủ theo mình mà đánh Huệ vương. Ông Nhạc ngờ là phô ông ấy có lòng với ông Chưởng Văn, và sẵn lòng bỏ ông quốc phó cùng ông Huệ vương. Nhưng mà phô ông ấy chẳng biết việc sẽ ra làm sao, thì lấy làm sợ mà chẳng ai chịu lời; lại cáo ông Chưởng Văn làm nguỵ. Vậy khi ông Chưởng Văn đã liệu các việc dân vừa rồi, mà chẳng biết ông Nhạc lo mưu chước thể nào, thì về Phú Xuân, liền phải bỏ vào ngục. Vì chưng trong triều ai ai cũng tin ông ấy toan làm nguỵ. Dầu ông ấy nói làm sao mà chữa mình, thì quốc phó cũng chẳng nghe.

Qua hai năm, có đờn bà kia quen ra vào trong ngục ông Chưởng Văn phải giam, lo mưu cho ông ấy trốn đi đặng. Khi đầu thì vào ẩn mình trong chùa kia, mà các sư có lòng thương thì giấu đi cùng nuôi đã lâu. Đến sau ông quốc phó tìm bắt đặng thì đã trấn nước đi.

**3 - Ông Nhạc dấy loạn.**

Khi ông Nhạc thấy thầy mình, là ông Chưởng Văn, phải bỏ vào ngục làm vậy, thì liền họp với anh em, cùng nhiều người anh em bạn hữu ở xứ Quy Nhơn, mà làm giặc. Nguyên quân ấy khi đi ăn cướp thì đã quen ẩn mình trên núi kia, ở hướng tây xứ Quy Nhơn; nên đã gọi quân ấy là quân Tây Sơn. Vậy ông Nhạc đã biết thiên hạ chẳng phục ông Huệ vương, cùng ghét ông quốc phó; người lại có ý dỗ người ta theo mình, thì trách ông Huệ vương chẳng phải là vua chính, vì là con vợ mọn. Vốn khi trước ông Đức Mụ, làm Đông cung, cho nên ông Hoàng Tôn là vua chính. Nhược bằng ông Hoàng Tôn chẳng được làm vua, thì còn có ông Chưởng Văn. Ông Nhạc lại xưng rằng: “Mình chẳng có ý đánh giặc mà tìm ích riêng đâu, một có ý cứu lấy vua chính mà thôi.” - Cho nên bao nhiêu quân kẻ cướp cùng quân Ngô ở xứ Quy Nhơn, đều nhận ông Nhạc làm tướng.

Vậy trước hết, quân ấy bắt được quan trấn cùng các quân thành Quy Nhơn, và cất chức mà lấy lẽ rằng: “Chẳng có lòng trung với vua chính, cùng chẳng có lòng thương dân.” - Người ta thấy làm vậy thì mừng lắm, vì ngờ quân ấy thật lòng cứu giúp Hoàng Tôn hay là ông Chưởng Văn. Lại cũng có ý trông cho sau nầy ra nhẹ việc quan, nên đua nhau theo ông Nhạc. Vậy chẳng khỏi bao lâu đã thêm được nhiều quân lắm. Những quân lính Đàng Ngoài giữ lấy xứ Quảng Nam, cùng gọi là xứ Chăm, thì ông Nhạc đuổi ra hết: đoạn thì đem xứ Quảng Nam về xứ Quy Nhơn, và cứ việc đánh

giặc một ngày một thắng. - Ấy là gốc giặc Tây Sơn thì làm vậy.

**4 - Nhà Trịnh vào Đàng Trong hãm lấy Huế.**

Khi ấy dân sự một ngày một khốn cực, vì ông quốc phó bắt việc quan cùng ức hiếp quá lẽ, chẳng ai chịu được nữa. Cho nên, năm 1774, là năm Cảnh Hưng tam thập ngũ niên, cùng là năm Giáp Ngũ55, thì các quan đồng tình với nhau mà sai kẻ đến với ông Trịnh Sum, là chúa cai Đàng Ngoài, xin cứu giúp dân Đàng Trong vì khốn nạn lắm. Các quan cũng bàn cho lính Đàng Ngoài đặng vào trong Huế. Ông Tịnh Đô vương56 chẳng ưa Đàng Trong là bao nhiêu, cho nên khi được dịp mà vào lấy xứ ấy thì mừng lắm, cùng toan đem dân sự quan quân vào Đàng Trong.

Dân Đàng Trong trông cho được nhờ, thì cũng lấy làm mừng. Song bởi ông Trịnh Sum chưa biết tỏ ông quốc phó khôn ngoan và có tài đánh giặc thể nào, nên chẳng dám lấy sức lực mà đánh vuối57, một lập mưu kế cho dễ bắt ông ấy mà thôi. Khi đầu thì đồn tiếng ra cho chúa Huệ vương, cùng cả và dân Đàng Trong hay rằng: "Chẳng có việc gì mà sợ, vì chẳng có ý đến đánh giặc làm chi, một có ý đến cứu giúp dân cho khỏi phải ông quốc phó hà hiếp, và làm khốn đến nỗi ấy mà thôi." Người lại viết thư mà trách ông Huệ vương nhiều đều nặng lắm, vì mình là chúa cai trị nước, mà chẳng biết đàng thương dân, lại để cho ông quốc phó làm khốn dân đến nỗi ấy, thì cầm là đều rất xấu hổ lắm. Vậy nếu có muốn cho yên việc, thì phải nộp quan quốc phó; đoạn sẽ giao hòa vuối nhau, mà mình sẽ trở về Đàng Ngoài tức thì.

Ông Huệ vương nghe làm vậy, thì kinh khiếp bối rối, vì ít trí khôn, chẳng biết đàng lo việc gì, một biết chơi bời mà thôi. Vã lại người đã biết tỏ các quan cùng cả và dân đã sẵn lòng nội công, và trở lại cùng quân Đàng Ngoài mà phản mình, thì càng sợ hãi hơn nữa. Nhơn vì sự ấy, Huệ Vương hội triều đình lại mà bàn việc ấy. Bấy giờ ai ai đều cũng bàn rằng: Phải nộp ông quốc phó cho yên nhà nước. - Nhưng mà quân Đàng Ngoài được quan quốc phó thì thết đãi cách lịch sự; và bởi ông ấy đã thuộc các xứ Đàng Trong tường tận, cho nên quân Đàng Ngoài biết đặng mọi sự. Ấy vậy Trịnh Sum đem quân vào Đàng Trong cho đến gần thành Huế, có ý vây thành ấy, vì quân Đàng Trong đã trốn đi hết.

**5 - Huệ vương trốn vào Đồng Nai.**

Khi Huệ vương biết mình đã mắc lừa, thì chẳng biết làm sao hay là cậy ai nữa. Nên ông ấy đem mẹ cùng anh em chị em, con cháu và quan quân bỏ thành Huế mà xuống tàu trốn vào Đồng Nai.

Trong các cháu ấy có ông Hoàng Tôn là con Đức Mụ, và Nguyễn Anh, là con ông Chưởng Vũ. Ông Hoàng Tôn đã nên mười hai tuổi, mà ông Nguyễn Anh thì mới chín tuổi. Khi vua vào trong ấy, thì khó đến nơi lắm, vì quân Tây Sơn đã cấm các cửa biển58; nên cũng có lúc vua phải ẩn mình mà đi bộ.

Khi ấy ông Đi-đa-cô, là người bên Tây, cùng là thầy cả dòng ông thánh Phan-xi-cô, giảng đạo trong Đồng Nai, đã lập nhà tại làng Chợ Quán. Ông Huệ vương thương ông ấy lắm, đã nghe người có tài năng khôn ngoan, bèn đặt làm quan lớn trong Đồng Nai. Cho nên ông ấy có thân thế đã xin được vua phá chỉ cấm đạo đời Hiếu Vũ vương đã ra khi trước. Bởi vậy các bổn đạo Đàng Trong được bằng yên vô sự.

**6 - Đức thầy Vê-rô59 (Mgr d'Adran) qua Cao Mên lập nhà trường tại Cần Thơ.**

Cũng một khi ấy có Đức thầy Vê-rô mới đến Sài Gòn. Người đã được sắc Tòa Thánh đặt làm Giám mục phó Đàng Trong; song chưa chịu chức Giám mục. Người cũng đến chầu, thì vua thết đãi trọng thể lịch sự; người cũng làm quen với vua cùng các quan. Chẳng khỏi bao lâu, Đức thầy Vê-rô phải sang bên Cao Mên, có ý đam60 học trò sang và lập nhà trường gần họ Cần Thơ. Người lấy nơi ấy làm tiện cho học trò, phần thì vì có nhiều bổn đạo ở xung quanh, phần thì vì tốt khí, tốt nước, tốt đất, và dễ sắm sửa các đồ ăn mặc hơn trong Đồng Nai.

Thuở ấy, trong họ Cần thơ, có hai thầy dòng ông thánh Phanxicô, là ông bề trên Gioang và ông Gioang thiên bạ đặt tên là 'lửa', vì nóng tính. Cả hai người ở nước Italia mà sang giảng đạo trong nước An Nam; mà đức Giám mục trước có ý cho dễ hòa thuận, thì đã cho phô thầy ấy xem sóc địa phận riêng. Nhưng mà phô thầy ấy chẳng chịu lụy Giám mục trong mọi sự như các thầy cả khác. Bấy giờ hai thầy ấy cả lòng vô phép mà luận phạt Đức thầy Vê-rô phải vạ cất phép; không cho làm việc bổn phận, vì rằng: "Người đem học trò đến và lập nhà trường trong địa phận mình, thì là như cướp lấy quờn phép mình." Hai ông ấy ở làm vậy là đều lỗi cả thể lắm, song le Đức thầy Vê-rô làm thinh.

Vậy vua Cao Mên có lòng kính Đức thầy Vê-rô cách riêng mà rước trọng thể, và ban đất để lập nhà ở và nhà trường trong họ Cần Thơ. Vua làm vậy chẳng phải có ý mến sự đạo đâu, một61 có ý nhờ phần đời mà thôi. Vì chưng vua nghĩ rằng: "Đức giám mục ở đâu thì cũng có nhiều bổn đạo Đàng Trong theo đó. Mà lại các ông Tây lập nhà trong nước Cao Mên thì dễ liệu cho các tàu tây sang

buôn bán, và mình sẽ được lợi." Thật khi ấy các bổn đạo Đồng Nai chẳng được yên, vì giặc giã cả thể62 lắm, cho nên kẻ trốn sang bên Cao Mên thì kể chẳng xiết.

Song Cao mên chẳng được bình yên bao lâu, vì anh em quan trấn xứ Ba Thục làm nguỵ, thì sinh ra xôn xao loạn lạc trong cả và nước. Quân giặc ấy phá phách cùng ăn cướp nhà trường Đức thầy Vê-rô đã lập, nên mất hết mọi sự; lại có bốn người học trò phải tay nó giết. Trong những người ấy thì có một thầy có chức gọi là thầy già Nhiễn63, quê ở Đàng Ngoài. Vả lại quân giặc có ý bắt đờn bà64, con gái; nên có bảy người nhà phước phải chết, vì chẳng chịu để cho nó làm sự quấy phá.

**7 - Giặc Tây Sơn càng ngày càng thêm. - Lấy đặng xứ Đồng Nai.**

Khi ấy cả và nước An Nam phải khốn khó lắm, vì đâu đó cũng có giặc giã loạn lạc. Dầu quân Đàng Ngoài đã lấy cùng giữ xứ Quảng Trị, Quảng Nam và Huế mặc lòng, song cũng chưa đặng yên, vì phải đánh với quân Tây Sơn, mà khi thì nó thua, khi thì nó đặng. Dân Đàng Trong thì phục quân Đàng Ngoài, vì chẳng bắt việc quan là bao nhiêu cùng hay thương dân; lại khi đói khát thì phát gạo lúa cho dân. Các bổn đạo càng đặng nhờ hơn nữa, vì quan trấn xứ Đinh Cát và Quảng Nam và Huế có đạo; lại quan đại tướng quân, gọi là quan Quốc lão, cai các quân Đàng Ngoài, cũng có đạo nữa. Ông ấy quen ở trong thành Hội Yên65; còn các xứ khác, từ Huế cho đến gần Đồng Nai, thì thuộc về quân Tây Sơn hết.

Huệ vương cũng đã sai nhiều quan quân mà đánh với quân Tây Sơn. Ông Nguyễn Anh khi ấy dầu mới lên mười ba hay mười bốn tuổi mà thôi, mà vua cũng đã đặt làm quan cai quân đánh giặc. Khi đầu ra như hai bên bằng nhau; song le dần dần quân Tây Sơn đặng trận cả thể và lấy đặng các xứ. Năm 1776, cùng là năm Bính Thân, Cảnh Hưng tam thập thất niên, thì quân ấy cũng lấy đặng cả xứ Đồng Nai, và bắt đặng ông Hoàng Tôn nữa. Còn Huệ vương và ông Nguyễn Anh cùng các quan thì ẩn mình nơi nọ nơi kia, hay là trốn sang bên Cao Mên. Quân Tây Sơn chẳng những là chẳng giết ông Hoàng Tôn, mà lại tỏ lòng kính và thiết đãi trọng thể. Khi nó lấy đặng xứ Đồng Nai, cùng lấy đặng tàu đầy những vàng bạc cùng những của khác đoạn, thì chở về Quy Nhơn, lại đam ông Hoàng Tôn về với nó nữa; và đặt quan quân giữ lấy các thành và các xứ nó đã lấy đặng.

Quân Đàng Ngoài bắt đặng quan Quốc phó, và nhờ ông ấy mà lấy đặng các xứ Đàng Trong. Khi đem ông Quốc phó từ Huế mà ra cho đến Kẻ Chợ, thì không ai làm đều gì cực khổ ông ấy; mà lại vua Lê

Cảnh Hưng cũng thết đãi ông ấy cách lịch sự. Người còn sống lâu năm bình yên vô sự; song chẳng còn chức tước gì.

Trong Đồng Nai, thì Huệ vương nhờ vua Cao Mên và quan trấn Hà Tiên giúp, cùng lập đặng nhiều binh mới mà đuổi binh Tây Sơn ra khỏi xứ Đồng Nai, và lấy lại cả và xứ ấy.

Ông Nhạc, là tướng Tây Sơn, có ý lấy lòng dân, thì khoe danh rằng: "Huệ vương chẳng phải là vua chính; mình có ý đánh giặc cho đặng giúp ông Hoàng Tôn là vua chính mà thôi." Vả lại, ông Nhạc đòi gả con cho Hoàng Tôn, thì ông Hoàng Tôn sinh lòng buồn bực lắm, vì mình là dòng dõi vua mà phải lấy con tướng kẻ cướp, thật là xấu hổ ngàn trùng. Song người cũng chịu vậy, kẻo từ chối thì phải chết chẳng khỏi. Bề ngoài thì ông Nhạc cũng tỏ ra lòng kính ông Hoàng Tôn; nhưng mà thật chẳng để cho người quờn phép gì, nên ra như phải giam vậy, và mọi sự tại ông Nhạc hết.

**8 - Các quan tôn ông Hoàng Tôn.**

Ông Hoàng Tôn thấy tỏ tường quân Tây Sơn lấy tên mình mà lừa đảo dân, có ý cho mình đặng ích riêng mà thôi; khi đã được việc rồi, thì sẽ bỏ hay là giết mình chẳng sai: nên đã lén xuống thuyền mà trốn vào Đồng Nai về cùng Huệ vương. Ở đó các quan phục ông ấy lắm, vì người khôn ngoan thượng trí và hay thương dân; còn ông Huệ vương thì các quan đã chán rồi, vì chẳng biết đàng lo việc gì; mà lại dầu phải loạn lạc khốn khó thể nào, thì cũng lo một sự chơi bời, xem trò xem hát mà thôi. Bởi vậy có nhiều người tỏ ra lòng để duôi66 ông Huệ vương; các quan cũng chia làm hai phe. Phe đông hơn thì đặt ông Hoàng Tôn làm vua mà đặt tên là Thái Hoàng đế, vì có ý lừa ông Huệ vương; còn phe trung với ông ấy thì ít lắm. Ông Huệ vương hiểu ý thì trẩy67 sang Hà Tiên, để ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh ở lại Đồng Nai.

**9 - Những sự khốn khó dân phải chịu**

Quân Tây Sơn đã mất Hoàng Tôn và xứ Đồng Nai, ông Nhạc chẳng lừa dân được nữa, thì chẳng còn nói đến vua chính, một xưng mình là hoàng đế cai các xứ, từ Quy Nhơn cho đến Đồng Nai, cùng lấy tên Thái Đức; nên sự khốn khó các xứ Đàng Trong một ngày một thêm68.

Về sự đạo thì bằng yên, vì quân Tây Sơn chẳng lo đến việc đạo. Bà dì ông hoàng thì cũng có đạo và giúp nhiều việc cho thạnh69 sự đạo. Cũng có lẽ mà ngờ rằng mẹ ông Thái Đức cũng có đạo nữa. Bởi đó các thầy giảng đạo, dầu Tây dầu Nam, đi đâu hay là làm

việc gì cũng không ai ngăn cấm.

Còn về phần đời thì dân đói khác quá lẽ70. Thường khi trong xứ Quy Nhơn quen bán một cái lương năm sáu tiền, thì khi ấy bán mười lăm quan, vì thiên hạ thấy quân kẻ cướp làm vua làm quan, thì lấy làm xấu hổ, chẳng ai muốn phục tùng. Nên sinh loạn lạc giặc giã và ăn cướp nhiều nỗi khốn nạn kể chẳng xiết. Vả lại quân Tây Sơn chẳng có phép tắc gì; các quan muốn làm sao thì làm. Đạo tặc phá phách, ăn cướp, đốt nhà mà chẳng ai can gián, cho nên dân sự phải khốn khó không biết kể sao cho cùng. Sau nữa, dầu quân Tây Sơn, dầu ông Hoàng Tôn đều phải dùng oai phép71 mà ép lòng dân tùy phục mình; cứ lời nói mà thôi, thì chẳng hề đặng việc gì. Bởi đó thiên hạ khốn cực lắm, vì phải giặc hai bên chỉ đánh nhau luôn. Khi thì bên nọ thắng, khi thì bên kia thắng; thiên hạ chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ lấy đặng xứ nào một ít lâu, mà đến sau phải thua chạy bỏ xứ ấy; thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy, vì đã theo giặc.

**10 - Quân Tây Sơn giết ông Hoàng Tôn.**

Đến sau, quân lính Hoàng Tôn đã phải thua một trận cả thể lắm; quân giặc bắt đặng ông Huệ vương mà giết ông ấy đi với các anh em. Ông Hoàng Tôn và ông Nguyễn Anh thì trốn được vào đồn kia với một ít quân. Song bởi quân ấy thấy ông Hoàng tôn cô thế, thì chẳng có lòng với ông ấy là bao nhiêu, nên giao với quân Tây Sơn, mà chịu hàng cùng nộp ông Hoàng Tôn với ông Nguyễn Anh cho nó. Song ông Nguyễn Anh trốn khỏi. Vậy quân giặc bắt ông Hoàng Tôn mà giết đi cách kín đáo, chẳng dám giết trước mặt người ta, kẻo còn nhiền kẻ phục ông ấy mà thêm loạn lạc chăng.

# ĐOẠN THỨ BA

**Nguyễn Anh lập binh đánh cùng Tây Sơn (1777) - Tức vị lên ngôi (1782)**

**1 - Nguyễn Anh trốn giặc.**

Ấy vậy tông tộc nhà Nguyễn đã gần tuyệt, còn lại một ông Nguyễn Ánh cùng ba anh em mà thôi. Chẳng khỏi bao lâu thì ba anh em ấy lại phải sự khốn khó mà chết hết. Vậy còn một ông Nguyễn Anh mới nên mười bốn hay là mười lăm tuổi mà thôi.

Ông ấy tuy khỏi chết, song đã phải túng cực lắm vì chẳng còn của gì, chẳng còn ai giúp cùng chẳng biết tin ai nữa. May còn một đứa nhà trò có lòng trung tín, ban đêm đã kiếm đặng một chiếc thuyền nhỏ, thì hai thầy tớ liền đem nhau về rừng lau mà trốn. Tình cờ lại gặp thuyền ông Phao-lồ72, là thầy cả bổn quốc, cũng đang chạy giặc. Bấy giờ ông Nguyễn Anh, tuy chưa quen biết thầy Phao-lồ, song đã biết là thầy đạo, thì xưng mình là người nọ người kia và xin thầy Phao-lồ cứu. Thầy Phao-lồ liền chịu và đem qua giấu trong thuyền mình và chèo thẳng về Hà Tiên giao người cho Đức thầy Vê-rô. Khi ấy Đức thầy Vê-rô đã sang bên Cao Mên, cho nên thầy cả Phao-lồ vội vàng gửi tin cho người biết sự ấy cho kíp73.

Ông Phao-lồ có ý giấu ông Nguyễn Anh trong nhà Đức thầy Vê-rô cho kỷ74; nên chẳng cho ai biết. Song cũng khó lắm, vì quân Tây Sơn đã biết tỏ ông ấy đã trốn sang Hà Tiên, nên đã truyền tìm bắt người mà nộp. Vậy qua một tháng, thì chẳng còn lẽ nào mà giấu trong nhà nữa, nên ông Phao-lồ phải đưa ông Nguyễn Anh lên trên rừng nơi vắng vẻ. Đoạn hoặc ông Phao-lồ, hoặc thầy giảng kia, tên ông Toán, thỉnh thoảng lén bối75 cho mà ăn mà thôi. Vậy ông Phao-lồ chịu khó mà liệu cách khôn ngoan thể ấy đặng hai ba tháng, thì có công với ông Nguyễn Anh cả thể lắm. Vì chưng76 nếu chẳng có thầy cả ấy, thì ông Nguyễn Anh chẳng khỏi phải bắt.

Khi ấy qua phủ kia, tên là Nhất Trịnh, nghe tin ông Nguyễn Anh hãy còn, thì lấy một ít quân mạnh bạo đi tìm mà giết. Quân Tây Sơn canh giữ đồn kia áp xứ Đồng Nai và Cao Mên, những77 ra sức tìm cho đặng ông Nguyễn Anh. Dần dần thì nó biết đặng ông ấy còn ẩn mình trong thuyền ông Phao-lồ trong Rạch Giá. Cũng một khi ấy Đức Thầy Vê-rô ở Cao Mên mà về tìm được ông Nguyễn Anh; người lại đem một người Pha-lang-sa78, tên là Gioang, có nghề võ cùng bạo dạn gan đãm, và có tài đánh giặc lắm.

**2 - Ông Nguyễn Anh nhờ ông Gioang giúp việc đánh quân ngụy.**

Khi ông Nguyễn Anh đã tu79 binh mã ít nhiều, thì ông Gioang đã giúp người nhiều việc.

Vậy trước hết, khi thấy quan Nhất Trịnh đã lấy đặng đồn kia, thì ông Gioang cứ phép tây mà làm nhiều trái phá80, đoạn xuống thuyền lớn. Bấy giờ Nhất Trịnh chưa ngờ đều gì thì vào Long Hồ là nơi quân Tây Sơn đóng nhiều tàu lắm. Vậy ông Nguyễn Anh làm tướng cai quân, và ban đêm, thình lình, thì xông vào đánh quân Tây Sơn. Khi ấy ông Gioang chỉ đốt và bắn trái phá, nên quân Tây Sơn bất thình lình nghe tiếng trái phá, và thấy nhiều người chết, thì sợ hãi lắm, vì chưa từng biết sự làm vậy, cùng chưa thấy trái phá bao giờ; nên bỏ tàu mà nhảy xuống sông. Những kẻ phải chết chém hay là bị trái phá thì chẳng bao nhiêu; song kẻ chết đuối vì sợ mà vội nhảy xuống sông đè lộn nhau, thì không biết là ngằn nào81. Trong trận nầy ông Nguyễn Anh đã làm tướng rất khôn ngoan mà gan đãm lắm, vì cũng đánh như lính; dầu xung quanh người chết gần hết, song ông ấy chẳng phải nao. Khi đã tan trận, mà thấy ông ấy những máu dầm dề cả và mình, mà chẳng bị tích82 gì, thì ai ai đều kể là83 phép lạ. Những tàu quân Tây Sơn ở trong Long Hồ, thì ông Nguyễn Anh lấy được hết.

**3 - Quân Đông Sơn lấy đặng xứ Đồng Nai.**

Khi ông Nguyễn Anh đã đánh đặng quân Tây Sơn đoạn, thì có quan kia, tên là Chưởng Thuyên Thạch (Đổ Thanh Nhơn)84, sau làm quan đại tướng. Quan ấy khi trước đã trốn ẩn mình trong sông Ba Giồng làm một với ít quân; khi nghe ông Nguyễn Anh đã đánh được quân Tây Sơn, cùng đã lấy được nhiều tàu, thì liền tụ hiệp quân kẻ cướp làm một cơ quân, mà đến hãm thành Sài Gòn, là đầu xứ Đồng Nai. - Đến sau gọi quân kẻ cướp ấy là quân Đông Sơn.

Quân Tây Sơn thua trong Long Hồ đoạn thì về Quy Nhơn; song cũng còn để nhiều quan quân mà giữ thành Sài Gòn. Ông Thuyên

Thạch với quân Đông Sơn vây thành ấy và đánh rất mạnh lắm, nên đã lấy đặng. Lại đánh nhiều trận với quân Tây Sơn; mà hễ quân Đông Sơn đánh trận nào thì được trận ấy, và đuổi quân giặc ra khỏi Đồng Nai.

**4 - Các quan tôn Nguyễn Anh làm Nguyên soái.**

Bấy giờ ông Nguyễn Anh đem những tàu đã lấy được tại Long Hồ mà sang Sài Gòn. Thiên hạ rước trọng thể cùng vui mừng. Đức thầy Vê-rô đã trốn sang Cao Mên với thầy cả Phao-lồ và mười tám học trò. Song khi nghe tin ông Nguyễn Anh đã lấy đặng xứ Đồng Nai, thì trở về xứ ấy và đem học trò về theo nữa.

Ông Nguyễn Anh thì cậy ông Gioang sắm sửa khí giới cùng đóng nhiều tàu, và sắm nhiều đồ khác cho đặng đánh giặc theo phép bên Tây. Khi ấy ông Nguyễn Anh đã gần hai mươi tuổi, thì các quan tôn là Đại Nguyên soái, cùng lo cho ông ấy lấy vợ. Người lấy con quan đại thần kia, là ông Thượng Trông (Tống Phước Khuôn)85, mà vợ ông ấy thì bởi dòng vua mà ra. Qua một năm thì ông Nguyễn Anh sinh đặng một con trai; và đến sau, Đức Thầy Vê-rô đã đam con trẻ ấy sang nước Pha-lang-sa, cho được xin vua nước ấy giúp, như sẽ nói sau nầy. Ông Chưởng Thuyên Thạch có công cả thể lắm, nên ông Nguyễn Anh ban cho người đặng chức cao trọng gọi là Hữu ngoại.

**5 - Lúc bình yên thạnh lợi**86.

Đức thầy Vê-rô lập nhà trường trong Gò Mít: người đã kết nghĩa với ông Hữu ngoại, nên ông ấy đã giúp mà làm nhà thờ rất trọng thể. Nhà Đức thầy Vê-rô ở thì gần ông Nguyễn Anh lắm, cho nên Đức thầy và ông ấy năng qua lại. Chẳng mấy ngày mà chẳng thăm viếng nhau. Ông Nguyễn Anh có ý liệu việc gì, thì quen bàn việc ấy với Đức thầy trước đã. Khi ấy có ba ông Tây là ông Beret, ông Thảo Tổ và ông Liot, đã sang giảng đạo trong nước An Nam; lại có ba ông An Nam gọi là cậu Phaolồ, cậu Anrê, cậu Gioang ở một nhà với Đức thầy Vê-rô. Các ông ấy đặng phép rộng mà giảng giải, làm các việc về sự đạo chẳng kém bên Tây.

Luận về sự bề ngoài thì xem ra bằng yên87; song các quan và quân lính xứ Trà Vang (Trà Vinh) trong nước Cao Mên, trước đã theo Nguyễn Anh, thì rày dấy loạn, làm nguỵ chẳng còn muốn thuộc về nước An Nam nữa. Cho nên ông Nguyễn Anh sai ông Hữu ngoại đi với người Pha-lang-sa kia, đã sang với Đức thầy Vê-rô mà ở lại giúp việc nhà nước, tên là Manoe (Emmanuel). Ông Hữu ngoại có ít quân mặc lòng, song bởi có tài bày mưu kế mà đánh giặc, nên

chẳng khỏi mấy ngày xứ Trà Vinh đặng bình yên lại, và quân giặc chịu hàng hết. Bởi đó ông ấy sinh lòng kiêu ngạo, và cậy thế quân mình là quân Đông Sơn, đến đỗi xưng mình là quan Thượng tướng. Ông Nguyễn Anh sợ quan ấy lắm, nên phải làm thinh.

Khi trước ông Huệ vương và ông Hoàng Tôn chết đoạn, mà cả tông tộc vua đã hầu tuyệt rồi, còn lại một mình ông Nguyễn Anh mà thôi, ví bằng ông ấy xưng mình là vua thì cũng chẳng còn ai giành được: song bởi người đã mất mọi sự và túng cực lắm, thì chẳng còn ai nhìn. Khi đã lấy lại đặng xứ Đồng Nai, và xem ra có dấu yên ít nhiều, thì các quan mới đặt ông ấy làm Vua, là năm 1782, cùng là năm Cảnh Hưng tứ thập tam niên. Khi ấy vua đã đầy hai mươi tuổi.

**6 - Ông Hữu ngoại trở lòng kiêu căng gian ngược.**

Ông Hữu ngoại càng ngày càng thêm lộng lược88, nên chẳng còn thèm chức Thượng tướng nữa. Người xin vua phong cho chức cao hơn. Vua phải nghe mà đặt ông ấy là Phó chính, nghĩa là kẻ làm đệ nhị sau vua. Vua ban chức cao trọng làm vậy, chẳng phải là bởi lòng thương, song bởi sợ ông ấy, nên chẳng dám chối đều gì. Ông Hữu ngoại thấy mình đã lên đặng bậc cao trong dường ấy, thì càng sinh ra lòng cậy mình kiêu ngạo hơn khi trước và khinh dể89 các quan; lại chẳng còn xem vua là gì. Dầu các quan dầu vua đều thì phải cứ lời ông ấy mà liệu các việc; cho nên xem vua còn có tên vua không, vì chính quờn vua thật ở tại một ông phó chính mà thôi.

Ông ấy đã biết tỏ sự mình được làm vậy, thì tại quân Đông Sơn đã giúp mình và hằng theo mình. Bởi vậy ông ấy ở cách rộng rãi với các quan và quân lính thuộc về cơ ấy hầu lấy lòng nó. Quân ấy ăn lương cấp và ức hiếp người ta lắm; còn vua thì ông phó chính cứ tháng mà phát lương, là ít nhiều tiền gạo cho đủ nuôi mình cùng đầy tớ riêng trong nhà, như đã quen phát cho các quan mà thôi. Các việc riêng trong nội về vợ con cùng kẻ nội thị và kẻ giúp, thì mọi sự mặc ông phó chính; vua chẳng có quờn mà liệu việc gì. Ông ấy cũng chỉ ra mặt với người ta cách trọng thể, các quan và những quân Đông Sơn hầu hạ đông lắm, cho nên ai ai cũng sợ hãi chịu phép. Có khi ông ấy cũng chê vua nữa mà rằng: "Ít trí khôn lắm, chẳng có sức trị nước được." - Bởi vậy chẳng cho vua đi đâu, khác chi là giam cầm vậy. Hoặc một hai khi vua bước ra đàng, thì ông phó chính bắt quân Đông Sơn theo mà giữ lấy. Sau nữa ông phó chính làm hết sức cho được khuyên dụ Đức thầy Vê-rô bỏ vua mà về phe mình; song le chẳng đặng.

Ông phó chính hay chơi bời xà xí90, những cậy nhờ quân Đông Sơn là quân kẻ cướp, mà chẳng lo cho vua; cho nên kho vua chẳng đủ mà chịu các đều tổn phí hằng ngày. Quân Đông Sơn ức hiếp dân sự, bắt người ta nặng việc quan quá lẽ. Ông phó chính có lòng ghét ai, thì kẻ ấy chẳng có lẽ nào mà khỏi tội đặng. Vậy bởi người chẳng ưa ông Thượng Trông, là quan đại thần đã gả con cho vua, nên đã truất chức ông ấy, lại ép vua bỏ vợ là con ông ấy đi nữa.

Ông phó chính làm nhiều đều quái gở hơn nữa. Vì hễ ai lấy tình anh em mà trách một hai đều vì ở trái phép công bình; tức thì ông ấy giận quá sức mình, mà cậy kế bỏ vạ tội rất nặng cho vợ mà luận xử tử. Bởi đó ai ai cũng ghét; có những quân Đông Sơn phục ông ấy mà thôi. Thiên hạ sợ phép người, thì chẳng ai dám nói đều gì; lại vua càng ngày càng thêm sợ ông ấy hơn nữa.

Ông phó chính đã chiếm lấy quyền91 phép thể ấy cũng có ý liệu việc khác, là lo mưu kế mà giết vua. Vả lại người thấy Đức thầy Vê-rô chẳng chịu bỏ vua mà theo mình, thì sinh lòng muốn giết Đức thầy làm một cùng vua. Dầu ông ấy giấu, mới bàn với một hai người mà thôi, song vua cũng đã biết. Nên vua giữ mình lắm, hễ bao giờ ăn uống vật gì thì biểu người ta ăn trước, nếm trước đã, đoạn vua mới dám ăn; lại vua cũng xin Đức thầy Vê-rô gửi nước lã cùng đồ ăn cho, vì sợ ông phó chính bỏ thuốc độc vào trong đồ ăn uống chăng.

**7 - Vua cứ thẳng phép mà giết ông phó chính.**

Vua phải cực khổ thể ấy thì buồn lắm, cũng năng nói truyện92 với Đức thầy Vê-rô, mà bàn cho biết phải liệu làm sao. Vua chỉ quyết lo mưu chước mà giết ông ấy khi xuất kỳ bất ý93, vì ông ấy ở vô phép làm vậy chẳng còn chịu đặng. Đức thầy Vê-rô hết sức khuyên bảo vua đừng là sự quái gở thể ấy, chẳng những vì là đều chẳng phải, mà lại vì là đều chẳng khôn nữa. Vì quân Đông Sơn thân thế cùng có lòng mến ông phó chính, mà vua thì yếu thế lắm, cho nên nếu vua giết ông ấy đi, thì quân Đông Sơn sẽ làm giặc oán thù chẳng khỏi, nên thêm xôn xao loạn lạc mà thôi.

Vua lấy những lẽ ấy làm phải, thì chẳng còn nói việc ấy cùng Đức thầy nữa; nhưng mà bởi người giận lắm mà chịu chẳng đặng, thì đã bàn các việc với một người trong nội thị là người trung tín và gan dạ. Người dạy nó ẩn lại nơi riêng cách phòng vua quen nằm. Vậy ban đêm vua giả đau bụng quá. Khi ông phó chính nghe tiếng vua rên siếc94 thì gửi thuốc vào dâng. Vua chẳng uống; song cũng giả như đã uống thật, lại kêu rằng: càng uống thì càng thêm đau. Đoạn thì vua sai kẻ đi mời ông phó chính đến cho kíp, vì có việc

rất cần phải nói riêng. Vậy những thuốc ông phó chính gửi thì là thuốc độc cả; ông ấy bèn nghĩ vua đã uống rồi và tin thật người đã gần chết. Nên vội vàng đến, chẳng hồ nghi đều gì, và ngồi gần vua và xơi trà như đã quen lệ. Bấy giờ vua dạy người ta ra đi cho hết, như thể có ý nói đều gì riêng với ông phó chính. Khi người ta lui ra đoạn, thì vua ra hiệu, liền thầy những quân đã ẩn mình xông vào mà đâm ông ấy chết.

**8 - Vua dỗ lòng quân Đông Sơn theo mình.**

Bấy giờ vua và mừng và lo95 cùng mời Đức thầy Vê-rô đến cho biết việc đã rồi mà bàn phải liệu làm sao. Vua có ý lấy phép thẳng mà luận ông phó chính phải mất chức, cùng đánh xác cho xấu hổ. Đức thầy có ý trách vua vì chẳng cứ lời mình đã bàn ngày trước; nếu vua lại luận phạt thây, thì càng ra thêm đều rối rắm, và làm cớ cho quân Đông Sơn càng giận hơn nữa. Nhơn vì sự ấy Đức thầy bàn với vua phải cứ sự thật mà nói tỏ tường: Vốn ông ấy có công cả thể trong nhà nước; song cũng có lỗi nặng riêng với mình, thì mình đã cứ phép mà phạt. Vả lại vì đã biết công ông ấy, thì có ý liệu cất xác cách trọng thể cho xứng đáng kẻ trọng công dường ấy.

Đến sáng ngày, quân Đông Sơn nghe thầy mình đã phải chết cách dữ làm vậy, thì giận lắm cùng toan làm giặc. Nhưng mà vua cứ lời Đức thầy Vê-rô đã bàn, mà truyền dạy cất xác cách trọng thể cho quân ấy bớt giận mà ở yên lòng. Dầu vậy mặc lòng, nó cũng đã biết tỏ chẳng lẽ nào vua tha cho mình được nữa, vì khi trước nó đã chích máu mình ra mà thề giữ nghĩa cho trọn với ông phó chính, mà giúp người giết vua Nguyễn Anh. Nhơn vì sự ấy, các quan lớn thuộc về cơ quân ông ấy chẳng còn dám ở lại cùng vua, đều đem nhau trốn ẩn mình trong sông Ba Giồng và trên núi xung quanh, như đã làm xưa khi còn làm nghề ăn cướp. - Vua nhũ96 bảo các quan nhỏ và những quân còn ở lại hãy đến ra mặt, và nói tỏ tường mình đã truyền giết ông phó chính vì lẽ nào. Lại bởi quân ấy chẳng biết đến các đều ấy, một biết đàng vưng lời97 thầy mình mà kiếm ăn mà thôi, cho nên vua chẳng phạt nó riêng, một nhập tịch nó vào các cơ quân khác; nên chẳng còn làm cơ quân Đông Sơn nữa. Vua liệu làm vậy thì yên việc, mà ai nấy cũng bằng lòng cả.

**9 - Vua dùng mưu mà giết quân Đông Sơn làm nguỵ.**

Các quan cai quân Đông Sơn trốn sang bên sông Ba Giồng đoạn, gửi thư cho quân Tây Sơn xin chịu hàng và giúp việc giặc giã; cho nên nó lại ra sức tìm thế đánh giặc, cùng dỗ người ta bỏ vua mà theo nó. Nó dỗ được nhiều quân đạo kiếp98 rồi, thì ăn cướp làng

nọ, đốt làng kia, bắt bớ người nọ, chém giết người kia, chỉ làm khốn cho thiên hạ. Nó càng làm cho dân kinh khiếp hãi hùng, thì càng lấy làm vui lòng toại chí. Cho nên ai ai cùng nép ẩn sợ hãi phép nó; chẳng ai dám chống trả với nó, vì sợ nó báo thù độc dữ hơn nữa chăng.

Dầu vua chúa cũng chẳng dám đi đánh nó, mà hoặc có sai quân đi đánh nó thì một là phải chịu thua, hai là phải về không; vì khi nào nó thấy quân lính vua đông đắn99, mình chẳng có sức đánh đặng, thì nó trốn lên trên rừng trong những nơi quen ở, mà chẳng ai theo nó đặng. Khi quan quân kéo về thì nó lại ra làm hổn hào100 dữ tợn hơn khi trước, khác chi nó đã mặc lấy tính con hùm vậy.

Vua lấy sực lực mà bắt nó chẳng đặng, thì người nghĩ dùng mưu kế mà hủy hoại nó cho tuyệt. Vậy có một quan lớn kia, tên là Đạo Binh (Vị Khảo), đã bị cáo đều nặng, mà chẳng ai biết tỏ ông ấy mắc tội thật hay là bởi chước101 vua bày; song thật quan ấy phải giam cùng luận xử tử. Đến khi quân lý hình điệu ông ấy đi chém, bỗng chúc102 thấy những quân lính ông ấy cai khi trước, rút gươm ra mà đánh quân lý hình, cùng cứu lấy ông Đạo Binh. Tức thì ông ấy trốn sang với quân Đông Sơn ở sông Ba Giồng, cùng kể ra các đều trước sau mình đã bị oan thể nào. Quân ấy nghe, thì vui mừng thiết đãi ông ấy trọng thể; lại đặt làm tướng, vì nó đã biết người có tài đánh giặc. Vậy quân ấy đặng ông Đạo Binh làm tướng cho, thì càng ra mạnh thế và làm khốn cho người ta hơn nữa.

Có một lần kia, ông ấy đi ăn cướp về đặng nhiều của lắm, thì có ý ăn mừng trọng thể, cùng mời những quân đạo kiếp Đông Sơn ăn yến cho vui. Khi nó đã say cùng mê ngủ cả, thì ông ấy truyền chém hết, và bỏ đầu xuống thuyền, trở về mà dâng các đầu ấy cho vua. - Cứ sự bề ngoài thì có lẽ đoán rằng: âu là khi trước vua đã bàn việc ấy với ông Đạo Binh. Vì chưng khi ông ấy về, thì vua thiết đãi trọng thể và trả các chức tước lại cho ông ấy.

**10 - Vua An Nam giúp nước Cao Mên khỏi giặc Xiêm.**

Ông Trạch-nga-tắc, là vua nước Xiêm, là người thứ dân, mà thông minh; cha là người Đại Minh, mẹ là người Xiêm. Vậy khi đầu ông ấy đã phải nhiều sự khốn khó lắm, song bởi tốt trí khéo bày mưu chước, thì dần dần đặng lên làm quan lớn. Đến sau lại lập bè đảng làm loạn trong cả và nước Xiêm mà cướp lấy mọi sự; lại bắt vua vào chùa làm thầy sãi, và tôn mình làm vua. Khi làm vua thì ở cách độc dữ, làm khốn dân quá lẽ, những ép làm việc quan nặng nề lắm. Người lại có tính hay hồ nghi mọi người: nhớ mình xưa ở

cách dối trá với vua chính thể nào, thì rày103 lại sợ các quan ở với mình thể ấy. Nên chỉ lấy phép dữ mà hiếp cả và dân, ép mọi người chịu phục mình.

Vậy vua dữ ấy tụ tập nhiều binh, và sai một cơ quân sang nước Lào cho đặng ăn cướp, và phá nước ấy đi. Quan tướng cai quân ấy, tên là Chức-kì-ri. Đến sau vua lại sai hai cơ quân khác mà cướp nước Cao Mên nữa. Khi ấy nước Cao Mên dầu có vua mặc lòng, song cũng phải đi tiến cống và nộp thuế cho vua An Nam.

Vua An Nam nghe sự quân Xiêm đánh nước Cao Mên, thì sai nhiều binh sĩ đi cứu, và đòi quan lớn kia, tên là ông Giám Quốc, làm quan đại tướng quân, cai những binh sĩ ấy. Nguyên ông Giám Quốc là người rất hiền lành hay thương quân lính, và có tài hay nghề võ. Vậy hai bên giáp trận đánh với nhau đã lâu ngày, mà chưa ai đặng, chưa ai chịu thua, vì hai bên đồng sức và đồng tài như nhau. Song quan tướng cai quân Xiêm nghe nhiều tin vua Xiêm, là ông Trạch-nga-tắc, ở cách bực bội ra như người chẳng có trí khôn, thì quan tướng ấy cầu hòa với ông Giám Quốc. Hai ông làm tờ giao với nhau, để sau hoặc trong hai người ấy, người nào khốn khó, thì người kia sẽ ra sức cứu giúp. Vậy quân Xiêm bỏ nước Cao Mên mà trở về. Quan tướng đã giao hòa với ông Giám Quốc thì là anh ông Chức-kì-ri đã sang ăn cướp nước Lào.

**11 - Vua nước Xiêm phải tay người kia giết.**

Quân Xiêm còn có cơ quân khác muốn làm hại nước Cao Mên, mà em vua Xiêm, tên là Chiêu-nõi, làm tướng cai quân ấy. Ông Chức-kì-ri phá phách nước Lào rồi trở về với anh; còn em vua Xiêm là ông Chiêu-nõi, toan đánh cướp lấy nước Cao Mên. Song le người đánh trận nào, thì thua trận ấy, vì ông Giám Quốc có tài đánh giặc hơn ông ấy nhiều phần; cho nên ông Chiêu Nõi phải trốn trở về Xiêm. Chẳng hay khi chưa kịp về nhà, thì hai anh em, là ông Chức-kì-ri và ông Xa-xôi, khi trước làm quan tướng bên Lào và bên Cao Mên, cả hai đồng tình với nhau mà đánh ông Chiêu-nõi đi.

Vả lại quan lớn kia, tên là Bi-gia-sẵn, quê ở xứ Chà Và, đã giết vua Xiêm nữa; chẳng phải là vì người có lòng độc dữ hay là có ý làm loạn, song có ý cứu lấy nước Xiêm cho khỏi vua dữ ấy mà thôi. Vì chưng vua đã ra kiêu ngạo cho đến đỗi đã mất tính người mà ra như điên cuồng. Vua ấy đã in trí mình có sức bay như chim. Khi ấy có hai ông Tây đã sang giảng đạo bên ấy, là ông Giude và ông An-tô-ni-ô. Vua đòi mà hỏi rằng: "Có tin thật mình có sức bay được chăng?" Hai ông ấy cứ sự thật mà rằng: "Mình tin thật vua là loài người ta chẳng bay đặng." Vua nghe đều ấy, thì giận quá, và

truyền đánh hai thầy ấy gần chết. - Các đều điên cuồng và độc dữ khác vua ấy đã àm104 thì ta chẳng kể làm chi.

**12 - Ông Chưởng Xuân phải mưu ông phó chính mà chết chém.**

Ông ấy đã giết quan lớn An Nam, tên là Chủ Trấn, cùng các con trai người. Ông Chủ Trấn là quan trấn cai Hà Tiên; mà đời ông Huệ vương phải sự khốn khó và trốn quân Tây Sơn, thì đã sang bên Xiêm. Lại khi ấy, cũng có ông Chưởng Xuân, là chú vua Nguyễn Anh, và nhiều người An Nam trốn sang bên Xiêm; mà vua nước ấy truyền bắt hết cả thảy cùng giam lại; có ý đốt sống nữa.

Vậy ta phải nhắc lại một hai đều cho ai nấy được hiểu cho tỏ, vua Xiêm ở cách độc dữ với người An Nam thể nào. - Khi đầu, ông Huệ vương và ông Hoàng Tôn phải thua Tây Sơn như đã nói trước nầy, thì ông Chưởng Xuân, là con ruột ông Hiếu vương, đã trốn sang nước Xiêm với nhiều quân lính. Đầu hết, thì vua thiết đãi trọng thể, cùng làm tờ giao và hứa sẽ ra sức liệu cho ông Chưởng Xuân lên làm vua nước An Nam; song le đã giao rằng: Từ nầy về sau nước An Nam phải đi tiến cống nước Xiêm. Ông Chưởng Xuân đã chịu làm vậy. Khi ấy ông Huệ vương và ông Hoàng Tôn đã chết rồi, mà ông Nguyễn Anh mới lên làm vua. Cho nên quyền phép ở tại ông phó chính như lời đã nói trước nầy.

Ông phó chính nghe tin ông Chưởng Xuân giao với vua Xiêm thể ấy, thì giận lắm; chẳng chịu ông ấy chiếm lấy chức vua An Nam, bèn lập kế dùng vua Xiêm mà giết ông Chưởng Xuân. Khi ấy ông phó chính ở Sài Gòn mà gửi thư cho ông Chưởng Xuân và ông Chủ Trấn ở Xiêm. Trong thư ấy thì giả nhân nghĩa hẳn hòi105 lắm, những khuyên bảo hai ông ấy ra sức lập phe mà làm loạn trong nước Xiêm. Người lại định tháng hẹn ngày phải đốt các kho gạo thuốc súng của vua Xiêm, bởi vì mình cũng đã sắm sửa nhiều binh sĩ cho sẵn, mà đến cứu giúp và cướp lấy cả nước Xiêm nữa. Trong thư ấy đã dặn hai ông ấy lo mọi việc cho khôn khéo và cho kín đáo.

Bấy giờ ông phó chính dùng quan lớn kia, tên là Pha-ra, cùng là người Cao Mên, mà đưa thư cho hai ông ấy. Ông phó chính đã biết ông Pha-ra có nghĩa riêng với vua Xiêm, và có lòng ghét người An Nam, cho nên người dặn đi dặn lại cho ông ấy đưa thư cho ông Chưởng Xuân và ông Chủ Trấn cách kín đáo, đừng cho vua Xiêm biết, vì là việc trọng. Ông phó chính đã biết tỏ ông Pha-ra có lòng gian mà giả trung tín và có ý tứ lắm. Bởi vậy ông Pha-ra càng thấy ông phó chính lấy việc ấy làm trọng, và ra dấu muốn giữ cho kín đáo, thì người càng dốc lòng sẽ vội vàng cho vua Xiêm biết mọi sự

cho tường tận. Cho nên khi người đến Xiêm vừa rồi, thì chẳng lo gì đến ông Chưởng Xuân, một đưa thư cho đến vua Xiêm. Khi vua đã mở ra và thấy các đều ông phó chính dặn cho hai ông Chưởng Xuân và ông Chủ Trấn, ngờ là thật hai ông ấy nội công, và đồng tình với ông phó chính mà làm hại cho mình. Cho nên vua giận lắm: liền truyền giết hai ông ấy và con cái hai ông ấy tức thì; còn bao nhiêu người An Nam đã trốn sang nước Xiêm, thì truyền bắt hết, và giam lại để thiêu sống đi. Vua chưa kịp làm điều quái gở ấy, vừa phải ông Bi-gia-sẵn giết đi, như lời đã nói trước này.

**13 - Hai anh em làm vua nước Xiêm.**

Hai anh em, là ông Chức-kì-ri và ông Xa-xôi, làm quan lớn nước Xiêm, đã giao nghĩa riêng với ông Giám Quốc và đã giết em vua rồi, đoạn thì cũng có ý giết vua nữa. Nhưng mà khi nghe tin ông Bi-già-sẵn đã giết đi rồi, thì càng vội vàng trở về. Trong lòng thì vui mừng, song bề ngoài thì bắt tội ông Bi-gia-sẵn và luận phạt, vì đã cả lòng giết vua. Bấy giờ hai anh em cướp lấy nước Xiêm cùng làm vua làm một với nhau.

**14 - Vua Nguyễn Anh đánh thua quân Tây Sơn. - Ông Manoe tử trận.**

Khi quân Tây Sơn đã dẹp loạn trong các xứ thuộc về mình, mà thấy quân Đông Sơn rước nó và xin giúp mà đánh vua, thì sắm sửa đem binh sĩ trở vô Đồng Nai đánh giặc một lần nữa. Vua nghe tin ấy, chẳng lấy làm lo chút nào. Bởi vì có nhiều tàu nhiều nghe, cùng khí giới sẵn; lại có nhiều binh sĩ lắm. Vậy xua bắt các quan và binh sĩ đi đón quân giặc. Trước hết có một ông Manoe, là người Pha-lang-sa cai một chiếc tàu lớn. Chẳng hay những tàu vua xuống sông đi ngược nước chưa ra cửa, liền gặp những thuyền quân giặc Tây Sơn vào cửa đi xuôi nước. Mấy tàu vua có một chiếc đi trước là tàu ông Manoe, phòng triệt chẳng cho quân Tây Sơn vào cữa.

Bấy giờ quan quân thấy tàu quân Tây Sơn vào cửa mà chạy xuôi nước thuận gió làm vậy, thì kinh khiếp cả. Vả lại ông Manoe chẳng quen đàng, thì tàu phải cạn chẳng còn đi được; lại chẳng ai có gan đến cứu người. Quân trong tàu thấy làm vậy, lại quân giặc ở gần lắm, thì mất vía. Lại thấy tàu đã bê106 vào bờ, nên quân ấy chạy trốn, chẳng còn ai ở lại. Ông Manoe ở một mình trong tàu túng lắm; song chẳng ngã lòng; một cứ thói quân lính bên Tây mà đánh cho đến chết. Quân giặc thấy tàu phải cạn thì đua nhau đến. Nhưng mà bao nhiêu người xuống dưới tàu ấy thì ông Manoe chém đi hết. Song bởi quân ấy đông quá, mà ông Manoe thì một

mình, chẳng làm chi được. Bấy giờ ông ấy thấy tàu đã đầy quân giặc, thì xuống lòng vét dưới nơi đã quen trử107 các thuốc súng mà đốt đi. Cho nên bỗng chúc cả thuyền vỡ ra cháy cách gớm ghiếc lắm; bao nhiêu người trong tàu chết hết; và những chiếc tàu ở xung quanh thì phải vỡ cả. - Ông Manoe chết sách108 khốn nạn làm vậy; song thiên hạ khen là Anh hùng.

Nguyên ông Manoe chẳng phải làm quan, cùng chẳng phải là người có danh tiếng gì bên phương Tây. Ông ấy ở một quê cùng Đức thầy Vê-rô, mà đã sang Macao cho được buôn bán, thì làm bạn tàu mà thôi. Đến sau, người xuống tàu Bút-tu-ghê mà sang nước Cao Mên; mà bỡi đã biết Đức thầy Vê-rô khi trước, thì xin ở lại làm đầy tớ giúp người. Vậy ông ấy làm mọi việc trong nhà Đức thầy như nấu ăn, may quần áo vân vân. Người có ý tứ lắm, và có lòng đạo, nên Đức thầy thương cách riêng. Vả lại người quen nghề võ và việc đi tàu, thì Đức thầy dưng109 cho vua để giúp các việc dọn khí giới, và đóng tàu như phép bên Tây. Vua thấy ông ấy khôn ngoan và có ý liệu các việc giúp vua, thì trọng người cách riêng và đặt làm quan. Đến sau, khi vua nghe ông ấy đã liều mình chết cách bạo dạn thể ấy, thì người thương tiếc lắm.

Ông Manoe chết rồi, thì quân Tây Sơn lấy được các tàu của vua hết thảy; và ngày hôm sau đã lên Sài Gòn, mà hãm lấy đặng cùng cướp hết mọi của cải trong ấy, nhứt là quân lính và các đồ thuộc về vua. Các nơi khác và các đồn khác trong Đồng Nai, thì quân Tây Sơn chưa lấy đặng. Vì chưng các quan đã thua trận thủy, bấy giờ có ý rửa hổ, thì ra sức mà đánh bộ. Vua cũng làm tướng mà đánh, nên quân càng phấn phát đánh mạnh hơn nữa.

Năm ấy 1786, là năm Bính Ngũ, Cảnh Hưng tứ thập lục niên, thì có bảy mươi chiếc tàu Ngô sang Sài Gòn, phần thì cho được buôn bán như đã quen mọi khi, phần thì cho được kiếm ăn, bởi vì năm ấy trong nước Ngô mất mùa, thiên hạ đói khát quá lẽ. Những người trong các tàu ấy thì đã có tính với nhau mà bỏ vua. Nó thấy quân Tây Sơn đến, tức thì nó liền ra rước mà xin tờ cho đặng buôn bán hay là làm những nghề khác kiếm ăn.

**15 - Quân Ngô thuộc giúp vua, mà phải quân Tây Sơn bắt.**

Vả lại, có nhiều quân Ngô khác trong thành Sài Gòn, và trong các làng Đồng Nai đã cất nhà đã lâu, có vợ con và đã lập nhiều phố, thì đã nên như người An Nam. Quân Ngô thuộc ấy chẳng chịu phục quân Tây Sơn, nên hiệp lại với nhau cho đặng đánh quân ấy; và ông Tiết Chế Dũ, là người dòng dõi nhà Nguyễn, thì làm quan tướng quân Ngô thuộc ấy. Ông ấy có lòng với vua, cùng có tài

đánh giặc.

Có một lần, ông ấy đang ẩn mình với các quân Ngô trong rừng kia, gần cầu Tham Lương, vừa có một quan lớn quân Tây Sơn, tên là Hộ Giá Ngàn, có danh tiếng gan đãm, và hay nghề võ, cùng có họ với vua ngụy Thái Đức nữa. Vậy người vào trong rừng ấy cùng những quan nhỏ và nhiều quân lính; mà ông ấy vô tình, đi trước có ý tìm bắt quân Ngô, vì đã biết nó đang ở trong ấy. Xảy có một người Ngô đang ẩn trong bụi tre xông vào khi xuất kỳ bất ý đâm ông Hộ Giá Ngàn phải dấu. Ông ấy chẳng chết tức thì, hãy còn sống hai ba ngày; mà bởi giận quân Ngô lắm, thì nài xin ông Thái Đức và hai anh em ông ấy phải ra sức tuyệt các quân Ngô ở trong nước An Nam mà trả thù cho mình.

Quân Tây Sơn sẵn lòng ưng đều ấy; cho nên khi đã chôn xác ông ấy rồi, mà bắt đặng quân Ngô ở đâu trong nhà hay là trong tàu, thì giết hết, chẳng tha người nào sốt. Các năm trước chưa hề thấy sự gở lạ đến nỗi ấy trong nước An Nam bao giờ. Nó giết nhiều quân Ngô lắm; có kẻ tính hơn một vạn Ngô phải chết, cho nên sông Sài gòn gần đầy những xác ấy, mà nước sông đã đỏ như máu nữa. Qua năm ba tháng quân Tây Sơn đã cướp lấy mọi sự, cùng giết nhiều người trong Đồng Nai, đoạn thì trở về Quy Nhơn, là chính nơi nó quen ở; mà tàu nó chở đầy những vàng bạc, và những của cải đã cướp đặng.

**16 - Vua lập kế cứu vợ con.**

Vậy khi trước vua và Đức thầy ở trong thành Sài Gòn những bằng yên vô sự, chẳng hồ nghi đều gì. Song khi đã thua trận thủy, mà quân Tây Sơn vào thành Sài Gòn bất thình lình, thì phải trốn đi, chẳng kịp dọn dẹp vật gì sốt110. Kẻ thì trốn đàng111 nọ, kẻ thì chạy đàng kia. Vua túng cực lắm, thì giao vợ con và đầy tớ cho Đức thầy đem trốn sang bên Cao Mên. Đức thầy cũng đem các học trò nhà trường đi theo nữa.

Khi đầu vua chẳng biết tính làm sao, thì bỏ các quan và quân lính mà ẩn mình xung quanh đồn Sa Đéc ở gần Sao Mên. Bấy giờ quân Cao Mên sợ quân Tây Sơn đặng trận mà oán trả mình, vì đã chứa vợ con cùng kẻ thuộc về vua làm vậy; cho nên nó bàn bạc mà bắt nộp cho quân giặc. Vua nghe sự gở lạ thể ấy, thì lập kế khéo lắm, cho đặng cứu lấy vợ con. Vậy vua gửi thơ cho Đức thầy Vê-rô ở bên Cao Mên mà rằng: “Quân mình đã đặng trận cả thể, đã lấy lại đặng thành Sài Gòn; cho nên quân Tây Sơn đã trốn hết rồi. Nhơn vì sự ấy Đức thầy Vê-rô phải liệu lấy tên vua mà truyền cho quân Cao Mên hay, và đem vợ con cùng những người nội các trở về, vì mọi

sự đã yên rồi." - Quân Cao Mên nghe đều ấy, nghĩ là thật; liền vội vàng đưa vợ con vua về cách trọng thể. Mà Đức thầy cũng mắc lừa nữa; song khi đã biết sự thật thì mọi người đều cười và khen vua khôn ngoan.

Vua đã cứu lấy vợ con cho khỏi hiểm nghèo thể ấy đoạn, thì còn phải trốn ẩn một ít lâu; khi thì núp mình nơi nọ nơi kia, khi thì làm tướng cai quân đánh giặc. Dân sự thì ghét quân Tây Sơn hết lòng hết sức, vì nó làm khốn người ta lắm; nên ai ai cũng sẵn lòng giúp vua.

**17 - Ông Tiếp đánh mà đem vua về Sài Gòn.**

Vậy quan lớn kia, tên ông là Tiếp, đánh đặng một trận cả thể cùng lấy lại thành Sài Gòn. Quân Tây Sơn phải trốn về Quy Nhơn; mà vua trở về Sài Gòn, lần ấy là lần thứ ba. Ông Tiếp ấy là người hiền lành có lòng trung cùng gan đãm hay nghề võ, khi trước đã theo quân Tây Sơn, vì nghĩ là có lòng giúp ông Hoàng Tôn. Nhưng mà khi biết tỏ nó có lòng gian, chỉ có ý lấy tên Hoàng Tôn che mình mà thôi, thì bỏ quân ấy mà trốn theo vua. Từ ấy về sau ông ấy cũng giúp vua nhiều đều.

Đức Thầy Vê-rô nghe tin quân Tây Sơn đã trốn, mà vua đã về đặng thành Sài Gòn, thì người cũng bỏ Cao mên mà trở về làng Chi Nhân. Song chưa dám về ở Sài Gòn. Bao nhiêu sách vở của người thì cũng để lại trong làng ấy hết, lấy những đồ cần mà thôi. Người đã liệu thể ấy thì phải lắm, vì chưa đến cuối năm mà quân Tây Sơn đã đánh lại.

**18 - Quân Tây Sơn đánh trả mà thắng. - Vua phải trốn khốn nạn.**

Bấy giờ vua chưa kịp dọn tàu hay là khí gái112 cho đặng ngữ giặc, thì lại phải trốn đi đàng nọ qua đàng kia. Đức thầy Vê-rô về làng Chi Nhân mà đam học trò sang Hà Tiên. Ngày hôm sau, vua cũng đến nơi ấy cùng vợ con và những kẻ nội thị. qua một hai ngày lại phải xuống tàu mà sang gò kia, gọi là Phú Quốc. Cõi ấy ở xa cùng chẳng có mấy người ở trong ấy, nên chẳng sợ quân giặc. Đến sau, vua lập nhà trong bãi Bà Tích, mà Đức thầy Vê-rô làm nhà trong rạch Trằn cho gần vua. Đức thầy Vê-rô ra sức tích nhiều gạo thóc cho đặng nuôi học trò; mà vua đã hết lương thực, nên Đức thầy cũng phải giúp vua về sự ăn uống. Những người thuộc về vua và những người thuộc về Đức thầy thì như là con một nhà ở chung với nhau.

Đến sau Đức thầy đã đi qua làng Tây Nhâm và đam các học trò

theo mình. Khi ấy có hai thầy cả về dòng ông thánh Phan-xi-cô, là thầy Gia-cô-bê và thầy Manoe, khi trước theo Đức thầy sang gò Phú Quốc, sau lại ở làng Tây Nhâm mà coi sóc bổn đạo. Hai ông ấy thì rất có lòng sốt sắng đạo đức và khôn ngoan. Vậy bởi hai ông ấy là người nước Iphanho113, thì vua xin chịu khó lấy tên mình mà đi sứ sang bên Manila114, xin quan Quận công cai thành ấy thay mặt vua Iphanho sai tàu cùng nhiều binh sĩ đến cứu giúp mình. Đức thầy cũng thêm lời bảo hãy bằng lòng chịu khó cho được giúp vua. Hai ông ấy chịu mà xuống tàu mà đi. Ai dè là quân do Tây Sơn bắt lấy mà đưa sang Sài Gòn. Đến sau lại phải về Quy Nhơn mà chịu tra khảo cách dữ tợn, và mắc phải nhiều sự khốn khó khác kể chẳng xiết.

**19 - Đức thầy Vê-rô sang nước Xiêm và lo giúp vua.**

Vua cùng Đức thầy ở trong cõi Phú Quốc được sáu tháng tròn, đang trái mùa gió ngược, cho nên chẳng có tàu nào ở Đồng Nai sang cõi ấy đặng. Khi đã đến mùa khác, mà chẳng còn lẽ nào ở lại trong cõi ấy đặng nữa, thì phải tìm nơi khác mà ẩn mình. Đức thầy Vê-rô với ông Li-ốt và ông Phao-lồ cùng học trò nhà trường, thì dốc lòng sang bên Xiêm mà kiếm nơi cho yên.

Khi qua gần cõi Gò Công, thì có ý ghé vào cửa ấy ban đêm; song ngược lắm, vào chẳng đặng. Sự ấy thì là bởi Đức Chúa Trời thương cách riêng, vì chưng khi ấy có nhiều tàu ô Chà Và đang đóng trong cửa ấy. Khi đã sáng ngày rồi, quân tàu ô thấy thuyền Đức thầy Vê-rô thì có ý lừa; mà nó chẳng biết là thuyền ai, bèn sai kẻ đến khuyên bảo vào cửa cho yên. Bấy giờ Đức thầy ẩn mình kỉ càng115, và người An nam ở trong thuyền sinh lòng nghi nan; nên chẳng chịu vào, mà lấy lẽ nọ lẽ kia chữa mình cho khỏi chước116 quân ấy. Những kẻ đã đến mà lừa đảo, thấy làm vậy, thì sắm sửa đánh và cướp thuyền ấy. Nhưng mà bỗng chúc gió lên, thì thuyền Đức thầy chạy mau lắm, quân kẻ cướp theo chẳng kịp. Đức thầy đến Xiêm bằng yên vô sự; còn vua Nguyễn Anh thì trốn sang ẩn mình trong hòn Dừa cách xa đất Xiêm ba ngày đàng; song Đức thầy chẳng biết đức vua đã đi đâu.

Vậy trước hết, Đức thầy đã vào cữa Chăn-ta-bun, là thành lớn nước Xiêm; người để học trò lại trong thành ấy. Ông Li-ốt cũng ở lại cho được coi sóc và dạy dỗ các trò. Còn Đức thầy và cậu Phao-lồ thì đi sang Bang Cóc117, là kinh đô nước Xiêm, cách xa thành Chăn-ta-bun 150 dặm đàng. Người có ý xin phép ở lại tạm trong nước Xiêm, làm một cùng học trò. Vua Xiêm thết đãi người trọng thể; lại xin thể nào, thì vua bằng lòng cho thể ấy.

Trong thành Chăn-ta-bun có nhiều bổn đạo An Nam đã sang làm nhà đã lâu; kẻ thì đã sang có ý cho đặng buôn bán; lại có nhiều kẻ bởi trốn giặc mà bỏ quê sang bên ấy.

Đức thầy Vê-rô chẳng biết vua Nguyễn Anh ẩn tại chỗ nào, nên dặn thuyền ông Liốt phải sai kẻ tìm trong cõi xung quanh cho biết người ở đâu. Ông Liốt đã vưng lời118 Đức thầy mà sai thuyền đi tìm nhiều nơi lắm, mà chẳng gặp nơi nào. Đến sau có người bổn đạo, ở thành Chăn-ta-bun, tên là ông trùm Nam, người có ý đi tìm lim trầm mà bán; khi tìn cờ119 vào cõi hòn Dừa, thì gặp vua Nguyễn Anh túng cực mọi đàng, chẳng có cửa gì ăn sốt. Vậy ông trùm Nam có bao nhiêu gạo thì dưng cho vua hết; đoạn trở về thành Chăn-ta-bun mà tin cho ông Liốt đặng biết vua ở đâu, và phải gian nan thiếu thốn thể nào, tức thì ông Liốt vội vàng sai thuyền chở đầy gạo, cá khô, gà vịt, heo, cùng các đồ ăn khác mà dưng cho vua; thì vua và các đầy tớ mới khỏi chết đói. Ông Liốt cũng gửi thư cho Đức thầy đặng biết các đều ấy, thì Đức thầy liền xin vua Xiêm mà trở về Chăn-ta-bun; và người mua đặng bao nhiêu gạo cùng đồ ăn khác, thì mua hết cho đầy thuyền lớn; đoạn người sang hòn Dừa với vua. Hai bên gặp nhau thì vui mừng quá bội.

**20 - Ông Nam Đĩnh viết thư đòi vua Xiêm phải nộp vua An Nam.**

Khi quân Tây Sơn trở về Quy Nhơn, thì để ông quan lớn, tên ông là Nam Đĩnh, ở lại trong thành Sài Gòn làm quan Quận công cai trị xứ Đồng Nai và các vứ120 khác xung quanh. Vậy ông Nam Đĩnh ấy gửi thư cho vua Xiêm mà nói cách rất kiêu ngạo, cùng lấy quyền bề trên mà truyền dạy vua Xiêm, hoặc có vua An Nam, là ông Nguyễn Anh, sang bên Xiêm, hay là có gặp vua ấy ở đâu, thì phải bắt mà nộp cho mình; bằng không thì sẽ đem quân sang đánh mà lấy cả và nước Xiêm. Vua Xiêm thấy thư ấy nói cách vô phép làm vậy thì giận lắm, cùng quyết sang đánh bên An Nam để phạt quân ấy; song chẳng có ý cứu vua An Nam đâu.

Đức thầy Vê-rô biết ý vua Xiêm, nên đã xin vua An Nam dầu khốn cực thể nào, thì cũng đừng bao giờ tin cậy vua Xiêm, vì vua ấy có ý làm hại nước An Nam mà thôi. Cho nên khi Đức thầy còn ở bên Xiêm mà xin phép về, thì chẳng nói tỏ mình có ý giúp vua An Nam, một lấy lẽ khác. Người lại thử ý lòng vua và các quan Xiêm, thì đặng biết mọi sự. Vậy người lại vào trong cõi hòn Dừa, ở lại hai tháng trọn, mà bàn các việc cùng người. Khi ấy vua chẳng biết tính liệu làm sao; vì chưng quân Tây Sơn đã lấy đặng cả nước An Nam và nước Cao Mên rồi nữa. Các quan đã bỏ vua hết; còn một chiếc tàu và hai ba trăm quân mà thôi. Vua cũng chẳng còn của gì

mà nuôi bấy nhiêu người: chẳng còn dân nào giúp người nữa. Đức thầy Vê-rô đã dưng bao nhiêu lương thực cho vua thì còn bấy nhiêu mà thôi.

**21 - Vua xin Đức thầy đi sứ bên Pha-lang-sa, xin vua nước ấy giúp mình cho đặng phục quốc.**

Vậy vua thiếu thốn thể ấy, thì xin Đức thầy Vê-rô sang bên Tây, xin vua Pha-lang-sa sai binh sĩ qua cứu giúp mình. Vua giao ấn nhà nước cùng ban phép rộng cho người được giao cùng vua Pha-lang-sa thể nào, thì mình sẽ ưng thể ấy. Vả lại có ý cho vua Pha-lang-sa càng dễ tin và sẵn lòng thương, thì phú con đầu lòng, là Đông cung, cho Đức thầy đưa sang nước Pha-lang-sa nữa.

Khi đầu thì Đức thầy lấy làm sợ hãi lắm, vì là việc trọng, mà chẳng biết ra thể nào. Nhưng mà bởi thấy vua thiếu thốn mọi đàng, thì động lòng thương người; lại nghĩ rằng: Nếu có thế mà giúp vua cho được bằng yên và được phục quốc lại, thì ắt là sau nầy vua sẽ biết công mà để giảng đạo trong nước An Nam. - Bởi vậy người càng sẵn lòng chịu khó liều mình làm hết sức cho được giúp vua.

Cho nên, đầu năm 1786, là Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cùng là Bính Ngũ, thì người dọn mình sang bên Tây làm một cùng con đầu lòng vua An Nam. Khi ấy ông Đông cung mới sáu bảy tuổi. Vua cũng cho bốn người An Nam khác theo giúp con, mà trong bốn người ấy thì có em bà hoàng hậu, tên là Sóc. Lại có hai quan lớn vua sai làm thầy dạy con. Bấy nhiêu người ấy chưa có đạo; nhưng mà bởi đã sẵn lòng trở lại, thì Đức thầy Vê-rô làm phép rửa tội cho, cùng ra sức dạy dỗ cho thuộc kinh mà sinh nên lòng mộ sự đạo. Ông Đông cung sáng dạ và tính hiền lành, mau thuộc kinh và có lòng mến sự đạo. Có một đều nầy lạ, là dầu khi ấy người ít tuổi, chưa biết mình có ý đi đâu mặc lòng, song le cũng sẵn lòng theo Đức thầy tức thì, chẳng khóc lóc chẳng ra dấu nhớ cha mẹ chút nào. Cho nên kẻ ngoại đạo quen nói rằng: Âu121 là Đức thầy có bùa mới đặng thể ấy. Sau nữa, Đức thầy cũng đem ba mươi học trò theo cho đặng lập nhà trường bên Thiên Trước.

**22 - Vua phải mưu quân Xiêm đem đi nước Xiêm.**

Còn về phần riêng vua, khi bớt lo đàng nọ vì đã có sẵn lương thực, thì lại phải lo đàng khác, vì chẳng còn biết cậy ai nữa. Quân Tây Sơn những tìm bắt người, nên phải cứ ẩn mình trong hòn Dừa, và sai kẻ đi do122 trong các xứ xung quanh cho biết việc ra thể nào.

Quân do ấy đến Hà Tiên, thì gặp một đội quân Xiêm đang sắm sửa

đi đánh quân Tây Sơn. Quan đại tướng quân Xiêm biết là quân do vua An Nam sai, thì tỏ lòng thương cùng cho xem sắc chỉ vua Xiêm đã sai mình đánh quân Tây Sơn, và nói nhiều lời cho quân do tin thật, bởi vua Xiêm có nghĩa riêng với vua An Nam, mới sai mình đi đánh giặc mà cứu. Cho nên nếu vua An Nam có sẵn lòng hiệp cùng mình, thì càng dễ lo liệu các việc. Quân Xiêm lại gửi nhiều của lễ quý trọng mà mừng vua.

Vua nghe các đều ấy thì chẳng vội tin, một sai người khác hai ba lần cho đặng biết quân ấy có ý đánh giặc mà giúp mình chăng. Kẻ ấy trở về cũng nói như những người trước, và quyết quân Xiêm có lòng ngay và có ý cứu giúp vua thật. Bởi đó vua mới sang Hà Tiên cho đặng gặp quan đại tướng Xiêm. Nhưng mà khi đến nơi, thì quân Xiêm bắt lấy và chẳng nói đến sự đi đánh giặc nữa, một sắm sửa trở về mà nộp vua An Nam cho vua Xiêm. Bấy giờ vua thấy mình mặc mưu làm vậy, thì phàn nàn cho đến đỗi la khóc cùng trách mình dại; vì nhớ khi trước Đức thầy đã nói đi nói lại rằng: "Không nên tin quân Xiêm bao giờ, bởi vì quân ấy chẳng thật lòng, song hối bất cập."

Vậy quan tướng đem vua về Bang Cóc mà nộp cho vua Xiêm. Khi ấy hai anh em cai trị nước Xiêm làm một cùng nhau, như lời đã nói trước nầy. Khi vua An Nam đến Bang Cóc, thì quân ngô quen buôn bán cho vua Xiêm liền chạy đến cách vui mừng, mà dưng sớ kiện vua An Nam nhiều đều rằng: Khi trước mình vượt biển123 mà đi buôn, thì vua An Nam sai quân mà cướp lấy tàu mình. Nó cũng nói thêm nhiều đều rất nặng mà bỏ vạ cho vua An Nam. Vua anh tin các đều ấy mà ra dấu giận lắm, cùng muốn phạt giết vua An Nam.

**23 - Vua nhờ hai vua nước Xiêm giúp.**

Nhưng mà vua em tỏ lòng thương vua An Nam, mà trách quân Ngô nặng đều, và đuổi nó ra. Đoạn thì cầm tay vua An Nam mà ép ngồi một phản cùng mình, cùng nói nhiều lời an ủi rằng: "Số phận người ta thế gian nầy thì khốn khó là dường nào! Chẳng có sự gì vững bền sốt; hôm nay đặng bình yên vui mừng cùng phú quý sang trọng, đến mai thì tan mất đi cả." Vua ấy còn nói nhiều đều khác về mình, vì hai anh em khi trước ở bực hèn124, mà một ý một lòng cùng nhau mới đặng lên bực cao phẩm cả. Bấy giờ lại đãi vua An nam cách lịch sự, cùng bảo giao nghĩa với nhau, và quyết đánh quân Tây Sơn. Vua An Nam đã biết tỏ các đều ấy là chước bề ngoài, vì hai vua Xiêm chẳng thật lòng cứu giúp mình. Vậy vua An nam ở trong Bang Cóc, mà tuy rằng, chẳng phải giam, lại hai vua ở lịch sự bề ngoài, song chẳng khác chi như phải giam, vì

hằng có kẻ rình chực canh giữ luôn.

Hai vua Xiêm ra dấu như thể có ý giữ lời đã hứa, mà sai nhiều binh sĩ sang đánh giặc cho yên, mà chia ra hai toán; một toán đi bộ, một toán đi thủy. Cháu đồng tông hai vua ấy, tên là Triều Cẩn, thì làm quan đại tướng quân coi các toán ấy. Vua An Nam thì cũng có quan tướng An Nam, tên ông là Thê, vua đã gặp tình cờ trong thành Bang Cóc. Khi trước ông ấy vốn có lòng trung cùng vua; và khi vua trốn quân Tây Sơn cùng sang ẩn mình trong cõi Phú Quốc, thì ông ấy theo chẳng đặng mà phải ẩn mình nơi nọ nơi kia. Đến sau có ý tìm vua lại, mà đến nhiều nơi, song chẳng nghe tin tức gì sốt, cho nên người tin thật vua sang bên Xiêm. Bởi vậy đã dốc lòng sang bên ấy cho đặng tìm vua. Ông ấy đi bộ làm một với năm ba quan khác, là ông phó tướng Lương, ông thông Toán, ông thủ Quản, ông thống binh Hạn, ông Lưu Thú Quang, vân vân. Khi ông Thê mới đến nơi, thì chưa thấy vua, song chẳng khỏi mấy ngày gặp đặng. Người thấy vua đã mắc quân Xiêm lừa đảo mà bắt ở thành Bang Cóc.

Vậy hai vua Xiêm đặt ông Thê làm quan cai nhiều binh sĩ đi trước những quân thủy. Còn quan đại tướng quân Xiêm, là ông Triều Cẩn, cùng là cháu vua, thì đi qua xứ Ba Thắc ở nước Cao Mên. Xứ ấy rất giàu có, nhiều quân Ngô quen sang buôn bán ở đó; thì ông Triều Cẩn ở lại với quân cơ đặng ba tháng, những chơi bời ăn uống, ăn cướp của người ta mà thôi.

Quan lớn An Nam thấy vậy thì buồn lắm, nhưng mà chẳng làm gì đặng. Song bởi ông ấy đã đưa vua cùng quân lính đến Trà Ôn, ở gần đồn Sa Dương là lũy rất mạnh áp Cao Mên và Đồng Nai, vừa gặp quân Tây Sơn đóng binh đó, thì hai bên đánh nhau nhiều trận, mà chẳng ai đặng, vì hai bên đánh rất mạnh bảo cả và hai. Nhơn vì sự ấy, ông Thê giận lắm mà quyết đánh cả thể cho xong; bèn vưng lời vua mà xông vào dinh quân giặc ban đêm khi xuất kỳ bất ý. Hai bên đánh nhau đã lâu, thì quân giặc đã phải thua vỡ chạy. Bấy giờ ông Thê toan đem quân về, chẳng hay người phải đạn súng bắn nhằm mà chết. Vua tiếc ông ấy lắm; vì là người trung thần gan đãm xứng đáng làm quan tướng.

Đang khi ấy quân Xiêm còn ở nhưng chơi bời trong xứ Ba Thắc như lời đã nói trước nầy. Vua ngụy Thái Đức, ở xứ Quy Nhơn, nghe tin đều ấy, thì vội vàng chạy vào Sài Gòn mà đem nhiều binh theo, vì người qua xứ nào thì bắt các binh sĩ theo mình. Vả lại có nhiều quân sẵn ở Đồng Nai rồi. Bấy nhiêu quân ấy hiệp lại làm một cơ quân đông đắn lắm. Bấy giờ ông Thái Đức đem quân đi tìm binh Xiêm, và chắc mình sẽ đặng trận chẳng sai.

**24 - Quân Tây Sơn đặng trận. - Vua lại phải gian nan.**

Khi ấy binh bộ và binh thủy quân Xiêm đã hiệp lại cùng nhau và đóng trong Trà Suốt, lại lập nhiều lũy nơi nọ nơi kia. Quân Tây Sơn đến nơi thì chẳng kịp nghỉ, nhờ xuôi nước thuận gió thì binh thủy giáp trận trước mà xông vào đánh tàu Xiêm dữ lắm. Khi đầu quân Xiêm chẳng ra dấu sợ, chỉ đánh mà thôi. Chẳng khỏi bao lâu nó thấy quân mình chết đã nhiều, và quân Tây Sơn lấy được hai ba chiếc tàu, thì ngã lòng trốn hết. Bao nhiêu tàu nó thì quân Tây Sơn lấy hết, chẳng sót chiếc nào. Bấy giờ lại giáp trận đánh bộ; mà bởi quân Xiêm đã kinh khiếp rồi, thì chẳng dám đánh trận nào nữa, một chỉ ra sức cầm quân trong các lũy đã lập. Nhưng vậy chẳng đặng ích gì, vì quân Tây Sơn hãm lấy hết, nên quân Xiêm bị tử trận hay là phải bắt làm tôi thì nhiều lắm. Mấy quân trốn khỏi, thì ra sức tìm đàng lên rừng mà trở về Xiêm; song cũng không về đặng mấy người, vì khi thất lạc, người thì đã phải chết trôi, kẻ thì phải chết đói, kẻ thì nhọc nhằn quá, đuối sức đi mà chết dọc đàng gần hết. Quân Xiêm phải nạn làm vậy, thì từ ấy về sau chẳng còn dám đánh giặc trong An Nam nữa.

Quân Xiêm đã bại trận cả thể làm vậy, mà vua An Nam lại đã mất ông Thê, thì chẳng biết cậy ai làm tướng cai quân mình nữa; nên khi thấy quân Xiêm trốn, thì vua cũng xuống tàu mà tháo lui. Vua đã biết vợ con và các đầy tờ riêng còn ở trong hòn Dừa, thì chạy sang bên ấy. Đoạn vua sai kẻ sang bên Xiêm, mà cáo chữa mình cùng hai vua vì đã thua, và đã mất các tàu Xiêm; lại xin hai vua miễn trách sự ấy. Hai vua nghe lời cáo chữa mình thể ấy, thì ra dấu bằng lòng, chẳng tỏ dấu giận vua An Nam chút nào vì rằng: quân đã thua làm vậy thì chẳng phải tại vua An Nam. Vì chưng ông ấy chẳng làm tướng cai quân, nên các đều lỗi thì tại cháu mình, là quan đại tướng chẳng biết làm tướng; nên có một mình Triều Cẩn có lỗi và đáng phạt mà thôi. Hai ông ấy lại xin vua An Nam sang bên Xiêm nữa, chớ đem lòng sợ đều gì.

**25 - Vua liều mình trở về Xiêm một lần nữa.**

Vua An Nam đã mắc lừa lần trước thì sợ hãi lắm. Song bởi chẳng còn lẽ mà ẩn mình trong hòn Dừa được nữa, lại chẳng biết đi đâu, vì quân Tây Sơn được trận cả thể, càng ra sức tìm mình cho được; lại những quân mình thất lạc thì qua Xiêm hết; nên vua liều mình đem vợ con cùng cả và nhà mình mà sang Xiêm một lần nữa.

# ĐOẠN THỨ BỐN

**Tây Sơn đánh Đàng Ngoài và chiếm ngôi (1786 - 1791)**

**1 - Quân Tây Sơn đánh giặc Đàng Ngoài**

Vậy quân Tây Sơn một ngày một thạnh125. Nó được tàu và lấy hết mọi của quân Xiêm, thì vui mừng khoe khoang và trở về thành Sài Gòn. Vả lại nó chẳng còn thấy quân giặc nữa, thì nghỉ yên trong thành ấy ít lâu cho được bổ sức lại; đoạn thì về Quy Nhơn là kinh đô nước nó. Qua năm sau, thì đi ra đánh giặc Đàng Ngoài. Vậy khi trước, nó đã đánh các xứ Đàng Trong và ăn cướp thể nào, thì nó cũng làm trong các xứ Đàng Ngoài thể ấy. Các việc ấy thì kể ra sau nầy.

Lê Cảnh Hưng làm vua trị nước An Nam, song có tên vua mà thôi; vì chưng nhà Nguyễn làm chúa trị riêng các xứ Đàng Trong, và nhà Trịnh làm chúa trị riêng các xứ Đàng Ngoài. Hai chúa lấy tên vua nhà Lê làm niên hiệu cùng tiến cống và tỏ ra lòng phục tùng bề ngoài; còn các việc trị nước thì mặc hai chúa như đã thấy trong Tiểu dẫn trước nầy.

**2 - Chúa Trịnh độc dữ và chết yểu.**

Chúa nhà Trịnh thì độc dữ lắm, làm cho các xứ Đàng Ngoài phải loạn lạc khốn nạn quá lẽ. Sự đạo thì càng khốn nạn hơn, vì nhà Trịnh chỉ cấm đạo mãi; cho nên, năm 1775, cùng nhà Lê Cảnh Hưng tam thập lục niên, thì ông Hy-a-xin-tê, là người dòng ông thánh Đô-mi-ni-cô, và ông Vin-sen-tê, là thầy cả bổn quốc thuộc về địa phận bên Đông, đều phải luận xử tử vì đạo. Năm sau, lại có một thầy giảng, tên là Đô-mi-ni-cô Thao, cũng phải chết chém vì đạo. Các sự khốn khó bổn đạo mắc phải, vì mất tiền bạc đàng nọ hay là phải bắt bớ đàng kia, thì ta chẳng kể đặng cho hết.

Năm 1784 cùng là Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên, chúa Trịnh phải bệnh xấu hổ lắm, bởi khi trước mê rượu cùng mê sắc dục, nên đã

chết yểu khi mới nên ba mươi lăm tuổi. Ông ấy đã đặt con đầu lòng mười chín tuổi làm Đông cung, để nối quờn làm vua. Nhưng mà khi gần chết, thì từ con đầu lòng mà đặt con vợ mọn kia mới nên mười bốn tuổi làm Đông cung. Mà bởi chưa có trí khôn cùng chưa làm chi được, thì người đặt mẹ ông Đông cung ấy lên làm bà Quốc công, và phong quan lớn khác làm phó chính mà trị nước, cho đến khi ông Đông cung đã lớn lên.

**3 - Các quan dấy loạn, chẳng chịu phục nhà Trịnh nữa.**

Chẳng ai bằng lòng muốn đều ấy sốt; cho nên ông ấy chết vừa rồi, thì các quan đồng tình cùng nhau mà làm loạn, cùng giết quan phó chính; lại đuổi vua nhỏ và bà Quốc công, mà đặt con đầu lòng làm chúa trị nước. Vậy ông ấy có ý thưởng kẻ đã cứu mình, thì ban nhiều chức tước; nhưng mà những kẻ ấy đã sinh lòng kiêu ngạo lắm. Kẻ chức nhỏ thì muốn đặng chức cao, mà kẻ đã được chức cao lại muốn cho được chức cao hơn nữa; vì ai ai cũng kể mình có công trọng, nên chẳng lấy phần thưởng nào làm xứng công mình. Nhơn vì sự ấy, năm 1784, là Lê Cảnh Hưng tứ thập ngũ niên, thì những quân nghịch đảng ấy giết nhiều quan đại thần; lại đốt và ăn cướp trong cung đền chúa cùng ngăm đe126 giết chúa nữa. Ông ấy ít tuổi và chẳng có gan, thì sợ hãi lắm, chẳng biết đàng dẹp loạn, và chẳng biết tính làm sao, vì càng lấy lời ngọt mà nói cùng quân ấy, thì nó càng kiêu ngạo. Vả lại nó cũng tràn ra các xứ các làng, mà ở chẳng khác gì kẻ cướp. Bởi vậy sự khốn khó đã thêm một ngày một hơn.

Bấy giờ các quan lại lập một phe mà bỏ nhà Trịnh, và lập lại nhà Lê làm vua cho xong, chẳng còn phải dùng chúa nữa. Vả lại bởi dân Đàng Ngoài có lòng phục nhà Nguyễn, thì có nhiều kẻ ước ao rước nhà Nguyễn cho được giúp nhà Lê. Khi ấy nhà Nguyễn chẳng còn quyền gì nữa, vì quân Tây Sơn đã cướp lấy các xứ Đàng Trong; lại Nguyễn Anh trốn sang Xiêm, mà dân Đàng Ngoài chẳng biết cho tỏ các việc Đàng Trong thể nào.

**4 - Ông Cống Chĩnh**127 **kêu quân Tây Sơn ra Đàng Ngoài.**

Khi ấy có quan văn kia, tên là Cống Chĩnh, sợ nhà Trịnh lắm, và có ý lo mưu làm hại nhà ấy, thì trốn vào Đàng Trong với quân Tây Sơn mà giục ra đánh Đành128 Ngoài cùng bắt nhà Trịnh. Ông ấy quả quyết nếu ông Thái Đức có sẵn lòng lấy tên nhà Nguyễn mà ra đánh giặc Đàng Ngoài, thì mình sẽ liệu cho nhà Lê cùng cả và dân mắc lừa. Bấy giờ ông ấy gửi thư cho các quan Đàng Ngoài đặng biết nhà Nguyễn đang dọn ra giúp nhà Lê, lại sai nhiều kẻ dối trá người ta trong các xứ cũng như làm vậy.

Quân Tây Sơn có lòng muốn lấy các xứ Đàng Ngoài đã lâu, nghe ông Cống Chĩnh bày cho, thì vui lòng. Ấy vậy ông Thái Đức sai em nhỏ, tên là Long Nhưỡng, có danh tiếng tốt trí lắm, và gan đãm; người lấy tên nhà Nguyễn mà đem nhiều binh sĩ ra Đàng Ngoài. Trước hết thì gửi thư khắp mọi nơi mà dối người ta rằng: "Nhà Nguyễn đã đánh được quân Tây Sơn cùng đã lấy các xứ Đàng Trong yên rồi; vậy lại ra Đàng Ngoài, một là có ý cứu lấy dân, và đánh phạt nhà Trịnh vì xưa nay làm khốn cho dân; hai là cứu lấy nhà Lê; ba là vốn xưa nhà Nguyễn làm chúa trị các xứ Đàng Ngoài mà giúp nhà Lê, nên cũng muốn lấy chức ấy lại nữa." Cho nên những binh sĩ cầm cờ viết chữ rằng: Nguyễn triều phục nghiệp, phạt diệt Trịnh, phò Lê. - Khi ấy, em thứ hai ông Thái Đức, tên là Đức Ông, thì cai các cơ đội cùng các xứ Đồng Nai và Cao Mên thay vì anh.

Vậy ông Long Nhưỡng lấy tên nhà Nguyễn mà dối trá dân Đàng Ngoài làm vậy, là năm 1786, cùng là Lê Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cùng là năm Bính Ngũ. Khi đầu thì lấy xứ Huế cùng các xứ khác Đàng Ngoài mau lắm. Vì quan quân và dân ngờ là nhà Nguyễn thật, thì vui mà rước trọng thể, chẳng phải đánh trận nào sốt. Bấy giờ chúa Trịnh thấy thiên hạ bỏ mình thể ấy thì ngã lòng mà trốn đi; song cũng chẳng biết ẩn mình ở đâu thì đã tự vận. Ông Long Nhưỡng ra Kẻ Chợ, thì cũng lấy tên nhà Nguyễn mà đến chầu Lê Cảnh Hưng và nhìn lấy là vua. Vua ấy cũng mắc lừa, vì ngờ129 là nhà Nguyễn và vui mừng; lại gả con cho ông Long Nhưỡng. - Lê Cảnh Hưng đã già cả, mà khi biết mình đã mắc lừa thể ấy, thì xấu hổ cùng lo buồn cho đến nỗi muốn chết, mà cho cháu, gọi là Chiêu Thống, lên làm vua. Chiêu Thống chẳng dám cải niên hiệu; cho nên từ ấy cho đến khi Gia Long lấy đặng cả và nước An Nam, thì còn lấy tên Cảnh Hưng làm niên hiệu. Khi ấy vua Gia Long còn gọi là Nguyễn Anh130.

**5 - Dân Đàng Ngoài phải khốn.**

Dân Đàng Ngoài khi biết mình đã mắc quân Tây Sơn lừa đảo thì giận lắm. Các quan chia làm nhiều phe mà làm loạn mà đánh quân Tây Sơn; song đã muộn quá, vì quân ấy đã chiếm lấy các kho, các thành, các đồn, cùng chiếm hết mọi sự, nên chẳng ai làm gì đặng. Các phe ấy lại thêm khốn cho dân; vì chưng quân Tây Sơn thấy người ta ghét mình dường ấy, cùng tụ tập làm loạn chống trả với mình, thì lấy phép dữ mà dẹp loạn cùng bắt người ta nộp thuế nặng lắm. Vả lại, có bao nhiêu của trong kho vua, và những vàng bạc cùng của khác thuộc về nhà Lê hay là nhà Trịnh, thì quân Tây Sơn cướp lấy cả. Còn những của riêng các quan hay là của người ta, mà quân Tây Sơn cướp lấy, thì ta chẳng nói đến làm chi.

**6 - Long Nhưỡng trở về chia của ăn cướp cùng anh mà sinh ra sự bất hòa.**

Ông Long Nhưỡng thấy dân chẳng phục mình cùng sắm sửa đánh giặc thì sợ, nên dọn đem quân về Huế. Vậy khi trở về, qua nơi nào, thì nơi ấy khốn khó, vì quân Tây Sơn chẳng giữ phép tắc gì; nó thấy gì vừa ý thì lấy hết. Cũng có khi nó đốt làng nọ làng kia và đánh người ta. Nhưng mà chẳng nơi nào đã phải khốn khó cho bằng xứ Thanh Hóa và xứ Nghệ An; vì quân Tây Sơn thù hai xứ ấy, vì trước đã tỏ lòng ghét nó và đã đánh lại với nó dữ lắm. Vậy tuy ông Long Nhưỡng trở về Huế mặc lòng, song cũng có ý giữ lấy các xứ Đàng Ngoài làm như của riêng mình, và xưng mình là Bình Bắc vương làm chúa thay vì nhà Trịnh giúp Lê Chiêu Thống.

Ông Thái Đức ở Quy Nhơn nghe tin em mình, là Bình Bắc vương, đã liệu các việc Đàng Ngoài, cùng đã lấy đặng nhiều của cải lắm, thì đi ra rước cho đặng lấy phần của ấy. Bấy giờ hai anh em sinh ra nhiều đều bất thuận cùng nhau lắm, vì ai ai cũng muốn lấy phần nhiều. Vả lại, ông Bình Bắc vương thấy anh đã lấy ý riêng mà luận xử tử nhiều quan lớn, mà chẳng bàn đều gì cùng mình, thì biết là anh khinh dể mình, và có ý giữ lấy các quờn phép, chẳng để cho mình làm chúa trị các xứ Đàng Ngoài.

**7 - Ba anh em đánh giặc cùng nhau; sau lại làm hòa mà chia nước An Nam ra làm ba phần, cho một người một phần.**

Bởi đó ông Bình Bắc vương hiệp với Đức Ông, là anh thứ hai, ở trong Đồng Nai, mà đánh giặc cùng ông Thái Đức. Vậy hai anh em vây thành Quy Nhơn, đánh cùng anh cả đã lâu lắm, song chẳng bên nào đặng, chẳng bên nào thua. Ba anh em làm hại nhau và làm hại cả và thiên hạ.

Năm sau, là năm 1787, là Lê Cảnh Hưng tứ thập bát niên, cùng là năm Đinh Vị131, ông Bình Bắc vương nghe dân Đàng Ngoài làm loạn thật mà đuổi các quan mình đã đặt, thì ba anh em giao hòa cùng nhau, mà chia cả nước An Nam ra làm ba phần, mà làm ba nước. Phần giữa có bốn xứ là Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên và Nha Trang, thì thuộc về ông Thái Đức là anh cả; mà kinh đô nước ấy là Quy Nhơn. Phần Đàng Trong cũng có bốn xứ là Bình Thuận, thuở trước gọi là nước Xiêm Thành, Đồng Nai, Ba Lạt, Hà Tiên thì thuộc về Đức Ông, đã lấy tên Đông vương; mà kinh đô nước ấy là Sài Gòn. Còn phần thứ ba thì có hai xứ mà thôi, là xứ Quảng Nam, gọi là Chăm, và Huế, các xứ Đàng Ngoài thì cũng thuộc về phần ấy. Phần ấy rộng hơn hai phần kia; mà kinh đô nước ấy thì gọi là Phú Xuân. Ông Bình Bắc vương lấy các xứ ấy làm phần riêng mình.

**8 - Đàng Ngoài loạn lạc hỗn độn.**

Ba anh em giao hòa cùng chia nước An Nam đoạn, thì ông Bình Bắc vương trở về Huế, lại đi ra Đàng Ngoài cho được dẹp loạn. Vì chưng các quân Đàng Ngoài ghét quân Tây Sơn hết lòng hết sức, và đã chia ra làm hai phe; kẻ thì muốn ép Lê Chiêu Thống lập lại nhà Trịnh, cùng chọn chúa nhà Trịnh như khi trước. Kẻ thì chẳng muốn nhà Trịnh, lại chẳng muốn chúa nào nữa; một muốn nhà Lê làm vua, cầm quyền thiên hạ cho xong mà thôi.

Hai phe ấy đánh nhau khốn nạn lắm, nên các xứ Đàng Ngoài sinh hỗn độn loạn lạc quá lẽ; chẳng còn phép tắc thứ tự, ra như chẳng còn vua nữa. Làng nọ đánh làng kia, chẳng biết cậy ai cứu giúp. Nhà nào thì mặc nhà ấy giữ lấy mình. Đâu đó cũng có kẻ cướp, người ta giết lộn nhau. Dầu các quan, dầu quân lính đều ra như kẻ cướp hết thảy.

Năm ấy, họ Trang Cảnh, ở xứ Nghệ An, phải kẻ cướp đốt đi. Có một nhà thờ và nhà khách khỏi cháy mà thôi, thì người ta kể là phép lạ. Họ Mỹ cũng phải nhiều sự khốn khó vì đạo, và mất nhiều tiền của lắm. Vả lại năm ấy phải đại hạn, đoạn phải bão cùng lụt cả thể. Các bờ đê Đàng Ngoài về xứ Nam Định vỡ hết. Hai huyện Quỳnh Lưu132 và Đông Thành thì càng khốn nạn hơn nữa: bão lớn lắm, cửa nhà sập hết; cây cối cùng sinh hoa đẳng vật133 hao hại tận tuyệt chẳng còn giống gì. Trong họ Thuận Nghĩa có một nhà thờ không sập mà thôi. Nước biển tràn ra làm hư lúa, còn bao nhiêu khỏi lụt hư, thì lại phải sâu keo. Năm ấy chẳng có ai gặt được, mà lúa năm trước còn lại ít nhiều, thì kẻ cướp lấy hết, cho nên thiên hạ đói khát quá lẽ. Dầu có tiền bạc cũng chẳng biết liệu làm sao mà mua ăn, vì chẳng còn đồ ăn gì nữa. Kẻ đã chết đói thì vô ngàn vô số kể chẳng xiết. Người ta chỉ ăn cỏ như bò hay là ăn những rễ cây, gốc chuối, thì lại sinh bệnh dịch mà càng thêm chết hơn nữa. Có kẻ tính lại trong cả nước An Nam đã chết nửa phần người ta. Trong xứ Nghệ An có xã chẳng còn sót người nào, hoặc chết đói, hoặc chết bệnh hết.

**9 - Bình Bắc vương chiếm lấy quờn làm vua.**

Đầu năm Chúa giáng sinh 1789, là năm Kỷ Dậu cùng là Cảnh Hưng ngũ thập niên, khi bớt dịch và đói khát, thì ông Bình Bắc vương mới đem quân ra mà dẹp loạn Đàng Ngoài. Khi đầu ông ấy chưa lấy tên vua, một xưng mình là chúa, có ý tuyệt cả tông tộc nhà Trịnh cho nhà Lê được yên. Nhưng mà khi dẹp loạn và tuyệt nhà Trịnh đoạn, thì lại ra sức làm hại cả và nhà Lê nữa. Cho nên ông ấy bắt được bao nhiêu người nhà Lê thì giết hết. Lê Chiêu

Thống thoát khỏi thì trốn sang nước Đại Minh.

Vậy ông Bình Bắc vương khi đã liệu các việc Đàng Ngoài, cùng bắt các quan và dân sự phải chịu phục mình vì nhà Trịnh chẳng còn, lại nhà Lê đã trốn đi đoạn, thì ông ấy xưng mình là Hoàng đế cùng cải niên hiệu là Quang Trung. Đoạn lại về Huế là kinh đô nước mới; người có ý ở thong thả chơi bời cho vui, vì nghĩ rằng: chẳng còn ai đánh cùng mình nữa. Nhưng mà trong thế giới chẳng ai được bằng yên134 cho trọn, và kẻ dữ thì lại càng khó trông cho đặng bằng yên thật.

**10 - Nước Đại Minh sai binh dẹp loạn y như Chiêu Thống xin.**

Khi vua Lê Chiêu Thống đã trốn sang bên nước Đại Minh, thì đã kêu van135 với vua Thượng vị Gia Khánh xin cứu mình. Vua Đại Thanh chịu, hoặc có lòng thật cứu nhà Lê, hoặc có ý muốn lấy nước An Nam mà nhập với nước Đại Minh như đời trước, thì chẳng hẳn. Vậy vua Thượng vị sai mười vạn binh sang nước An Nam mà rằng: có ý đánh quân Tây Sơn mà cứu nhà Lê.

Vậy khi đã bước chân sang nước An Nam vừa rồi, thì quan đại tướng Đại Minh ra chỉ dụ cho vua Quang Trung, mà nói nhiều đều rất kiêu căng rằng: "Vua Thượng vị là đấng cao cả có quyền phép, đã sai mình sang nước An Nam cùng muôn vàn binh sĩ, cho nên mình sẽ làm cho các núi non ra bình địa, bao nhiêu đá sẽ cưa xẻ ra làm hai, bao nhiêu sông biển sẽ vét cho cạn cho khô.

"Lại có ý sang An Nam cho được cứ phép công bình mà bắt ai nấy phải khử tà quy chính, và quân của ai thì trả cho nấy, cùng đoán xét mọi sự cho minh. Nhơn vì sự ấy, hoặc ông Quang Trung có đến phục tội cùng mình cách khiêm nhượng, thì mình sẵn lòng lấy tên vua Thượng vị mà tha tội cho, chẳng phải sự gì dữ sốt. Nhược bằng chẳng đến phục tội, thì ngày nào tháng nào phải phạt chẳng khỏi."

Trong khi ấy quan đại tướng khuyên bảo người ta ở yên, vì có ý phạt kẻ nghịch và kẻ có tội mà thôi; còn kẻ lành và kẻ phục tội thì sẽ được sự lành.

**11 - Quang Trung đặng trận cả thể.**

Ông Quang Trung thấy chỉ nói xấc xược thể ấy, thì giận quá. Có bao nhiêu binh sĩ sẵn thì đem đi tức thì, cho được đánh quân Đại Minh. Ông ấy đi vội vàng bất phân nhật dạ136, cho nên trong 15 ngày thì đã đến Vân Làng, là nơi quân Ngô đã đóng trại, cùng xông vào đánh quân ấy xuất kỳ bất ý. Vốn khi trước, ông Quang Trung

đánh được nhiều trận cả thể và đã giết nhiều quân giặc; song le chẳng bao giờ được trận cả thể cùng giết nhiều quân giặc cho bằng lần nầy. Vì chưng nơi hai bên giao chiến với nhau thì đầy những bùn lầy; mà quân Ngô thì mặc nhiều áo cùng gánh lương thực và khí giới, nó lại dùng những giày nặng nề, cho nên hễ bước xuống bùn thì phải chịu phép mà thôi, không thể nào mà rút chân lên được.

Còn quân An Nam thì đi chân không, mặc áo nhẹ và cầm gươm giáo mà thôi, thì đánh quân Ngô chẳng khác gì đánh giống ngoại vật; lại nó mắc lấy chẳng giết đặng người An Nam nào. Vả lại ông Quang Trung đem nhiều voi, mà quân Ngô chẳng quen đánh thể ấy; cho nên khi thấy voi, thì sợ mà tìm đàng trốn hết. Vậy những quân Ngô bị tử trận hay là phải chết đói khi trốn dọc đàng thì hằng hà sa số. Còn lính An Nam tử trận không đầy hai trăm. Bao nhiêu lương thực và những đồ khí giới vàng bạc quân Ngô đã đem sang, thì lính An Nam đã lấy đặng cả, mà các giống ấy thì nhiều lắm, vì chưng bảy mươi con ngựa mới chở hết những vàng bạc quân ấy bỏ lại.

**12 - Quang Trung xin Thượng vị phong vương.**

Khi quân Ngô đã thua làm vậy đoạn, thì chẳng còn ai dám chống trả với Quang Trung nữa. Khi trước ông Cống Chĩnh đã rước quân Tây Sơn về cho đặng oán phạt nhà Trịnh, mà khi thấy các việc không đặng như mình đã trông, lại thấy quân ấy dữ tợn làm vậy, thì phàn nàn lắm cùng có ý làm hết sức cho đặng cứu dân lại.

Cho nên ông ấy về đầu phe giúp vua Chiêu Thống, cùng đánh nhiều trận với quân Tây Sơn, và những kẻ theo phe chúa Trịnh gọi là chúa Quế. Song đến sau ông ấy phải bắt và phải chém. Bổn đạo tiếc ông ấy lắm, vì có lòng chính trực chẳng thiên tư ai, cùng hay thương dân và có lòng mộ sự đạo.

Quân Ngô đã thua trận thì trở về quê; mà quan đại tướng quân ấy chẳng tâu cho vua Thượng vị biết mình đã thua, một tâu rằng: "Nước An Nam độc khí độc nước, quân mình chẳng quen, nên đã phải chết hao nhiều lắm." - Ông Quang Trung có ý xin vua Thượng vị phong vương cho, thì cũng sai sứ qua mà làm chứng quan đại tướng quân đã tâu thật. Vua mắc lừa đã sẵn, thì lấy làm tin; cho nên năm 1791, Lê Cảnh Hưng ngũ thập nhị niên, cùng là năm Tân Hợi, thì vua Thượng vị sai sứ đem sắc trọng thể mà phong vương cho ông Quang Trung. Song ông ấy chẳng chịu ra Kẻ Chợ mà lãnh sắc137, một sai quan lớn kia giả là Quang Trung mà lãnh sắc mà thôi. Ông ấy làm vua cai trị các xứ Đàng Ngoài nước

An Nam thì làm vậy. Còn vua Lê Chiêu Thống đã sang bên Đại Minh xin vua Thượng vị cứu mà chẳng đặng việc gì, thì ở lại bên ấy như người dân, cùng chết bên ấy khi đã già.

# PHẦN THỨ HAI

## DOÃN TÍCH TỪ ĐỨC THẦY VÊ-RÔ SANG QUA NƯỚC PHA-LANG-SA CHO ĐẾN KHI VUA GIA LONG ĐẶNG TRỊ LẤY CẢ VÀ NƯỚC AN NAM (1786 - 1812)

# ĐOẠN THỨ NHỨT

**Từ khi Đức thầy Vê-rô đi sứ cho đến khi người qua đời (1786 - 1799)**

**1 - Đức thầy Vê-rô đi sứ bên nước Pha-lang-sa.**

Đức thầy Vê-rô đã sang nước Pha-lang-sa với ông Đông cung cho đặng xin vua Pha-lang-sa cứu giúp; thì năm 1786, là Lê Cảnh Hưng tứ thập thất niên, cùng là năm Bính Ngũ, người mới đến nơi. Vậy người đi qua nơi nào mà thiên hạ thấy người An Nam thì lấy làm lạ lắm, vì xưa nay chưa hề thấy người An Nam sang đến nước Pha-lang-sa bao giờ. Song khi người ta biết vua An Nam phải sự khốn khó thể nào, và Đức thầy đem ông Đông cung sang nước Pha-lang-sa vì ý nào, thì ai ai cũng thương mà tỏ lòng kính. Thiên hạ bên Tây gọi ông ấy là Constantinô, vì đoán rằng: thuở trước vua Contanstinô đã liệu cho cả và Hội thánh nhờ đặng thể nào, thì rày ông ấy sẽ liệu cho Hội thánh An Nam đặng nhờ thể ấy. - Mà vua Pha-lang-sa, là Luy thứ mười sáu138, thì càng tỏ ra lòng thương hơn nữa, và thết đãi ông Đông cung cách trọng thể cho xứng đáng bậc con vua. Ông ấy cùng những người An Nam ở trong nước Pha-lang-sa bao lâu, thì vua liệu cho cách rộng rãi: mà bởi ông ấy cùng những người An Nam chẳng thuộc tiếng Pha-lang-sa, mà lại Đức thầy Vê-rô quen trú trong Nhà trường Missions-Étrangères, là nhà sai các thầy cả sang giảng đạo trong các nước chưa có đạo, nên cũng cho ông Đông cung trú trong nhà ấy cho tiện.

**2 - Tờ giao.**

Vậy khi đã bàn đi bàn lại các việc đã lâu ngày đoạn, đến ngày 28 tháng Novembre139, năm 1787, là Lê Cảnh Hưng tứ thập bát niên, cùng là năm Đinh Vị140, thì mới lập tờ giao với nhau.

Vua Pha-lang-sa thì giao buộc mình thế nầy.

“Điều thứ 1. - Vua Pha-lang-sa và vua nước An Nam giao nghĩa riêng với nhau cho đặng gìn giữ vâng hộ nhau; nên từ nầy về sau hoặc vua An Nam phải sự gì khốn khó, hay là phải quân giặc nào

làm ngụy, hay là phải nước nào toan đánh, thì vua Pha-lang-sa sẽ ra sức cứu giúp. Cũng một lẽ ấy, hoặc vua Pha-lang-sa phải sự gì khốn khó, hay là phải nước nào toan đánh, thì vua An Nam cũng sẽ làm hết sức mà cứu giúp.

Điều thứ 2. - Vua Pha-lang-sa buộc mình phải chịu hai mươi chiếc tàu trận, đủ khí giới và quân lính để mà giúp vua An Nam; mà những tàu ấy thì sẽ đóng lớn bé, tùy ý vua An Nam.

Điều thứ 3. - Vả lại vua buộc mình sai bảy cơ quân Pha-lang-sa sang nước An Nam cho đặng giúp vua nước ấy.

Điều thứ 4. - Sau nữa, vua Pha-lang-sa buộc mình sai những tàu và những quân lính ấy đi, rồi qua bốn tháng thì sẽ gửi một trăm vạn đồng bạc mà giúp cho vua An Nam. Song nửa phần thì sẽ gửi thật bạc; và nửa phần khác thì sẽ gửi bằng diêm sinh, súng lớn, súng tay, gươm dao cùng các giống khí giới thể ấy.

Điều thứ 5. - Những tàu Pha-lang-sa ghé vào cửa nào, và binh sĩ Pha-lang-sa lên đất An Nam rồi, mà vua muốn dùng làm sao, và sai đi đánh giặc đâu, thì quân Pha-lang-sa phải vâng cả, như thể vua An Nam là vua mình vậy.

Còn vua An Nam thì giao buộc mình những đều sau nầy:

Điều thứ 1. - Bao giờ đã dẹp được giặc cho nước An Nam bình yên, chẳng còn giặc giã nữa, thì vua An Nam buộc mình sắm sửa chở gỗ cùng các đồ khác mà đóng mười bốn chiếc tàu cho vua Pha-lang-sa; mà quan sứ vua Pha-lang-sa sẽ xin đều ấy khi nào, thì vua Pha-lang-sa sẽ sai một đội quân riêng lập phố trong nước An Nam, để mà áp dọn các đồ cho đặng đóng mười bốn chiếc tàu ấy.

Điều thứ 2. - Vua Pha-lang-sa muốn sai một quan riêng trong cửa nào về nước An Nam, cho đặng coi việc những tàu Pha-lang-sa sang buôn bán bên ấy, thì vua An Nam sẽ cho như thói quen các nước bên Tây; mà các quan ấy muốn mua bao nhiêu gỗ hay là đồ nào khác, cùng thuê bao nhiêu người An Nam cho được đóng tàu lớn bé mặc ý mình, thì vua An Nam cũng sẽ cho phép liệu các việc ấy, chẳng được can gián cách nào.

Điều thứ 3. - Vả lại quan Pha-lang-sa ở trong nước An Nam, muốn mua gỗ chỗ nào mà đóng tàu cũng được.

Điều thứ 4. - Vua An Nam cùng các quan triều bằng lòng nhường lại cho vua Pha-lang-sa, và cho kẻ sẽ tức vị nối quyền thay vì người, đặng trị lấy Cửa Hàn (Tourance) cùng cả địa phận cửa ấy,

và những gò nhỏ áp Cửa Phố (Faïfo) ở bên phía nam Cửa Hàn, và Ải Vân (Le Col des Nuages) ở bên phía bắc Cửa Hàn; cho nên từ nầy về sau cho đến đời đời những đất ấy đều thuộc về nước Pha-lang-sa.

Điều thứ 5. - Vua Pha-lang-sa có việc phải dùng bao nhiêu người hay là những đồ nào mà xây thành đắp lũy, làm cầu, đắp đàng141, đào giếng hay là những việc khác thể ấy trong những đất vua An Nam đã nhường cho, thì vua An Nam sẽ liệu giúp cho được bấy nhiêu người và bấy nhiêu đồ ấy, vã sẽ lo liệu cho khỏi quân giặc khuấy khỏa ngăn trở. Song le vua Pha-lang-sa sẽ trả công cho kẻ giúp việc, cùng trả tiền mua các đồ dùng tùy nghi.

Điều thứ 6. - Hoặc những người bổn quốc chẳng chịu ở lại trong nơi nước An Nam nhường lại cho nước Pha-lang-sa, mà muốn đi làm nhà ở nơi khác, thì vua Pha-lang-sa sẽ bằng lòng cho đều ấy. Cho nên hoặc nó phải để lại ruộng nương vườn tược hay là của gì khác thể ấy, thì vua Pha-lang-sa sẽ bồi thường cho khỏi thiệt. Còn về phần riêng kẻ sẵn lòng ở lại mà thuộc về nước Pha-lang-sa, thì được cứ các thói phép và các lề luật như khi trước; vì chưng vua Pha-lang-sa chẳng có đổi đều gì trong những thói phép người ta. Vậy nếu sau nầy, phải luận xử đều gì, hay là người đất ấy có việc kiện cáo gì, thì sẽ cứ luật phép An Nam mà đoán xét và luận xử các đều ấy. Vã lại ai muốn giữ đạo nào thì mặc ý ai.

Điều thứ 7. - Các quan trong những đất ấy, sẽ cứ phép nước An Nam mà nộp thuế ruộng nương cùng tiền phố và những đều khác thể ấy. Quan sứ Pha-lang-sa ở trong nước An Nam thì sẽ bàn với vua An Nam cho được đồng tình với nhau, mà đặt kẻ thâu thuế và những kẻ cai trưng142 trong những đất ấy; cho nên phải có sắc vua Pha-lang-sa và vua An Nam, cùng phải lấy tên hai vua mà thâu thuế. Song le vua An Nam chẳng chịu lấy các đều tổn phí nuôi quân lính lập lũy và những đều cần khác thể ấy.

Điều thứ 8. - Hoặc sau nầy, vua Pha-lang-sa phải đánh giặc trong nước nào bên phương Đông, thì vua An Nam sẽ phải cho quan sứ vua nước Pha-lang-sa được thâu 14.000 binh An Nam cho đặng đi giúp, mà những quân lính ấy sẽ nên như quân lính Pha-lang-sa; cho nên các quân sẽ tập cho quen việc đánh giặc cùng các phép khác như đã quen tập quân lính Pha-lang-sa; và các đều tổn phí về áo mặc, cùng sự ăn uống, và các đồ khác thì mặc vua Pha-lang-sa chịu.

Điều thứ 9. - Hoặc có nước nào ra sức đánh những quân Pha-lang-sa đã lập thành lập lũy trong những đất vua An Nam đã nhường

lại cho vua Pha-lang-sa, thì vua An Nam sẽ gửi 60.000 quân lính An Nam cho được cứu giúp."

Sau nữa, hai bên cũng giao thêm năm ba đều khác, mà ta chẳng biên lại đây, vì chẳng trọng là bao nhiêu. Vả lại những đều ấy thì có ý cắt nghĩa các đều trước cho rõ hơn, cho chắc hơn, để sau khỏi sinh sự bất thuận với nhau mà thôi.

Vậy khi hai bên đã làm Tờ giao thể ấy đoạn, thì hai ông quan Lục bộ Thượng thư cứ theo phép nước bên Tây mà ký tên vào tờ ấy thay mặt vua. Còn Đức thầy và ông Đông cung thì ký thay mặt vua An Nam.

**3 - Vua Pha-lang-sa lo sắm sửa binh sĩ sang giúp nước An Nam.**

Đức thầy ở bên ấy mà bàn và liệu các việc gần hai năm tròn, đoạn vua nước Pha-lang-sa có ý tỏ ra lòng thương cách riêng, nên ban nhiều của rất quý giá, cùng đặt người làm quan Hoàng hòa sứ thần mà liệu các việc nước Pha-lang-sa trong nước An Nam. Vua ban nhiều của lễ rất trọng cho ông Đông cung; còn của lễ gửi cho vua An Nam thì càng trọng hơn nữa.

Vua Pha-lang-sa có ý giữ lời đã giao mà cứu giúp vua An Nam, thì sắm sửa gửi nhiều tàu chở binh sĩ, tiền bạc và khí giới như lời đã giao. Song bởi bên nước Thiên Trước, cách nước An Nam chẳng bao xa, mà trong nước ấy có thành thuộc về nước Pha-lang-sa, và sẵn đủ tàu đủ khí giới cùng binh sĩ nữa, nên vua gửi tờ truyền cho quan Quận công cai thành ấy thay mặt vua Pha-lang-sa, phải sắm sửa mọi sự mà sang giúp vua An Nam như lời đã giao. Vậy quan Quận công ấy phải làm đại tướng cai các binh sĩ và các tàu sang bên An Nam.

**4 - Quan Quận công ở nước Thiên Trước gàng trở**143.

Vua Pha-lang-sa có ý liệu làm vậy cho mau xong, bởi vì Thiên Trước ở gần nước An Nam. Khi Đức thầy Vê-rô và ông Đông cung ở nước Pha-lang-sa mà trẩy144 về, thì vua ban hai chiếc tàu đưa đến nước Thiên Trước mà thôi. Bấy giờ các việc ra khác đi cả. Dầu quan Quận công rước cùng thiết đãi ông Đông cung cách lịch sự trọng thể mặc lòng, song ông ấy chẳng bằng lòng sang giúp nước An Nam.

Bề ngoài thì người lấy lẽ rằng: liệu làm vậy thì là đều nặng cùng thiệt hai nước Pha-lang-sa lắm; còn bề trong thì ghét Đức thầy Vê-rô, vì có thân thể trước mặt vua dường ấy. Bởi vậy đã sinh nhiều đều bất thuận, chẳng vội vưng lời vua mà lo dọn tàu hay là sắm

khí giới, một xin giãn ra xem thử việc sẽ ra thể nào. Vậy ông ấy có ý làm mất lòng Đức thầy Vê-rô, thì giả như chẳng tin lời người, cùng gửi quân do sang An Nam, xem thử có thật như lời người nói chăng. Ông ấy lại muốn chạy sớ tâu vua Pha-lang-sa các việc mà xin khoan đã.

**5 - Đức thầy Vê-rô mắc trở145 đàng nọ, thì liệu đàng khác.**

Đức thầy Vê-rô thấy làm vậy thì buồn lắm, vì đã muốn vội vàng lo cứu giúp vua An Nam cho chóng. Người biết quan Quận công Pha-lang-sa có lòng thể ấy, thì chẳng có lẽ nào mà làm thành việc; cho nên người cũng chạy sớ tâu vua Pha-lang-sa các việc, mà xin vua đặt ông khác làm đại tướng cai binh sĩ sang An Nam. Khi ấy vua Pha-lang-sa chẳng còn liệu được việc gì nữa, vì nước Pha-lang-sa khốn nạn146 lắm, phải quân ngụy dấy lên làm loạn, phá phách mọi sự; cho nên các đều vua đã giao với vua An nam đã hầu ra không.

Song le Đức thầy Vê-rô có sức ngằn147 nào, thì quyết làm hết sức ngằn ấy cho đặng giúp vua An Nam. Người có nhiều tiền bạc sẵn, vua Pha-lang-sa đã trao cho y như lời giao, nên dùng tiền bạc ấy mà sắm hai chiếc tàu cùng khí giới, và các đồ khác. Vả lại có những người giàu có nước Pha-lang-sa, ở bên nước Thiên Trước, đã phàn nàn cùng trách quan Quận công vì đã ngăn trở việc ấy; lại các người ấy cũng muốn cho hai người giao nghĩa với nhau, nên sẵn lòng giúp tiền bạc cùng việc khác cho Đức thầy Vê-rô sắm hai chiếc tàu ấy. Lại có nhiều quan hay nghề võ, nghề thủy, và nhiều quân lính xin theo Đức thầy Vê-rô mà sang giúp vua An Nam. Cho nên hai chiếc tàu ấy đều đầy dẫy148 quan quân cùng các khí giới. Quan Quận công thấy làm vậy, thì cũng làm hòa lại với Đức thầy, và sắm một chiếc tàu trận lớn mà đưa người sang An Nam.

**6 - Trong nước An Nam đã đồn tiếng về binh sĩ Tây đến cứu giúp Vua.**

Khi Đức thầy còn ở bên Thiên Trước, mà quan Quận công sai tàu nhỏ sang bên An Nam cho đặng do149 và xem thử các việc thể nào, thì Đức Thầy cũng đã dùng dịp ấy mà gửi thư cho vua An Nam đặng biết các việc thể nào, và mình đã liệu làm hết sức cho đặng giúp việc nhà nước thể nào nữa. Thiên hạ trong nước An Nam nghe các đều ấy, thì đồn tiếng ra nói thêm nhiều đều mà rằng: Vua Pha-lang-sa sai hằng trăm chiếc tàu và muôn vàn binh sĩ sang đánh Tây Sơn. Người ta nói thêm làm vậy, thì dân và kẻ có lòng trung với vua đều mừng rỡ quá sức; mà những kẻ về phe vua Nguyễn mừng là bao nhiêu, thì quân Tây Sơn lo sợ là bấy nhiêu.

Người ta thấy tỏ tường tàu đã sang do, thì ngờ các đều thiên hạ đồn là thật cả.

**7 - Vua Nguyễn Anh máng**150 **tin Đức Thầy Vê-rô hòng về thì trở về Đồng Nai**

Vua đã sang bên Xiêm cùng cả và nhà, như lời đã nói trước nầy. Ở đó người phải khốn khó lắm vì như phải giam lỏng, chẳng đặng đi đâu sốt, cùng có quân do rình mò mãi. Vậy vua nghe tin Đức thầy đã liệu các việc thể nào, thì trốn ra khỏi nước Xiêm. Bao nhiêu người An Nam ở nước ấy cũng đi theo vua. Khi vua đến Cửa Đại trong Đồng Nai, thì tình cờ gặp chiếc tàu lớn vua Thái Đức ở Quy Nhơn dạy đem thư cho em, là Trũng Đinh Vương151, ở trong Đồng Nai.

**8 - Vua bắt tàu quân Tây Sơn.**

Chúa tàu ấy chẳng ngờ vua An Nam ở gần thể ấy, nên chẳng có ý tứ giữ tàu là bao nhiêu. Vua bắt đặng tàu, và giết hết quan quân ở trong ấy. Trong các đồ bắt đặng, thì có thư ông Thái Đức gửi mà bảo em, là Trũng Đinh vương, phải chém ông Bảo Tham152 cho chóng; mà ông Thái bảo Tham ấy là quan đại thần có danh tiếng trong cả và nước, vì rất khôn ngoan, cùng coi các cơ đội ông Trũng Định Vương, và giúp nhiều đều lắm. Song le bởi đã bị cáo đều nặng, cho nên ông Thái Đức hồ nghi cho ông ấy mà có ý giết đi. Ông ấy có thân thế và quân lính phục ông ấy lắm, nên ông Thái Đức chẳng dám bắt tội tỏ tường, một có ý bảo em tính làm vậy cho kín việc mà thôi.

**9 - Vua lầm và thua.**

Vua Nguyễn Anh thấy thư ấy thì mừng lắm cùng vội vàng gửi cho ông ấy, vì ngờ rằng: ví bằng ông ấy biết tỏ ông Đinh vương có ý giết mình, thì sẽ bỏ Tây Sơn và sẽ dỗ đặng ông ấy theo giúp mình. Song vua đã lầm, vì chưng quan Bảo Tham có ý làm nguỵ với ông Trũng Đinh Vương cho đặng làm vua trong Đồng Nai. Nhân vì sự ấy chẳng những là chẳng chịu phục vua Nguyễn Anh, lại đem quân đến đánh khi xuất kỳ bất ý; cho nên vua phải thua mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình.

Bởi vậy khi Đức thầy Vê-rô đem tàu Tây đến thì chẳng gặp vua. Còn ông Bảo Tham khi đã đánh vua rồi, thì lại đem quân đánh ông Trũng Đinh Vương; ông ấy cũng phải thua, thì trốn về Quy Nhơn, xin anh là ông Thái Đức cứu; song chẳng kịp, vì Trũng Đinh Vương đến Quy Nhơn, qua một tháng phải bệnh nặng mà chết.

**10 - Vua đặng thế lại ít nhiếu**

Vua Nguyễn Anh ẩn mình một hai tháng đoạn, thì sai kẻ cao rao rằng: "Tàu Tây đến giúp thì nhiều lắm, cũng đã đến gần." Bởi vậy có nhiều người tìm đàng mà giúp vua, vì tin thật có nhiều tàu đến giúp, thì bề nào vua cũng sẽ đắc thể. Nhân vì sự ấy vua lại ra mặt cùng lập lũy nhỏ gần Cửa Đại.

Quan Bảo Tham nghe tiếng các tàu Tây đến thì cũng sợ; lại nghe tin vua ở trong lũy nhỏ, thì đến vây cho đặng bắt khi tàu Tây chưa đến. Bấy giờ quân giúp vua bắn năm ba mũi súng, thì quan Bảo Tham ngờ là vua đã có khí giới bên Tây rồi, nên chẳng dám đánh, lại trốn về. Khi ấy nếu vua có sai quân theo bắt giặc thì dễ lắm; song bởi có ít thuốc súng và ít đạn mà bắn thì vua chỉ ra sức giữ, vì chẳng biết sau sẽ ra thể nào.

Vua khôn khéo cùng quỷ quyệt lắm; người giả có lòng thương quân giặc và bảo quân mình rằng: "Quân giặc ấy là quân ngụy mặc lòng cũng là dân ta phải thương." - Người ta nghe nói làm vậy, thì khen có nhân đức lắm cùng hay thương người ta. Bởi vậy thiên hạ càng phục hơn nữa. Vua cậy thể rằng: Ít lâu sẽ đặng lính tiếp bên Tây sang, thì sẽ cứ việc đánh với ông Bảo Tham. Hai bên đánh nhiều trận mà chẳng ai đặng hay là thua. Song khi ông Bảo Tham nghe tin tàu Tây đã đến gần, thì chẳng dám ở trong Đồng Nai nữa. Nên đã trốn sang xứ Ba Đáo (Ba Thắc) ở nước Cao Mên, vì có nghĩa riêng với quan Ốc Nhà Sót làm như chúa cai trị xứ ấy. Vì khi trước hai ông đã giao với nhau cho được giúp nhau, để cho sau một ông làm vua Đồng Nai một ông làm vua Cao Mên.

**11 - Ông Bảo Tham thua và ra hàng đầu.**

Vậy khi ông Trũng Đinh Vương chết rồi, và ông Bảo Tham trốn sang bên Cao Mên rồi, thì chẳng còn giặc nào trong miền ấy chống trả với vua nữa. Nhân vì sự ấy vua lại vào thành Sài Gòn; lần ấy là lần thứ bốn. Vua lại lấy đặng cả xứ Đồng Nai và xứ Tam Giang cùng Hà Tiên nữa, vì quân giặc đã trốn đi rồi, mà thiên hạ thì sẵn lòng phục vua Nguyễn Anh.

Qua một ít ngày, vua thâu153 các binh sĩ mà đem sang bên Cao Mên cho được đánh ông Bảo Tham và ông Ốc Nhà Sót. Khi đầu, thì giáp trận riêng với quân Cao Mên mà được trận, lại quan Ốc Nhà Sót bị tử trận. Đến sau lại giáp trận với ông Bảo Tham; vừa giáp trận rồi thì quân Cao Mên liền trốn đi hết; nên ông Bảo Tham phải thua mà xuống tàu trốn đi. Ông ấy có ý theo rạch mà ra biển; đoạn thì ẩn mình trong các cõi xung quanh hay là ra ngoài Huế. Chẳng

hay ông ấy ra rạch, chẳng khỏi bao lâu, phải tay quân vua bắt đặng. Ông ấy mang gông mà chịu hàng, lại đến xin phục tội với vua.

**12 - Ông Bảo Tham phải xử tử**

Vua biết tỏ tường ông ấy khôn ngoan, thì đã tha mọi tội cùng trả các chức lại cho. Nhưng mà qua ít lâu, ông ấy cứ tính nghịch mà toan làm ngụy lại, thì vua truyền chém đi.

Ông Bảo Tham ấy độc dữ cùng đã làm nhiều đều bạo ngược lắm. Khi trước đã bắt đặng bao nhiêu quân vua thì chém đi hết. Ông ấy chẳng xem người ta là gì, đến đỗi ở dữ tợn với kẻ thân thích với mình nữa. Có một lần mẹ ông ấy khuyên bảo bớt sự bạo ngược, thì ông ấy giận và nhiếc nhóc154 mẹ nhiều đều; lại rút gươm ra mà đe rằng: "Nếu mà có hai mẹ thì mẹ nầy phải chết tức thì." Vua luận ông ấy phải chết chém, thì chẳng ai thương tiếc.

**13 - Đức thầy Vê-rô đem tàu vào cửa Đồng Nai.**

Đến năm 1789, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập niên cùng là năm Kỷ Dậu, thì tàu trận lớn đưa ông Đông cung về cùng Đức thầy Vê-rô mới đến ghé vào cửa Lấp Đồng Nai. Bấy giờ vua mầng rỡ155 thể nào, thì chẳng có lẽ gì mà nói cho xiết. Vì dầu chẳng đặng nhiều tàu và nhiều binh sĩ y như vua đã trông và vua Pha-lang-sa đã giao mặc lòng, song đặng thấy con về bằng yên vô sự. Qua một ít ngày, hai chiếc tàu riêng Đức thầy Vê-rô đã sắm bên nước Thiên Trước cũng vào cửa bình yên nữa.

Vậy vua đặng nhiều tàu và nhiều quan khôn ngoan giúp mình mà cứ việc đánh giặc cho xong. Trong các quan trong tàu thì có nhiều ông danh tiếng lắm, như ông Disót (Dayot) là quan chánh quản đốc cai tàu ấy. Đến sau người giúp được nhiều việc trong nước An Nam, cùng chẳng trở về bên Tây. Người làm quan Chưởng thủy trong nước An Nam. Lại có ông chúa tàu Long và nhiều ông khác nữa.

Vua mầng rỡ lắm, cùng sai các quan đi rước cách trọng thể. Lại viết thư cách lịch sự mà đội ơn vua Pha-lang-sa, vì đã có ý liệu cho mình được nhờ làm vậy. Trong thư ấy thì rằng: "Chẳng biết lấy lời nào mà trả nghĩa cho vua Pha-lang-sa..." Lại nơi khác rằng: "Đã tỏ vì chẳng y như lời đã giao khi đầu, thì sự ấy chẳng tại vua Pha-lang-sa." - Vua mầng làm vậy thì phải lẽ; vì chưng chẳng những đã đặng ba chiếc tàu và nhiều quan quân khôn ngoan, mà lại các đồ lễ quý trọng, và những tiền bạc vua Pha-lang-sa gửi, thì đã đến

nơi. Cho nên vua đặng những tiền bạc ấy mà mua cùng sắm sửa tàu khác, và dọn các đồ cho đặng đánh giặc.

Thật từ ấy về sau vua một ngày một mạnh; còn quân giặc một ngày một phải kinh sợ, và chẳng dám vào Đồng Nai mà trêu vua nữa. Vả lại khi ấy cũng có nhiều tàu buôn bên Tây sang Đồng Nai mà buôn bán; bởi vì đất Đồng Nai thì tốt lắm, hay sinh ra những lúa, bông, cau, đường cát, hồ tiêu, gừng, sáp, tơ, gà, lợn, hoa quả, săng gỗ rất bền mà đóng tàu, và những giống khác thể ấy. Cho nên những tàu ấy chở đem những khí giới, thuốc súng và các đồ binh khí để bán cho vua mà mua các đồ thổ sản, thì lợi cho vua lắm. Người lại cho mấy lái buôn ấy sang Macao và Manila cho đặng mua tàu, và lấy tên vua mà mời các lái buôn bên ấy sang buôn bán bên Đồng Nai nữa.

**14 - Ông Quang Trung tìm thầy thuốc Tây làm thuốc cho vợ.**

Khi ấy vợ cả vua Quang Trung ở tại Huế phải bệnh nặng lắm. Bà ấy là vợ cả, vì ông Quang Trung đã lấy trước hết. Song chẳng gọi hoàng hậu, vì đã đặt vợ thứ hai, là con vua Lê Cảnh Hưng làm hoàng hậu. Vậy bệnh thì một ngày một nặng, mà các thầy thuốc đã chạy rồi, và đồn tiếng rằng: thuốc nào cũng chẳng làm gì; có thuốc tây thì mới chữa đặng mà thôi.

Ông Quang Trung yêu bà ấy lắm, thì truyền dạy phải tìm thầy thuốc nào trong các ông quen sang giảng đạo cho đặng làm thuốc cho bà ấy. Khi ấy các ông Tây ở trong nước An Nam đã phải trốn ẩn; và quân Tây Sơn nghe tàu Tây đã sang giúp vua Nguyễn Anh, thì sinh lòng ghét những người Tây lắm, cùng ra như cấm đạo. Song ông Quang Trung cậy một ông kia có đạo tìm cho đặng ông Tây.

Người bổn đạo ấy đã quen biết một ông kia, tên là Phanxicô Vira, có tiếng biết làm thuốc, thì xin ra mặt với vua tại Huế. Khi đầu ông ấy lo lắm vì đã biết tính ông Quang Trung thể nào, nếu chẳng chịu ra mặt, thì e vua giận mà thêm bắt đạo; nhược bằng có ra mặt và làm thuốc cho bà ấy chẳng đặng, thì khó lòng đàng khác. Bởi đó cho nên ông ấy suy đi nghĩ lại, cùng bàn các việc ấy với Đức thầy Gioang (Mgr de Véren), mà phú156 mọi sự trong tay Đ C T157, mới ra mặt với vua.

Vua thết đãi ông ấy cách lịch sự; song khi người toan làm thuốc, thì các quan sinh nghi ra, mà rằng: "Ông ấy là ngoại quốc thì khó tin lắm, nên xin vua đừng cho ông ấy làm thuốc." Đang khi các quan dùng dằng bàn đi bàn lại thể ấy, thì bà ấy chết. Cho nên vua

giận mà truyền đóng gông các quan vì chẳng cho ông ấy làm thuốc.

Ông ấy thì mừng rỡ hết lòng hết sức; vì không làm thuốc cho bà ấy, mà chẳng ai trách mình đặng; lại nhờ đàng khác, là ông Quang Trung có lòng vì nể158, thì để các bổn đạo bằng an.

Vậy ông Quang Trung cầm ông ấy lại, mà sai sang Macao mời các lái buôn bên Tây sang buôn bán bên An Nam, cùng đem sinh diêm, thuốc súng, khí giới, cùng các đồ binh khí. Bấy giờ ông ấy phải vưng mà trẩy đi; nhưng mà khi ở Macao, thì chẳng dám trở về với vua Quang Trung nữa. Cũng một khi ấy Đức thầy Gia đã sang chịu chức bên Macao, thì ông Phanxicô Vira liền trở về nước An Nam với Đức thầy Gia.

**15 - Đàng Ngoài phải Tây Sơn làm khốn**

Lúc ấy cả và xứ Đàng Ngoài ra xôn xao quá lẽ. Quân lính vua Quang Trung thì ra như kẻ cướp, tràn ra khắp mọi nơi, cướp làng nọ, đốt làng kia, giết người ta. Nó giận ghét hay là muốn oán thù ai thì giết đi, mà chẳng có ai làm gì đặng.

Nó đốt ba làng gần Thọ Ký; lại vào họ Thọ Ký hai ba lần, thì người ta trốn đi hết, cùng ẩn mình trong mía. Nhưng mà ơn Đ C T phù hộ cho họ ấy cách riêng, thì nó, chẳng làm hại đặng. Họ Kẻ Gai thì phải đốt đi cả, chẳng sót một nhà nào. Có một nhà thờ với nhà phước khỏi cháy mà thôi. Quân ấy cũng giết một người Kẻ Gai nữa. Các xứ Đàng Ngoài thì xôn xao thể ấy cả. Người ta khốn cực lắm, chẳng ai đặng nghỉ yên trong nhà sốt; ai cũng phải sợ nó; mà kẻ giàu thì càng phải lo sợ hơn nữa. Quân ấy ăn cướp cùng phá phách mọi sự làm vậy nên thiên hạ đói khát lắm.

**16 - Vua Nguyễn Anh nhờ các quan Tây giúp mà đánh giặc lại.**

Vua Nguyễn Anh cai trị xứ Đồng Nai, xứ Ba Thắc và Cao Mên mà thôi; còn các xứ khác trong nước An Nam, thì về quân Tây Sơn. Nhưng mà bởi quân ấy đã biết đàng sợ ông Nguyễn Anh, thì chẳng dám vào đánh; và ông Nguyễn Anh cũng chưa dám chọc quân Tây Sơn. Vả lại hai bên đã mỏi mệt, vì cả nước An Nam bị loạn lạc giặc giã đã lâu, thì đâu đó cũng đói khát, dân sự cũng đã hao nhiều lắm. Bởi đó hai bên phải ở yên mà giữ nhau vậy đã.

Song vua Nguyễn Anh không chịu ngồi không, một nhờ dịp tạm yên ấy, mà sắm cho sẵn mọi đồ đánh giặc. Lại vì hai bên chẳng có giao hòa với nhau, thì ai ai cũng biết tỏ sau nầy sẽ đánh nhau chẳng khỏi; và ông Nguyễn Anh có ý lấy lại cả nước An Nam. Bấy

giờ vua nhỏ các quan bên Tây mà sắm sửa mọi sự như phép bên Tây. Ông Disót áp việc thủy, thì dọn tàu đồng; còn ông Dade (Olivier) thì sửa sang các lũy thành Sài Gòn cho vững, cùng lập nhiều lũy khác. Các quan khác thì tập binh An Nam như phép binh lính bên Tây, và dọn các khí giới khác nữa.

**17 - Vua tốt trí khôn và gan đãm.**

Các quan thấy vua mau mắn159 dọn dẹp mọi sự, lại mau hiểu các việc thể ấy, thì lấy làm lạ lắm. Vì chưng đều gì vua chưa thấy cùng chưa biết mặc lòng160, song như các quan nói một lần, thì hiểu ngay cùng bắt chước đặng. Cho nên ai ai cũng khen vua là người tốt trí và khôn ngoan lắm. Vả lại, vua chẳng nghỉ yên bao giờ; khi thì đốc suất các thợ, khi thì đi biên các kho; hoặc coi tập binh hay là đắp lũy. Người cũng khéo bày đặt nhiều đều khôn ngoan, lại thượng trí sáng dạ cùng chăm học hành; nên dầu người phải khốn khó từ thuở bé, những chạy đàng nọ nẻo kia, chẳng mấy khi được ngồi một nơi cho yên, nên chẳng kịp học hành là bao nhiêu, song cũng hay chữ lắm.

Khi nào thấy sự gì lạ, liền chăm học cho hiểu. Vốn vua chẳng biết chữ bên Tây, nên phải cậy các quan cắt nghĩa mọi đều, nhứt là các tờ đã vẽ hình tượng các khí giới và những cách đắp lũy xây thành, đóng tàu hay là các đều khác thể ấy, thì vua chỉ xem những sự ấy lắm. Vả lại nhiều sách và địa đồ đã mua bên Tây, thì người chăm học mà hiểu hầu hết.

Vua cũng là người gan đãm lắm, khéo bày mưu kế mà bắt quân giặc. Người chẳng những là sai các quan đi đánh giặc, mà lại người đi cầm quân mà đánh nữa. Cho nên ai ai cũng nói rằng: “Ví bằng các quan có gan đãm và hay mưu kế như vua, thì âu là quân giặc chẳng đặng trận nào.”

**18 - Ít nhiều đều can gián nhà vua**

Song cũng có kẻ chê vua rằng: “Chẳng được vững lòng; vì khi nào đặng thạnh sự thì vui mừng quá; bằng khi phải khốn khó ít nhiều, hay là khi bị trận thì ra như ngã lòng và sợ hãi quá. Vậy khi nào đã được trận thì vui mừng quá lẽ, chẳng biết thừa dịp thắng trận mà theo bắt quân giặc và ép nó chịu phép cho xong.” - Có kẻ lại trách rằng: “Chẳng hay cầm giữ quân mình cho đủ, nên bắt người ta nặng việc quan quá.”

**19 - Vua đánh trận thủy tại cửa xứ Quy Nhơn.**

Năm 1791, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập nhị niên cùng là năm Tân

Hợi, khi vua dọn được nhiều tàu chiến, nhiều khí giới, và tu bổ thành Sài Gòn cho vững thế đoạn, thì dốc lòng đi tìm quân giặc cùng đem quan quân ra khỏi cửa Lấp, là cửa Sài Gòn; mà kéo ra Quy Nhơn. Khi ấy ông Thái Đức chẳng hồ nghi đều gì; những ngờ mình đặng bằng yên vô sự; lại đi săn xa lắm, mà bao nhiêu tàu ông ấy thì đã họp trong cửa chợ Giã gần Quy Nhơn hết thảy.

Vậy tàu ông Dade cai thì đi trước, mà Nguyễn Anh cùng các tàu thì đi sau cách xa một trống canh đàng161. Ông Dade vào một mình mà bắn súng đánh các tàu quân giặc. Quân giặc thấy tàu Tây thì sợ hãi lắm; song cũng ra sức bắn trả, mà không mũi nào bắn nhằm sốt. Ông Dade vào cửa nhằm khi nước ròng, nên tàu ông ấy phải mắc cạn chẳng đi được nữa. Vậy phải dùng những khẩu súng ở trước mũi tàu mà bắn thì càng khó lắm, song cũng đánh, và quân giặc đã phải chết nhiều; còn quân ông ấy thì đặng bằng an vô sự.

**20 - Vua đốt ghe chiến của quân Tây Sơn.**

Qua một ít lâu, thì vua cùng các tàu khác mới vào cửa mà đánh; quân giặc phải thua trận cả thể. Những kẻ bị tử trận thì nhiều, còn kẻ khác thì trốn đi cả. Khi đầu vua thấy mình được trận làm vậy thì mừng quá, mà quyền đốt các tàu quân giặc. Bấy giờ có một tàu lớn và một kho đầy tiền, còn hai kho khác đầy đồ đạc quần áo, thì vua truyền đốt ba kho ấy đi, cho quân giặc chẳng còn dùng đặng nữa. Nhưng mà khi vua thấy lửa phát lên cháy bấy nhiêu tàu thì tiếc lắm, lại truyền ra sức chữa lửa đi; nên còn giữ lấy được năm chiếc tàu trận lớn, hai mươi chiếc nhỏ; và bốn mươi thuyền nhỏ. Vua cũng lầm một đều nữa, là khi ông Thái Đức đi khỏi như đã nói trước, mà quan quân kinh khiếp, vì đã thua, thì vua phải thừa dịp mà vây thành Quy Nhơn và bắt các xứ xung quanh nữa. Nhưng mà vua ngại vì ít quân chẳng dám lên vây Quy Nhơn, một đem binh khởi hoàn162 mà thôi. Vua đặng bấy nhiêu tàu quân giặc và những đồ khác mà đem về Đồng Nai, thì lấy làm vui mừng lắm.

**21 - Quang Trung sắm sửa giúp Thái Đức mà chẳng kịp**

Khi trước ông Thái Đức khinh dể vua Nguyễn Anh, mà bây giờ phải thua trận và mất hết ghe chiến làm vậy, thì xấu hổ giận dữ quá lẽ, chẳng còn trông đánh thủy nữa, vì đã mất hết tàu hết ghe rồi, chỉ còn chín chiếc ghe ở, ông Nguyễn Anh chẳng truyền đốt, vì nhạo rằng: "Để dành cho ông Hoàng để dùng đi dạo chơi trên mặt nước." Ông Quang Trung khi nghe anh mình đã phải thua làm vậy, thì giận bẩy gan163; lại sợ e ông Nguyễn Anh lại ra đánh mình, nên họp binh sĩ lại và sắm sửa các tàu các ghe cho đặng cứu giúp anh. Lại muốn giục lòng binh sĩ, thì đã ra thượng du nhắc lại

các việc cả thể mình làm, và những trận đã được xưa nay; lại thêm những lời khinh dể ông Nguyễn Anh rằng: "Danh164 Chủng (tên Nguyễn Anh khi còn nhỏ,) trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những Tây dương nhân165 đến cứu giúp. Dầu danh Chủng, dầu các Tây dương nhân, thì cũng chẳng làm chi được, vì chẳng có gan đãm cùng chẳng hay nghề võ; chớ khá đam lòng166 sợ làm chi." - Người nói nhiều đều khác kiêu căng làm vậy, song chẳng kịp lo liệu việc gì; vì Quang Trung mê tửu sắc lắm, chóng ra hư thân, những buồn bã quá lẽ hay là hoảng hốt cuồng tâm mà chết khi mới bốn mươi lăm tuổi.

**22 - Cảnh Thịnh nối quờn trị Đàng Ngoài.**

Quang Trung có nhiều con trai; song yêu hai đứa hơn, là hoàng Triếp167 và hoàng Thùng168. Dầu hai người ấy còn trẻ tuổi, thì cũng để cả hai cho nối quyền thay vì mình; nhưng mà có một ông hoàng Triếp lấy tên vua gọi là Cảnh Thịnh. Vậy bởi Cảnh Thịnh và hoàng Thùng còn trẻ tuổi, thì mọi sự mặc các quan triều. Các quan chẳng có lòng với hai trẻ ấy là bao nhiêu; một có ý tìm ích riêng mình mà thôi. Hễ ai có quyền thế hơn thì đè lấp kẻ khác và chiếm lấy quyền phép cả mà cai trị. Nhân vì sự ấy chẳng những là chẳng ai lo sự cứu giúp ông Thái Đức, mà lại các quan bất thuận với nhau, chẳng còn phép tắc thứ tự trong các xứ Đàng Ngoài. Các quan nhỏ và quân lính muốn làm sao thì làm; cho nên dân sự Đàng Ngoài một ngày một thêm khốn khó.

**23 - Đức Thầy Vê-rô đặng thân thế. - Các quan ganh gỗ**169.

Đức thầy Vê-rô ở trong Đồng Nai thì đặng bằng yên vô sự, vì vua dấu yêu tôn kính và đặt làm quan đại thần; lại cắp cho hai trăm binh riêng. Khi vua chẳng đi đánh giặc, thì chẳng mấy ngày mà chẳng đến thăm người. Đức thầy lại đi chầu vua hằng ngày; vua toan liệu sự gì thì bàn với người, cùng theo ý người mọi bề. Nhân vì sự ấy ai ai cũng kính người; dân sự thì yêu mến người vì đã liệu nhiều việc cả thể cho thiên hạ đặng an cư lạc nghiệp; lại nhiều quan quyền phải luận xử tử mà Đức thầy xin được vua tha. Các bổn đạo thì đặng phép rộng mà giữ đạo.

Dầu vậy mặc lòng, người cũng phải sự khốn khó, vì các quan thấy vua tin người cách riêng, thì ghét cùng bày nhiều mưu mà nói gièm170 bỏ vạ171. Lại có nhiều quan ghét sự đạo, nên khi thấy vua phú172 ông Đông cung cho Đức thầy coi sóc dạy dỗ, thì càng ghét hơn nữa, mà rằng: "Người là ngoại quốc, và làm thầy đạo, dạy ông Đông cung thì làm sao cho phải." Các quan nói làm vậy vì sợ e ông Đông cung trở lại chịu đạo. Các quan lo về đàng ấy thì cũng có

lẽ.

**24 - Đông cung mộ sự đạo.**

Vì Đông cung ở một nhà, và ngồi ăn một bàn với Đức thầy thì đã quen nói việc đạo, và đọc kinh xem lễ hằng ngày. Đức thầy biết ý vua và các quan chẳng muốn cho Đông cung theo đạo, thì chẳng dám dạy dỗ lẽ đạo cách tỏ tường. Đức thầy làm lễ sớm lắm, vì người ban ngày mắc nhiều việc với các quan, nên ông Đông cung xin người đánh thức mình cho được xem lễ hằng ngày. Hoặc có khi nào Đức thầy chẳng đánh thức, thì người ra dấu phàn nàn năn nỉ Đức thầy.

**25 - Đức thầy phải các quan ghét và cáo gian**173 **cùng vua.**

Khi ấy có quan lớn kia, tên là ông Giám, thuở đầu thì ghét đạo, mà bởi đã nói lẽ đạo với Đức thầy nhiều lần, thì quyết trở lại chịu đạo. Từ ấy về sau người ra ngoan đạo; nên các quan khác một ngày một thêm ghét Đức thầy.

Vậy có mười chín ông làm sớ tấu mà cáo Đức thầy nhiều đều; cùng xin vua đừng cho người làm thầy dạy ông Đông cung nữa. Vua thấy đều ấy thì giận quá, cùng trách các quan nặng lời; lại có ý giấu chẳng cho Đức thấy biết sự ấy. Đức thầy nghe biết các việc, thì tâu rằng: “Vua đã rõ biết xưa nay, tôi hết lòng giúp việc nhà nước: mà rày các quan có lòng ghét làm vậy, thì xin từ các chức vua đã ban cho tôi, và để tôi lo một việc coi sóc bổn đạo mà thôi.” Vua thấy người biết mọi sự, thì ra dấu phiền muộn, cùng cho người xem sớ các quan đã dâng; lại cho người biết mình có ý phạt các quan ấy thể nào.

**26 - Đức thầy lấy lòng bao duông**174 **với kẻ thù ghét mình.**

Đức thầy nài xin vua tha mọi sự cho các quan cho yên việc, lại bởi có nhiều việc khác quan cũng ghen tương175, nên người quyết bỏ nước An Nam mà về bên Macao. Vua đã dọn tàu đưa người đi, song khi đã hòng xuống tàu thì vua hồi tâm lại, cầm lại chẳng cho trẩy đi. - Vốn từ đầu chí cuối vua chỉ một lòng với Đức thầy, chẳng đổi bao giờ; lại càng quen người thì càng phục, và tỏ ra lòng yêu mến tin cậy người. Đức thầy thấy sự làm vậy thì năn nỉ lắm, vì có ý cho an lòng mọi người, chớ ai ghét và bắt nét176 làm chi; nên xin nài vua tha sự dạy ông Đông cung, lại người chẳng đi chầu vua nữa. Vua đến thăm hay là mời người cách riêng thì mới đến với vua. Các quan càng ra sức làm mất lòng người, thì vua càng có lòng vì nể, năng đến thăm bàn việc nọ việc kia với người.

**27 - Đông cung chỉ lo sự đạo.**

Ông Đông cung chẳng còn ở một nhà cùng Đức thầy, thì càng ra dấu nhớ người hơn nữa, và năng đến thăm viếng. Khi ấy mới nên mười ba hay là mười bốn tuổi và đã khôn lắm; mà bởi đã biết tỏ các quan chẳng bằng lòng cho ở với Đức thầy, vì sợ người trở lại chịu đạo, thì càng ra sức đến thăm Đức thầy cách kín đáo; lại chọn những đầy tớ có đạo mà hầu hạ cho dễ xem lễ, đọc kinh và xem sách đạo. Người cũng tỏ ra lòng phiền muộn vì chưa đặng chịu phép rửa tội, và e sợ chết hụt mà chẳng kịp chịu phép ấy chăng. Bởi vậy người xin Đức thầy dạy cho biết cách rửa tội, để sau nầy hoặc mình phải ốm đau mà chẳng có ai có đạo cho đặng rửa tội cho, thì mình đặng bày cho kẻ khác biết đàng làm phép ấy cho mình.

**28 - Đức thầy trả ơn cho kẻ làm oán**

Đức thầy hằng giữ mình luôn kẻo người ta bắt nét đều gì; người lại ra sức lấy sự lành mà trả cho kẻ toan làm sự dữ cho mình. Vậy chẳng khỏi bao lâu, trong mười chín ông đã cáo gian, thì có hai ông phải tội rất nặng và đã phải luận chết chém. Vậy người xin đặng vua tha tội cho. Những quan lớn khác cũng đã đặng miễn tử vì người đã xin vua tha cho, thì hơn mười lăm ông.

Dầu người có công giúp việc nhà nước, và hay lấy lòng nhân đức làm sự lành cho người ta thể ấy mặc lòng, song đến sau lại có quan lớn kia cáo các Thầy đạo khoét con mắt người ta mà làm ngọc; lại rằng: "Mình đã vào nhà thờ kia, thì thấy tỏ tường một bình đầy những con mắt Thầy đạo đã khoét thể ấy." - Việc ấy đã đến tai vua và các quan, lại nói thêm nói thừa nhiều đều khác mà chê việc đạo. Bấy giờ Đức thầy xin vua tra xét sự ấy cho đến gốc; hoặc có thật, thì cứ phép mà phạt các Thầy đạo, bằng chẳng thật thì cấm chớ để cho ai bày đặt bỏ vạ cho đạo làm chi.

Vậy vua đòi quan ấy đến mà ép làm chứng các đều đã cáo các Thầy đạo mà rằng: "Ví bằng có chứng cớ tỏ tường thì sẽ phạt các Thầy đạo và bắt tội nặng chẳng tha. Nhược bằng đã nói chẳng thật, thì phải chết chém." - Quan ấy xin vua cam chịu vậy vì con mắt mình đã xem thấy tỏ tường. Vua liền sai ba bốn quan lớn đi đến nơi đã chỉ, lại ông ấy cũng đi với nữa. Bấy giờ thấy vua tra chứng cớ đều ấy cho thật, thì mới biết đàng sợ mà chữa mình rằng: "Nghe người ta nói, thì ngờ là thật." - Vua chẳng chịu lẽ ấy, một bắt phải đến nơi: mà bởi chẳng tìm thấy đi gì sốt, thì vua luận ông ấy phải chết chém. Đức thầy nài xin hết sức thì vua mới tha. Từ ấy về sau các quan chẳng ai còn dám nói sư khoét con mắt nữa.

**29 - Vua khôn ngoan tra xét sự phao vu177bỏ vạ.**

Lại có một lần khác, các quan đồng tình với nhau mà cáo các Thầy đạo hay làm bùa mà làm hại người ta. Các quan cũng đem một người kia làm tang tích178 đến trước mặt vua mà rằng: "Người nầy đã bị bùa các Thầy đạo, nên ra câm, chẳng còn nói đặng lời gì nữa." Vua đã hiểu ý thì giả giận mà rằng: "Ai ngờ là những Tây dương nhân có lòng độc đến nỗi ấy! Bề ngoài thì ra như sang bên nầy giúp ta, song thật có ý làm hại ta. Xưa rày thấy quân ấy dối ta nhiều lần, cho nên ta chẳng còn tin nó nữa. Vả lại chẳng có lẽ ta sợ, vì ta cũng có thuốc phá bùa đi."

Vua phán làm vậy đoạn, thì vào phòng, cùng lấy một bát nước lã đã pha một hai giống vào cho ra đó, mà bảo người câm luống thuốc ấy cho lành. Nó uống một chút vừa rồi, liền kêu một hai: "Đau bụng!" Ấy thuốc vua cho uống thì rất hiệu nghiệm, vì mới uống một hớp mà đặng lành đã.

Bấy giờ vua truyền đóng gông thằng ấy, và đánh cho đau mà tra khảo cho biết nó đã đồng tình với ai mà bỏ vạ thể ấy. Khi đầu nó chẳng dám nói; mà bởi đau đớn lắm thì xưng rằng: "Quan đại thần kia đã đút tiền." Lại rằng: "Có năm mươi người đã đồng tình với mình mà bỏ những tiếng xấu thể ấy; cũng có kẻ tụ tập với mình mà giết Đức thầy nữa." Vua bắt đặng tám người trong những quân ấy, thì truyền chém tức thì. Từ ấy về sau chẳng ai dám nói đều quấy quá thể ấy nữa.

**30 - Cách thói vua ăn ở với Đức thầy.**

Những đều bỏ vạ vua giải cách khôn ngoan thể ấy, thì là dấu tỏ người thật lòng kính Đức thầy; lại cách vua ăn ở hằng ngày với người, thì càng làm chứng đều ấy hơn nữa. Vì vua ở với người chẳng phải như vua tôi; song thật như anh em và kẻ thiết nghĩa vậy. Cũng có khi hai người cãi lẽ mà bất thuận với nhau, vì Đức thầy thông chữ nhu lắm, mà lấy sự đạo làm đầu, thì năng bày lẽ đạo cho vua nghe. Vua tốt trí và hiểu lẽ đạo, cho nên khi vui thì phục lẽ đạo; và có khi đem lòng lo về đàng ấy, thì nói to nhỏ với các quan rằng: "Luận về nghề bộ nghề thủy và các việc khác thì Tây dương nhân khôn ngoan hơn ta nhiều phần. Còn sự đạo là đều trọng hơn các đều khác, mà ta xưng mình khôn ngoan hơn người bên Tây làm sao cho phải."

Vua mê sắc dục, nên ghét đạo, và đôi khi chẳng vì nể Đức thầy; những nói nặng đều chê bai sự đạo và thêm lời hoa tình179 nữa. Song chẳng mấy khi vua dám nói trước mặt Đức thầy, vì người

chẳng nể vua mà cãi ngay; nên vua nói sau lưng, có ý cho kẻ nghe học lại cùng người.

Khi vua muốn dùng người làm việc gì trọng phò vực nhà nước, mà người xin kiếu vì sợ các quan ghen, thì vua làm thinh song qua một ít lâu, thì nói nhiều đều phạm sự đạo, cùng đe cấm đạo, có ý nhắc lại và ép người chịu lấy việc ấy. Có khi vua quỷ quyệt giả sự bắt tội cho các quan có đạo, hay là ép làm sự rối: vua đã rõ biết Đức thầy sẽ xin dong thứ180 chẳng sai; nên có ý dùng dịp tha cho các quan ấy mà lấy lòng người, cùng kể là ơn riêng vua làm bởi vì nể người.

**31 - Vua muốn ép ông Dinh Trung lạy tổ tiên vua**

Có một lần, nhằm ngày kị vua, thì vua dạy hai quan đại thần kia ép quan lớn có đạo, tên là Dinh Trung, bỏ vào trong hoàng cung mà giúp việc tế lễ và bái tổ tiên. Ông ấy vững lòng chẳng chịu làm việc ấy. Ngày hôm sau, là lễ Khánh đản ông Đông cung, thì các quan phải mặc áo vào chầu mà đi mừng ông ấy. Vậy ông Dinh Trung mặc áo mà đi làm một với các quan lạy ông Đông cung, đoạn có ý về. Song các quan kéo người vào trong hoàng cung và ép lạy tổ tiên vua mà rằng: "Vua chẳng ép bái bụt thần đâu, một ép lạy vua đời trước, thì ông chẳng có tội gì, cho nên phải vâng phép vua." Ông Dinh Trung chẳng chịu mà cãi lâu; đoạn các quan cầm tay ông ấy bắt cúi đầu xuống mà lạy. Bấy giờ ông phân phô181 rằng: "Tôi lạy một Đức Chúa Trời Ba Ngôi mà thôi."

Bởi đó các quan điệu ông ấy đến trước mặt vua mà tâu rằng: "Ông Dinh Trung đã lạy; song chẳng chịu lạy tổ tiên vua, một lạy Đức Chúa Trời Ba Ngôi mà thôi." Vua bảo rằng: "Đã lạy thì thôi." Đoạn vua quở rằng: "Trẫm nuôi mầy đã bấy lâu; nay cũng ban chức cao trọng cho mầy, mà mầy vô nhân bội nghĩa182 chẳng chịu lạy tổ tiên trẫm làm sao? Trẫm chẳng ép mầy bỏ đạo hay là lạy bụt thần, một ép mầy lạy tổ tiên trẫm, thì nào có tội gì?"

Ông Dinh Trung rằng: "Lạy Đức Bề trên, tôi sẵn lòng lạy Đức Bề trên, thì lẽ nào tôi khinh để tổ tiên Đức Bề trên, làm sao được? Nhưng mà các đứng ấy183 đã qua đời rồi, thì tôi tin thật mà chẳng có sức mà vưng hộ cho ai đặng cùng chẳng hiện xuống trong hoàng cung mà hưởng những của tế ấy. Vậy tổ tiên Đức Bề Trên chẳng có mặt ở đây, thì tôi chẳng lạy; phép cấm sự ấy, vì là đều dối trá."

Vua rằng: "Chớ thì mầy chẳng quen kính thờ các thánh nam nữ sao? Ấy vậy tổ tiên trẫm, và các thành có khác nhau đều gì? Các

thánh ấy cũng chết rồi mà chẳng hiện ra nữa. Vì vậy mầy lạy các thánh, mà chẳng chịu lạy tổ tiên trẫm làm sao? Trẫm cũng đã biết tỏ tổ tiên chẳng có mặt ở đây, cũng chẳng ăn uống của gì; nhưng mà trẫm lạy tổ tiên mà báo hiếu. Thầy giám mục Vê-rô cũng nói với trẫm rằng: Lạy tổ tiên thế ấy thì chẳng tội gì."

Ông Dinh Trung rằng: "Phép đạo cấm sự ấy, mà Giám mục nói chẳng có tội làm sao được?" Vua rằng: "Trẫm hỏi lại thầy Giám mục; còn về phần mầy thì trẫm sẽ gửi cho vua Xiêm, cho vua ấy bắt mầy lạy." Ông Dinh Trung rằng: "Vua Xiêm nói làm sao, thì mặc vua ấy, tôi không lạy." Vua rằng: "Mầy nói làm vậy thì phải, vì chưng vua Xiêm bắt người ta lạy Bụt; còn trẫm thì có ý ép mầy lạy tổ tiên trẫm, cũng như khi còn sống vậy mà thôi. Vậy bao giờ trẫm băng rồi, thì mầy cũng không lạy trẫm sao?" Ông Dinh Trung thinh lặng, thì các quan tâu rằng: "Sau nầy khi Đức Bề Trên đã đặng trăm tuổi đoạn, thì ông ấy chẳng lạy, vì đã nói với chúng tôi nhiều lần rằng: mình lạy kẻ sống mà thôi; còn kẻ chết rồi thì chẳng lạy làm chi." Vua rằng: "Thằng nầy là nghịch thần." - Đoạn thì vua nói qua đều khác.

**32 - Vua chẳng cấm đạo, cũng chẳng binh**184 **đạo là bao nhiêu.**

Vua có lòng thể ấy, song chẳng cấm đạo tỏ tường, phần thì vì nể Đức thầy, phần thì cũng nể bổn đạo có công với mình nữa. Vì khi trước, nếu chẳng có cậu Phaolồ cứu giúp, thì phải chết đã lâu; mà lại bổn đạo Đàng Trong đã giúp vua hết lòng hết sức. Song vua chẳng chịu ra chỉ tha đạo tỏ tường. Ai vô đạo thì mặc ai; còn kẻ ngoại đạo bắt bổn đạo làm việc rối thì phải chịu.

Đức thầy biết tỏ lòng vua thể nào, thì chẳng bao giờ dám xin người giáng chỉ tha kẻ có đạo làm việc rối, vì là đều mất công vô ích. Người cứu giúp bổn đạo nhiều lần, vì hoặc kẻ ngoại biết người có thân thế, thì chẳng dám khuấy kẻ có đạo; hay là khi bổn đạo phải sự gì khốn khó, thì các quan vì nể người mà liệu cho bổn đạo đặng an. Vua chẳng nói gì đến việc ấy; cho nên cũng có nhiều kẻ trách Đức thầy vì vua có lòng vì nể và yêu dấu dường ấy, mà người chẳng xin vua giáng chỉ mà tha các đều rối cho bổn đạo.

Có một lần, nhân có sự lệ, các làng toan bắt bổn đạo góp tiền mà tế, thì bổn đạo xin Đức thầy cứu. Vì chưng quan Hiệp Trấn ghét đạo, và cho tờ góp tiền bổn đạo, lại đã tâu vua về việc ấy nữa. Cho nên Đức thầy sai ông Lelabousse, là Giám mục thừa, và ông cậu Phaolồ đi tâu vua, xin tha cho bổn đạo; mà bởi vua đã quan hai ông ấy cách riêng, thì cho vào đền.

Khi ấy vua đang ngự, có các quan đông đắn, nên chẳng dám tâu tỏ tiếng185 kẻo các quan hay, một nói thầm cho vua nghe mà thôi.

Bấy giờ vua chẳng nói làm sao, vì sợ ví bằng chẳng cho y như Đức thầy xin thì mất lòng người; nếu cho, thì mất lòng các quan; cho nên vua cất tiếng kêu lên hỏi ý các quan rằng: "Có nên cho chăng?" Các quan đều tâu rằng: "Chẳng nên." Nhân vì sự ấy vua luận rằng: "Ví bằng các làng có bằng lòng tha cho bổn đạo thì mặc các làng; bằng bắt góp tiền thì phải chịu, vì phép nhà nước đã quen thể ấy."

**33 - Vua cứ lệ mà trọng Bụt thần bề ngoài.**

Vua luận thể ấy chẳng phải là vì trọng đạo Bụt thần đâu; vua trọng một đạo nhu mà thôi. Còn đạo Bụt thần, thì người chê bai lắm. Song bởi bà Thái hậu và bà Hoàng hậu mê đạo bụt thần, thì vua cũng nể mà kính bề ngoài ít nhiều vậy.

Có một lần, vua cỡi ngựa đi chơi ngoài đồng với Đức thầy, phải khi qua trước chùa kia, mà vua có ý kính chùa hay là muốn thử lòng Đức thầy, thì chẳng biết. Song khi đến gần chùa, thì vua xuống ngựa, đi bộ cho đến khi qua khỏi chùa. Đức thầy Vê-rô cũng xuống ngựa, nhưng mà đứng lại một nơi cho đến khi vua lên ngựa, thì người cũng lên ngựa chạy theo vua.

Bấy giờ vua mỉm cười, mà hỏi sao đã làm làm vậy. Người tâu rằng: "Tôi thấy bệ hạ xuống ngựa thì chẳng lẽ nào mà tôi chẳng xuống; chẳng vậy, thì ra đều vô phép: nhưng mà tôi đứng lại một nơi cho đến khi bệ hạ lên ngựa, kẻo tôi đi bộ bước qua trước chùa, thì ra hình tôi có lòng kính Bụt thần, là đều chẳng phải." Vua nghe người nói làm vậy, thì khen là khôn ngoan.

**34 - Đức thầy phải cực trong lòng.**

Đức thầy ở hết lòng mà giúp việc vua, là vì có ý trông cho sự đạo được nhờ: song khi thấy lòng vua ghét đạo, lại thấy các quan có nhiều kẻ hềm thù mình và hay bắt nét đàng nọ, bỏ vạ đàng kia, thì phiền muộn lấy làm cay đắng xót xa lắm.

Người lại phải khốn cực đàng khác hơn nữa. Vì chưng trong các địa phận khác bên phương Đông, có nhiều kẻ biết người làm quan đại thần giúp vua, và lo những việc phần đời, thì trách người bỏ chính việc mình phải làm, mà liệu những việc đời chẳng thuộc về mình. Cũng có kẻ chê người chẳng khôn, vì mất công vô ích. Đến khi quân Tây Sơn ra chỉ cấm đạo, thì người ta càng chê trách hơn nữa, vì rằng: "Quân Tây Sơn chẳng có lòng ghét đạo, mà đã cấm

đạo thể ấy, thì là tại Đức thầy hay giúp vua."

**35 - Đức thầy có ý ngay lành.**

Đức thầy lấy các đều ấy làm cay đắng chua xót ngàn trùng. Vì chưng người có lòng rất sốt sắng: những giảng giải coi sóc bổn đạo, tùy chính việc mình phải làm. Người đã tra tay186 lo việc phần đời phò vua vực nước, thì chẳng những là có ý rất ngay lành, là giúp cho cả và nước An Nam được nhờ phần hồn phần xác, mà lại người đã ra dấu tỏ tường lòng người chẳng muốn lo việc gì phần đời thể ấy sốt.

Khi vua lâm phải sự khốn khó, thì người thương mà giúp tùy sức. Đến sau, vua cám ơn mến đức người, cùng thấy người khôn ngoan khéo léo các việc, thì muốn dùng người. Dầu người lấy lẽ nào mà xin kiếu, thì vua cũng chẳng nghe. Tòa Thánh là chính bề trên, mà chẳng trách vì sự ấy bao giờ; lại Tòa Thánh trông cho sau trở nên sự lành, thì khen người làm việc nên.

Dầu vậy Đức thầy Vê-rô thấy anh em và nhiều đấng khác chê trách mình thể ấy, thì người kể sự ấy là cây Thánh Giá rất nặng nề đè lấy mình. Nhưng mà bởi người có lòng mạnh bạo, thì sẵn lòng chịu khó mà phú mọi việc mặc thánh ý Đức Chúa Trời.

**36 - Vua ép uổng Đức thầy giúp Đông cung quản hay hai xứ Nha Trang và Bình Thuận.**

Năm 1792, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập tam niên, cũng là năm Nhâm Tý, khi vua đánh lấy và đốt tàu vua Thái Đức, thì cũng đã lấy xứ Nha Trang và Bình Thuận. Đoạn dọn ra Quy Nhơn mà đánh ông Thái Đức nữa. Vua sợ mất xứ Nha Trang và xứ Bình Thuận, thì phú cho Đông cung giữ lấy.

Mà bởi ông ấy còn ít tuổi chưa làm chi được, nên vua lại ép Đức thầy coi sóc con như khi trước và chịu khó trẩy ra với Đông cung cho được quản hay các xứ ấy. Dầu mà Đức thầy lấy lẽ nào mà xin kiếu, thì vua cũng chẳng nghe vì rằng: "Con vua có lòng kính và hay nghe người mà thôi; cho nên có một mình người có quyền thế mà coi sóc." Vả lại rằng: "Người có chịu khó trẩy ra ngoài Nha Trang, thì mới dám cho Đông cung ra." Vua còn lấy nhiều lẽ khác cho được ép Đức thầy Vê-rô, thì bất đắc dĩ người đã phải chịu.

**37 - Vua vây thành Quy Nhơn mà vô ích.**

Vậy người ra Nha Trang với ông Đông cung mà kiêm các việc văn võ quản trị hai xứ ấy thay mặt vua. Khi ấy ông Olivier là quan

Pha-lang-sa, đã chiếu binh pháp phương Tây mà xây một lũy rất chắc chắn tại Nha Trang. Còn vua thì trẩy ra Quy Nhơn, cùng vây thành ấy hai ba tháng. Hai bên đánh nhau nhiều trận lắm; song chẳng ai đặng, cùng chẳng ai thua; kẻ bị tử trận hai bên thì nhiều lắm. Vua chẳng lấy được thành ấy, lại thấy quân lính mình một ngày một hao, lương thực cũng đã gần thiếu, thì lại trở về Sài Gòn.

**38 - Quân Tây Sơn vây thành Nha Trang mà phải thua.**

Bấy giờ vua Thái Đức đem binh sĩ vây thành Nha trang hai lần, mà chẳng làm gì được. Vua ấy đem bốn vạn quân cùng đánh nhiều trận; song đánh trận nào thì thua trận ấy, và binh sĩ bị trận gần hết. Khi ấy Đức thầy ra như đại tướng quân, người chẳng cầm khí giới mà đánh bao giờ, nhưng mà người bày các việc phải làm, những cách phải liệu cho đặng giữ thành và đánh cho thắng.

Vua ở thành Sài Gòn nghe tin quân Tây Sơn vây thành Nha Trang, thì đem nhiều quân ra giúp và đuổi quân Tây Sơn phải trốn mất. Bấy giờ Đức thầy cùng các quan xin vua theo bắt quân giặc, vì nó đã ít cùng yếu sức rồi, thì dễ phá cho tận tuyệt. Nhưng mà vua chẳng chịu; lại trở về Sài Gòn, để con cùng Đức thầy cứ việc cai xứ Nha Trang và xứ Bình Thuận như trước.

**39 - Vua vây thành Quy Nhơn một lần nữa mà không lấy đặng.**

Năm sau, là năm 1793, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập tứ niên cùng là năm Quý Sửu, thì vua lại đem nhiều tàu và nhiều binh sĩ ra Quy Nhơn. Khi đầu thì đánh phá cửa Quy Nhơn và những lũy xung quanh, đoạn mới vây thành Quy Nhơn, mà ông Thái Đức ở trong thành ấy. Hai bên đánh nhiều trận dữ lắm; khi thì bên nọ đặng, khi thì bên kia đặng: quân bị tử trận hằng hà sa số.

Ông Thái Đức sợ thua, thì gửi tin cho hai cháu là ông Hoàng Triếp gọi là vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng ở ngoài Kẻ Chợ, mà xin cứu. Hai ông ấy liền sai sáu vạn binh mà giúp ông Thái Đức, chẳng phải bởi có lòng với bác187, song bởi sợ ông ấy phải thua, thì ông Nguyễn Anh lại ra đánh mình nữa chăng. Ông Nguyễn Anh nghe tin hai cháu Thái Đức sai nhiều binh cứu, thì lại sợ e đánh không lại, nên đã đem binh xuống tàu bỏ cửa Quy Nhơn mà trở về Sài Gòn.

**40 - Quân Đàng Ngoài làm hỗn hào trong thành Quy Nhơn.**

Khi quân Đàng Ngoài vào giúp ông Thái Đức, đến Quy Nhơn thì chẳng còn thấy vua Nguyễn Anh, dầu vậy các quan cũng xin đem quân vào mà rằng: “Có công khó nhọc đến cứu giúp thì phải

thưởng." Nhưng mà ông Thái Đức e sợ quân ấy vào thành, thì sẽ lấy thành cho vua Cảnh Thịnh, nên chẳng cho vào; lại đóng cửa thành mà xin quân ấy trở về, mà rằng: "Chẳng có việc gì nữa."

Quân ấy giận lắm, liền phá phách mọi nơi ngoài thành, và sắp vây thành nữa. Hai bên cãi nhau nặng đều; mà chẳng cho quân ấy vào, thì sinh ra nhiều đều khốn nạn lắm. Vậy ông Thái Đức túng thế phải mở cửa thành cho quan quân vào. Người ngờ là thết đãi nó cho lịch sự đoạn, sẽ giao hòa cho khỏi sinh sự hỗn hào; song khi quân ấy vào thành, thì kể mình là chủ, chẳng còn để quyền phép nào cho ông Thái Đức sốt.

Khi đầu nó xin vay mượn, mà đến sau nó phá phách cùng ăn cướp vàng bạc đồ đạc mọi giống; lại chỉ trêu ghẹo quân lính ông Thái Đức, chẳng kể188 ông ấy là gì nữa. Ông ấy còn có tên vua không mà thôi, quyền phép thì nơi tay các quan Đàng Ngoài hết thảy.

**41 - Thái Đức buồn rầu mà chết.**

Ông Thái Đức thấy vậy thì phàn nàn buồn bực quá bội. Khi trước ông ấy kiêu căng, bạo thiên nghịch địa chừng nào, thì rày phải quân lính cháu mình làm cho xấu hổ cùng buồn bực chừng ấy. Thái Đức chẳng biết toan làm sao, thì dạy người ta võng189 vào chùa mà khấn với Bụt rằng: "Nếu được bình yên, thì sẽ phá tuyệt đạo."

Song ông ấy chẳng kịp liệu việc quái gở ấy, vì đã già; mà bởi khi trước lao tâm nhiều đàng, thì phải bệnh nặng lắm. Quan quân Đàng Ngoài ở Quy Nhơn ba tháng, ăn cướp phá phách mọi nơi đoạn, thì về ngoài Huế và ngoài Kẻ Chợ. Còn bệnh ông Thái Đức thì một ngày một nặng; lại thêm cực lòng vì quân Đàng Ngoài làm hỗn độn thể ấy, nên qua một ít ngày thì chết.

**42 - Tiểu Triều nối quờn trị xứ Quy Nhơn cùng xin chịu hàng Nguyễn Anh.**

Khi ông Thái Đức đã gần chết thì tôn con, tên là Tiểu Triều, nối quờn làm vua thay vì mình. Nhưng mà ông Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng nghe tin ông Tiểu Triều lên ngôi thì giận lắm, vì hai anh em có ý chia nước An Nam ra với nhau. Cho nên sắp đem binh vào đánh và giết ông Tiểu Triều, như là kẻ ngụy thần vậy. Ông Tiểu Triều còn ít tuổi, chưa biết việc trị nước là bao nhiêu. Khi nghe tin hai anh em vào đánh mình, thì sợ hãi, song cũng sắm sửa mà đánh trả. Nhưng mà mẹ người e đánh chẳng lại, mà phải tay hai anh em độc bạc ấy, thì sai sứ đến với ông Nguyễn Anh xin chịu

hàng.

Vua được tin ấy, thì mừng rỡ liền xuống tàu ra lấy thành Quy Nhơn. Ông Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng nghe ông Tiểu Triều có ý chịu hàng ông Nguyễn Anh, thì cũng mừng, vì đặng dùng dằng lâu ngày hơn mà sắm sửa việc đánh giặc. Vậy hai anh em sai quan xuống tàu đem binh vào Quy Nhơn, cho kịp trời đang thuận gió.

**43 - Tiểu Triều phải quân giặc trấn nước.**

Ông Nguyễn Anh ước ao hết lòng chớ chi đặng đem binh ra Quy Nhơn khi quân Tây Sơn chưa biết gì; nhưng mà phải ngược gió, đến không kịp. Vậy quan quân vua Cảnh Thịnh cùng Hoàng Thùng vào cửa trước, mà bắt tội ông Tiểu Triều, vì đã làm nguỵ và có ý chịu hàng ông Nguyễn Anh. Đoạn hai anh em vây thành, và qua một ít ngày thì lấy được, cùng bắt Tiểu Triều mà trấn nước.

**44 - Cậu Hiền chịu hàng Nguyễn Anh.**

Khi ấy vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng còn trẻ tuổi, chẳng có mặt đó. Các quan lấy tên hai ông ấy mà làm đều bạo người nầy; song thật hai ông ấy chẳng biết gì.

Bấy giờ có một quan lớn thuộc về ông Hoàng Thùng, tên là Cậu Hiền, giận các quan ông Cảnh Thịnh, vì đã giết chú mình là quan lớn gọi là Đại tư Lễ; thì trở nghịch, và đem quân mình chịu hàng với ông Nguyễn Anh. Từ ấy về sau, ông Cậu Hiền giúp vua nhiều đều, vì có tài đánh giặc, lại trung với vua. Người đã thuộc các việc quân Tây Sơn, nên ghe phen190 đã làm cho quân ấy phải khốn cực. Nhân vì sự ấy vua đã đặt cậu ấy làm đại tướng quân, gọi là quận công.

**45 - Vua vây thành Quy Nhơn lần thứ ba.**

Vua nghe quân Tây Sơn đã lấy được thành Quy Nhơn, thì phàn nàn, vì mình đến chẳng kịp, song quyết đánh với quân ấy. Vậy vua đã đem nhiều quân Cao Mên làm binh phục mà đánh bộ. Hai bên đánh nhau bảy tháng tròn, mà bởi hai bên cũng gan đãm, liều mình quyết chiến giáp nhiều trận, và giết nhiều binh mặc lòng, song chưa bên nào chịu thua.

Đến sau tàu vua mới vào được cửa Chợ Giã, vì tàu quân Tây Sơn đậu đó không bao nhiêu. Vậy vua phá đặng những lũy đã xây mà giữ cửa. Còn nhiều đàng khác, thì vua cũng phải canh, kéo quân trong thành thông công với người ngoài; và phòng kẻo có ai vận

lương hướng vào, hay là giúp quân trong thành cách nào chăng. Nên quân vua phải phân phái đi cả, chẳng còn lại đặng mấy tên.

Vậy quân trong thành đã gần hết lương, và chẳng thấy ai đến cứu. Có một ít chiếc ghe gạo đã trộm vào đặng rạch kia gần thấu vào thành. Vừa có quân do thấy, thì vua liền sai quân đánh cùng bắt lấy hết chẳng sót chiếc nào. Cho nên quân trong thành một ngày một túng thế.

**46 - Vua ngã lòng muốn đem binh về Đồng Nai.**

Vua đã lập hai lũy cho được giữ các đàng nẻo, không cho ai thấu vào thành. Chẳng hay khi vua đã xây hai lũy ấy vừa đoạn, thì quân lính Đàng Ngoài liền xông vào đánh cùng phá đi. Cho nên vua ngã lòng mà quyết đem binh về Đồng Nai. May có Đức thầy can xin vua khoan trở về. Những lẽ người bày ra thì các quan lấy làm phải, cho nên vua sẵn lòng ở lại một ít lâu.

**47 - Cung Trung Phúc tỏ ra mình gan dạ.**

Khi ấy có một quan lớn kia, tên là Cung Trung Phúc, có danh tiếng gan đãm và hay đánh giặc có ý lập công với vua, thì lấy ý riêng mà thình lình ra đánh quân giặc không cho ai biết. Chẳng hay ông ấy mắc quân giặc lừa mà thua, lại quân mình bị tử trận hầu hết. Ông ấy thoát khỏi đặng, nhưng mà khi về dinh thì các quan đều chê cười; mà vua thì quở nặng đều. Bởi đó ông ấy có ý rửa hổ; thì ban đêm đem một ít quân mạnh bạo, khi chẳng ai ngờ, mà xông vào đánh lấy một lũy rất chắc chắn vua đã xây khi trước, mà quân giặc đã lấy đi. Ông ấy lại đánh được nhiều quân giặc tử trận, và những quân khỏi chết trốn vào trong lũy khác.

**48 - Nhờ có con nai chạy lạc vào lũy mới lấy lũy ấy đặng.**

Qua một ít ngày, ông Cung Trung Phúc lại lấy đặng lũy ấy cách lạ lắm, chẳng phải bày mưu chước gì. Vì tình cờ đêm kia có một con nai trên rừng lạc xuống chạy vào trong lũy. Quân canh thấy thì mầng191 cùng la lớn tiếng rằng: “Nai! Nai!” Nó lại chạy đuổi theo mà bắn, mà bắt con nai: song bắn mấy cũng không trúng; nó bắn đàng nầy thì nai chạy đàng khác, mà nó cũng cứ đuổi theo; chẳng ngờ bắn trúng chết một hai người, cũng có người thì bị thương tích.

Quân khác đang ngủ nghe xôn xao thì thức dậy. Lại nghe kêu: “Nai! Nai!” thì ngờ là quân Đồng Nai đã vào lũy rồi; cho nên nổi ốc192 dùng mình193 mà la lên rằng: “Đồng Nai! Đồng Nai!” Ai ai cũng tin thật là quân vua đã đến, thì cầm lấy khí giới. Song bởi

loạn hàng thất thứ194, và hồn bất phụ thể195, thì đạp cửa lũy mà chen nhau trốn sạch, chẳng sót tên nào.

Nó trốn làm vậy cho đến sáng ngày mới biết mình đã lầm. Song cũng không trở về trong lũy, cứ tìm nơi chắc chắn mà ẩn mình mà thôi.

Khi quân vua Nguyễn Anh nghe xôn xao ban đêm làm vậy, thì chạy đi coi cho biết cớ sự làm sao. Khi đến nơi, thì thấy còn lũy không, không còn ai canh giữ, liền chiếm lấy, cùng sai người đi thăm xung quanh, thì gặp những người bị thương tích và những người chạy trốn chưa kịp. Bấy giờ quân đi thám hỏi196, thì kể lại nguyên hủy tự sự197, vì làm sao mà sinh hỗn độn xôn xao làm vậy.

Quân vua nghe, đã nín cười; lại nói nhát198 nó thêm mà rằng: "Thôi, anh em đã trốn, đã thoát đi đặng, thì cũng là may phước lắm đó, vì binh sĩ nhà vua đã chiêu áp lũy nầy vô số, không biết kể sao cho xiết, để đánh phá lũy nầy."

**49 - Cung Trung Phúc lấy thành Quy Nhơn.**

Quan cai quân ấy là ông Cung Trung Phúc, lấy tên vua mà gửi thư cho các quan trong thành Quy Nhơn mà truyền phải hàng tức thì. Bằng chẳng chịu hàng ngày ấy thì phải chết hết. Vậy quân giặc mắc lừa mà tin thật ông Nguyễn Anh đã đem thêm nhiều binh sĩ và thêm nhiều tàu, nên sợ hãi lắm, vì chẳng còn trông ai cứu.

Vậy các quân ấy bàn đi bàn lại đoạn, thì sai sứ đến cùng vua xin cầu hòa; lại nói đã sẵn lòng chịu hàng, và giao thành cùng mọi sự, mà xin một đều mà thôi là vua đừng giết ai. Vua bằng lòng ưng đều ấy. Thì qua ngày sau, các quan mở cửa thành Quy Nhơn ra rước vua vào. Bao nhiêu khí giới, thuốc súng và một trăm hai mươi con voi, tiền bạc, lúa thóc và các giống khác trong thành thì vua nhận cả, lại cả xứ Quy Nhơn chịu phép vua nữa.

Vua đặng thành ấy thì là trọng lắm, vì thành ấy rất vững; mà vua đặng thì kể là đặng nửa phần nước An Nam. Còn Đàng Ngoài, thì chẳng khó lấy là bao nhiêu. Vậy khi trước, vua đã ngã lòng mà lại quyết trốn đi, như lời đã nói trước nầy; phải mà chẳng có Đức thầy Vê-rô cầm vua lại, thì đã ra hư việc. Lại ơn phước trọng ấy cũng là vì nhờ có con nai.

Khi xứ Quy Nhơn và các xứ Đàng Trong đã chịu phép vua đoạn, thì vua liệu cho an dân; nên đặt ông Hậu, là em, mà cai xứ ấy thay vì người.

**50 - Đức thầy chịu công lao khó nhọc mà phò vua vực nước.**

Vậy vua đã đặt Đức thầy làm Quốc công, và ép người coi sóc ông Đông cung mà cai thành Nha Trang và cai xứ ấy và xứ Bình Thuận thay vì vua, như lời đã nói trước. Chẳng ai kể xiết những công lao khó nhọc người đã phải chịu mà lo các việc ấy. Vì quân Tây Sơn đến vây thành Nha Trang hai ba lần. Nó thua lần nầy, lại đem nhiều quân thêm mà vây lần khác. Dầu nó dùng sức lực mà chẳng hề lấy thành ấy đặng, thì nó ra sức dùng mưu; song cũng chẳng hề bao giờ lừa gạt đặng Đức thầy, nên bất đắc dĩ, nó phải bỏ Nha Trang mà rút về Quy Nhơn.

Lúc ấy Đức thầy cũng cứ một lòng thỉ chung199; dẫu các quan Tây, thấy nhiều đều phất ý, nhiều ông đã xin hồi đường, còn hai ba ông ở lại mà thôi; song Đức thầy cũng chẳng thối chí, hằng một lòng phò vua vực nước mà thôi.

**51 - Bổn đạo Đàng Ngoài phải khốn khó.**

Năm 1795, là Cảnh Hưng ngũ thập lục niên, cùng là năm Ất Mão, thì các xứ Đàng Ngoài chẳng được yên về sự đạo. Vua Cảnh Thịnh ở trong Huế và ông Hoàng Thùng ở ngoài Kẻ Chợ một ít lâu, mà chẳng lo việc gì, các việc thì mặc các quan triều. Vậy quan quốc công, khi trước là thái sư và ghét đạo, đã sai quan kia, tên là đổng lý Đương, cai các xứ Đàng Ngoài làm khốn cho bổn đạo.

Ông ấy lấy tên vua mà giáng chỉ cấm đạo, bắt các thầy đạo, và triệt hạ các nhà thờ. Trong chỉ ấy nói nhiều đều phạm đến sự đạo và trách các thầy đạo hay khoét con mắt người ta. Khi mới lục chỉ ấy ra, thì các quan đã hiểu ý, chẳng vội tra tay bắt đạo. Cũng có nơi thì các quan ăn đút tiền bạc mà làm thinh. Có nơi thì các quan tin cho các thầy cá biệt mà trốn. Nhưng mà vì kẻ ngoại đạo rầy lắm, nên cũng phải tốn tiền, và triệt hạ đạo đàng đạo quán. Quan quốc công chỉ giục các quan làm hết sức mà phá cho tuyệt đạo.

Dầu chẳng ai dám mở miệng nói một lời gì xin ông ấy thương bổn đạo mặc lòng, song các quan cũng có lòng lành bảo bổn đạo phải liệu cho được một ông Tây nào khôn ngoan khéo nói, liều mình ra mặt với ông Quốc công, mà thưa lại các việc và giải các đều quấy ông ấy đã bỏ vạ cho đạo. Các ông Tây sang giảng đạo bên nước An Nam, và các thầy bổn quốc nghe đều ấy, thì bàn đi bàn lại với nhau, cùng ưng làm như lời các quan bảo.

Bấy giờ Đức thầy Hậu sai cố Báu (M. de la Bissachère) ra mặt với ông Quốc công. Ông ấy cũng sẵn lòng và đã dọn mình ra mặt;

song Đức thầy Gia (Mgr de Gortyne) suy rằng: Làm làm vậy là liều mình vô cớ cũng vô ích. Nên người cấm nhặt, chẳng cho cố Báu ra mặt. Vậy quan quốc công sai quân đi do các làng các họ mà bắt bổn đạo, và làm khốn cực nhiều cách nhiều thể. Nó bắt đặng hai thầy giảng và đã đánh cho đến chết. Bổn đạo phải sự khốn khó thế ấy chẳng bao lâu; vì qua năm sáu tháng, thì ông quốc công đã phải tay Đức Chúa Trời phạt.

**52 - Hai quan quốc công và đổng lý có lòng gian và phải khốn.**

Quan quốc công và quan đổng lý đã đồng tình với nhau cho đặng giết vua Cảnh Thịnh và Hoàng Thùng mà chiếm lấy nước An Nam. Quan quốc công có ý đặt con đầu lòng làm vua; mà ông đổng lý thì sẽ làm chúa. Hai ông đã bàn các việc với nhau đã lâu; mà khi ông đổng lý ra ngoài Kẻ Chợ thì chẳng còn xem ông Hoàng Thùng là gì nữa; lại cất quân nội thị, cùng giảm bớt lương, chẳng để quyền phép nào cho ông ấy sốt. Ông đổng lý muốn làm sao thì làm vậy. Ai ai cũng biết ông ấy đồng tình với ông quốc công, thì chẳng dám nói đều gì. Quan quân đều phải sợ cùng cúi đầu chịu phép hết thảy.

Quan lớn kia, tên là Tư Khâu, thấy ông quốc công và ông đổng lý năng sai quân hộ tiếu đưa thư cho nhau, mà chẳng cho vua Cảnh Thịnh và các quan triều biết, thì sinh nghi. Vậy ông ấy lấy lòng trung mà nhắn tin cho vua biết, thì vua truyền bắt quân hộ tiếu đưa thư; mới biết tỏ tường đã hòng đến ngày hai ông hẹn giết vua cùng giết các em vua.

Bấy giờ vua truyền bắt ông quốc công tức thì, cùng bỏ vào cũi sắt. Qua một ít ngày, lại bắt ông đổng lý cũng bỏ vào cũi sắt mà đam vào trong Huế. Đoạn thì hai ông ấy phải luận xử lăng trì200.

Khi ông quốc công còn phải giam trong ngục, thì có quan lớn kia nhiếc móc ông ấy, vì trước đã làm khốn cho kẻ có đạo là kẻ vô tội, lại toan giết vua nữa. Ông ấy xưng thật mình có ý ấy, song trời chẳng cho như sự mình đã quyết làm. Vậy hai ông ấy chết đoạn, thì chẳng ai còn nói đến sự cấm đạo nữa; nên các xứ Đàng Ngoài lại đặng bình yên như khi trước.

**53 - Ông Giám là người trung thần và đạo đức là thể nào.**

Vua Nguyễn Anh lấy đặng xứ Quy Nhơn rồi, mừng chưa kịp no, vừa có quan đại thần kia có đạo, tên là ông Giám, phải bệnh mà chết; thì vua thương tiếc đau đớn lắm.

Vốn ông Giám thuở đầu chẳng có đạo, lại ghét đạo hết lòng; mà

hỡi đã quen biết Đức thầy Vê-rô, cùng nói lẽ đạo với người nhiều lần, thì đã trở lại chịu đạo như đã nói trước nầy. Từ ấy về sau, ông ấy rất ngoan đạo sốt sắng giữ các phép trong đạo, lại lo liệu cho em và con và đầy tớ đặng trở lại chịu đạo nữa. Trong các giáo hữu chẳng thấy mấy người đạo đức khiêm nhượng như ông ấy, vua lại rất khôn ngoan trong các việc phần đời. Vua phú việc gì cho, thì làm nên việc ấy, cho nên vua yêu cách riêng. Vả lại ông ấy ăn nói lịch sự với mọi người, nên ai ai cũng kính phục.

Đến khi ông ấy phải bệnh, thì càng tỏ ra lòng sốt sắng kính mến Đức Chúa Trời hơn khi trước. Dầu liệt lào201 đau nặng mặc lòng, song chẳng hề phàn nàn năn nỉ bao giờ, một bằng lòng chịu khó vác Thánh Giá theo chân Đ C Giêgin202 mọi đàng. Đêm ngày ông ấy chỉ than thở cùng Đ C T và đặt ảnh chuộc tội gần giường mà nhìn xem luôn, cho nhớ sự thương khó Đ C G203. Ban hôm sớm mai đến giờ đọc kinh, người ta quỳ gần giường ông ấy nằm; mà ông ấy chẳng còn sức chổi dậy204 đặng, thì biểu đầy tớ đỡ mình lên mà quỳ gối cho đặng thông công205 với người ta. Khi chịu các phép cách sốt sắng đoạn, thì qua đời; thiên hạ thương tiếc lắm.

**54 - Cất đám ông Giám cách trọng thể.**

Vua thương mến người lắm, nên xin Đức thầy xứ ấy cứ phép đạo mà lo việc cất xác ông ấy cho trọng thể hết sức, và làm cho đủ hết các lễ phép thảy thảy206. Vốn Đức thầy thương ông ấy, nên vui lòng mà vưng lời vua. Thật từ xưa cho đến khi ấy chưa hề thấy cất xác ai cách trọng thể làm vậy. Đức thầy dạy thể nào, thì vua cứ truyền thể ấy.

Vua biết ông Giám có đạo, thì để mặc kẻ có đạo liệu các việc, chẳng ép làm sự gì dối trá. Vua lại giúp đỡ mọi đàng, cùng ban hàng ban gấm, ban cờ, lại phát nhiều quân để hầu hạ phục dịch cho ra sự trọng thể hơn nữa. Đến khi làm lễ và khi đưa xác, thì vua cùng các quan đi theo. Khi vua nghe đọc văn tế thì khóc chảy nước mắt ròng ròng. Các việc xong xã[illegible] rồi, thì mới ngự về.

Kẻ ngoại thấy bổn đạo chôn xác kẻ chết cách trọng thể và nghiêm trang dường ấy, thì lấy làm lạ lắm. Ai ai đều khen hết, chẳng dám nói chê sự đạo nữa. Dầu vua cũng khen, mà chẳng còn nói đều gì phạm đến sự đạo như khi trước nữa.

**55 - Cảnh Thịnh giáng chỉ cấm đạo**

Quân Tây Sơn chẳng ưa sự đạo, mà vua Quang Trung dầu đã làm cực bổn đạo nhiều phen mặc lòng, song chưa hề bao giờ cấm đạo

tỏ tường. Các đều ông quốc công làm mà bắt đạo, thì kể là việc riêng ông ấy mà thôi; vì khi ấy vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng chẳng biết đến việc ấy.

Năm 1789, là Lê Cảnh Hưng ngũ thập cửu niên, cũng là Cảnh Thịnh lục niên, là năm Mậu Ngũ, thì vua Cảnh Thịnh giáng chỉ cấm đạo thái nghiêm207 vì năm ba lẽ sau nầy:

Khi vua Nguyễn Anh đã lấy đặng các xứ Đàng Trong và ra gần Phú Lộc Lý, thì cũng có lẽ lấy được thành Huế nữa; song vua dụ dự208 dừng chân lại, sắm sửa về. Bấy giờ vua gặp một ông già kia Đàng Ngoài có đạo, tên là Tây, thì hỏi dọ các việc Đàng Ngoài thể nào; ông Giám mục ngoài Huế có giúp việc được chăng. Ông Tây tâu rằng: "Người Đàng Ngoài đều bất phục quân Tây Sơn, và ước ao cho nhà Nguyễn lại đặng cai trị cả nước An Nam." Lại xưng thật rằng: "Ông Giám mục thì chẳng biết gì đến sự đánh giặc; nhưng mà các bổn đạo sẵn lòng đánh giặc mà giúp vua."

Bởi đó cho nên vua cậy người ấy đưa thư cho Đức thầy Gioang, là Giám mục phó ở ngoài Huế, mà khuyên người lo liệu các bổn đạo Đàng Ngoài đồng tình với nhau mà đánh quân Tây Sơn. Trong thư ấy vua cũng bảo rằng: "Bao giờ bổn đạo nghe tin vua đã ra Huế vừa rồi, thì phải dậy lên cả một trận mà đánh quân Tây Sơn." Vả lại vua cũng dặn ông Tây, khi đã ra Đàng Ngoài rồi, thì phải có ý tứ mà năng gửi tin cho vua biết các việc ngoài ấy thể nào.

Vậy ông Tây thuê một chiếc thuyền nhỏ ở Cửa Hàn mà ra ngoài Huế, cũng đã đến nơi bằng yên, và đã cho thuyền về rồi. Chẳng hay quân giữ cửa thấy người dị diện209 thì bắt trói lại, điệu210 đến nộp cho quan lớn. Bấy giờ các quan biết tỏ tường thư vua gửi cho Đức thầy Gioang (Mgr de Véren), cũng tin thật các quan bổn đạo có ý làm nguỵ. Nhơn vì sự ấy vua Cảnh Thịnh cùng các quan dốc lòng bắt Đức thầy Gioang, và các thầy đạo mà giết hết, cùng cấm đạo thái nghiệt211.

**56 - Lúc bắt đạo.**

Các quan triều có ý liệu cách khôn ngoan và kín đáo, chẳng cho ai biết trước, một mật lục chỉ212 cho các quan, cùng hẹn ngày mồng sáu tháng năm mà bắt các bổn đạo trong xứ Đàng Ngoài, vì ngày mồng năm chính là ngày giỗ tế tổ tiên, nên trạch213 ngày ấy mà làm khi xuất kỳ bất ý. Song bổn đạo cũng đã biết trước, nên các thầy đạo cũng đã trốn đi, mà lại cũng dọn dẹp các đồ mà gửi đi nơi khác. Vậy đến ngày đã hẹn, thì quân lính đi khắp mọi nơi mà bắt đạo, song chẳng tìm được thầy nào.

Nó làm khốn cho bổn đạo thể nào, thì chẳng biết nói làm sao cho xiết. Nó đánh đòn cùng tra khảo người ta, cho biết các thầy hay là các đồ đạo kinh đạo khí214 ở đâu. Nó lại cứ lòng tham mà kiếm ăn, thì bổn đạo phải đút nhiều tiền bạc. Nó cũng bắt người ta khóa quá xuất giáo, mà kẻ vững lòng chịu khó vì đạo, thì chẳng bao nhiêu, còn kẻ ngã lòng khóa quá xuất giáo thì vô số.

Các thầy cả, dầu Tây, dầu Nam, cũng phải trốn kỷ215; kẻ thì trốn lên rừng, kẻ thì ẩn mình trong nhà người ta kín lắm, chẳng dám cho ai biết; có nơi đã đào lỗ dưới đất mà ở, bởi vì các quan nghe hơi có thầy đạo ở đâu, thì liền sai quân đi ngay tới đó.

Cố Báu chẳng còn biết ẩn mình ở đâu nữa, thì ra ẩn mình ngoài hòn Ngư giữa biển, mà ở ngoài ấy cả năm sáu tháng. Lại có một ông già Nam đã già cả, ở trong Bố Chính, mà chẳng đi được nữa, thì người ta võng216 lên rừng. Ta chẳng kể cho hết những sự khốn khó bổn đạo phải chịu, vì trong sách nầy có ý kể ra các việc phần đời mà thôi. Cho nên nói tắt thêm vài đều sau nầy:

Vậy quân dữ đã bắt được cậu Emmanoe Triệu, là người quán Phú Xuân. Khi trước, ông ấy theo quan lớn kia ra Đàng Ngoài; mà đến sau bỏ mọi sự thế gian, mà vào nhà Đức Chúa Trời cùng giúp cố Gioang, là người dòng ông thánh Inaxiô. Khi người đặng làm thầy cả đoạn, thì xin phép Đức thầy về thăm mẹ già trong Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh ra chỉ cấm đạo vừa rồi, quân lính vào làng Thợ Đúc có ý bắt Đức thầy Gioang, thì nó bắt đặng cậu Êmmanoe Triệu217, mà bởi người chẳng chịu khóa quá xuất giáo thì phải luận xử tử. Vả lại ngày hai mươi bốn tháng Bảy cùng một năm ấy, ông Gioang Cực phải bắt tại Kẻ Ngư ở xứ Thanh Hóa, mà đến sau phải chết ở trong chợ Trình Hạ.

Vua Nguyễn Anh nghe quân Tây Sơn ra chỉ cấm đạo, thì thương bổn đạo, vì đã biết sự ấy là tại mình; song cũng vỗ tay mừng rằng: "Đã bắt đạo, thì mất nước chẳng sai." Vua nói thế ấy thì thật lắm, như lời sẽ nói sau nầy. Khia áy còn đánh giặc một ít lâu trong các xứ gần Phú xuân, và quân thủy cũng đánh ngoài biển nữa.

# ĐOẠN THỨ HAI

**Từ khi Đức thầy tạ thế cho đến Nguyễn Anh cải niên hiệu Gia Long (1799 - 1802)**

**1 - Đức thầy Vê-rô sinh thì.**

Bấy giờ Đức thầy Vê-rô phải bệnh tật nặng lắm. Vua làm hết sức cho đặng cứu giúp, sai đủ các thầy lương y làm thuốc cho người, và năng đi thăm với ông Đông cung. Có đôi khi vua thăm mà thấy người đau đớn thì động lòng thương xót, chảy nước mắt ra. Song chẳng làm chi đặng; vì đã đến giờ Vua Cả218 đã định đòi người về nước thiên đàng.

Đức thầy Vê-rô khi thấy mình đã gần lìa khỏi thế219 cho đặng hiệp cùng Chúa đời đời, thì tỏ dấu vui mừng lắm. Vốn bấy lâu trước, thì người có lòng kính mến Đ C T, cũng sẵn lòng làm cho danh Cha Cả sáng mọi bề, lại vác Thánh Giá theo chân Đ C G. Nhưng mà khi người ốm đau gần chết, thì càng tỏ ra lòng sốt sắng hơn nữa. Người âu lo một đều mà thôi, là vua cùng các quan chưa có đạo mà ngờ rằng: “Các đều đã làm, và những việc khó nhọc đã chịu cho đặng giúp nước An Nam, về phần hồn thì hầu ra vô ích.” Người chịu các phép bí tích220 đoạn, thì sinh thì ngày mồng 9 tháng Octobrê năm 1799, là năm Cảnh Hưng lục thập niên cùng là năm Kỷ Vị221; người đã đặng 57 tuổi.

**2 - Táng xác Đức thầy.**

Khi Đức thầy qua đời, thì vua liền sai các quan đi lo việc hậu sự cho người, cùng ban hàng gấm cùng nhiều đồ rất quý già mà liệm xác người.

Đức thầy khi sinh thì tại xứ Quy Nhơn; song vua truyền đem xác xuống thuyền mà đưa về Đồng Nai cho trọng thể. Qua một ít ngày, vua cùng các quan và quân lính cũng theo về Đồng Nai nữa. Vua có ý tỏ ra lòng nhớ người, thì dạy các Cha Tây ở đó rằng: “Các thầy

hãy sắp dọn mà đưa đám Đức thầy, làm mọi đều y theo phép đạo; các thầy có sức làm cách trọng thể ngần nào, thì phải làm ngần ấy; còn các đều tổn phí thì trẫm chịu hết."

Vậy vua truyền làm nhiều nhà rạp lớn mà để xác cho đến khi táng, cùng sai quan quân đi làm, còn ông Đông cung thì áp các việc. Ta chẳng có ý kể ra từng đều các việc vua đã làm mà tỏ ra lòng kính Đức thầy làm chi. Nói tắt một đều rằng: dầu vua băng cũng chẳng tổn phí và làm trọng thể đến nỗi ấy. Xác còn ở trên đất bao lâu, thì các thầy cả hằng làm lễ mồ bất lâu. Các quan các bổn đạo cùng kẻ ngoại đạo đến chầu lễ đông lắm: có nhiều lần vua cũng đi chầu lễ nữa.

Đến ngày mồng 10 tháng Chạp (16 Décembre), thì mới táng xác người xong. Ông Đông cung áp việc, còn vua cùng các quan thì chầu hầu theo quan tài, và binh hai vạn, voi 120 con. Khi xong các việc, thì vua mới ngự về. Dầu bà quốc mẫu, bà hoàng hậu, bà công chúa và các vợ vua cũng theo nữa; cho nên thiên hạ lấy làm lạ lắm, vì là đều trái thói. Còn thiên hạ đi xem thì chẳng biết đâu mà kể cho xiết. Lại quan tài đã đóng trọng thể lắm cùng sơn son thếp vàng: trên quan tài thì thắp năm mươi cây đèn; tám mươi người mới khiêng nổi quan tài ấy. Còn những đều khác đã làm cho trọng thể thì ta chẳng kể ra làm chi.

**Có văn tế rằng:**

Hỡi ôi!

Phép Chúa khiến đổi đời,

Cơ hội ấy ai không thảm thiết!

Hễ người đời sống thác,

Cớ sự nầy ốt222 đã rõ ràng.

Tưởng223 đến lòng thêm chua xót,

Nghe thôi dạ rất thảm thương.

Nhớ Cha xưa:

Vốn dòng sang trọng,

Nên đấng khôn ngoan,

Bé nương ấm thung huyên224,

Hằng cấp củm225 văn phòng bốn bạn226,

Lớn trổ tài tùng bá227,

Khéo dửng dưng danh lợi hai trường.

Lòng dốc lòng khí tục tinh tu228,

Chẳng chuộng xe vời ngựa rước.

Chí quyết chí siêu phàm nhập thánh.

Ý thả níp đội bầu mang229.

Vun đức quén nhơn230,

Rèn bảy khắc tiết ngời gương rạng,

Nắm231 mình sửa tính

Chống ba thù ngút bạt giá tan232.

Thương là thương hay thủ ngãi quyết xá sinh233

Khi đang thế hiểm gập ghình234.

Cùng gượng gạo chân trèo đèo tay chống gậy

Cám là cám đã tận tâm thêm kiệt lực,

Ở giữa chiến trường chật hẹp,

Chịu lao đao ngày dãi nắng tối dầm sương.

Ôi!

Bình chìm trâm gãy

Núi lở sét ran

Mây sầu giăng tở mở

Mạch thẳm chảy mê man

Chớ chi gắng gỗ một hai năm tra đến trường an

Việc Hội thánh sửa sang rồi sẽ khuất,

Chẳng nữa lần hồi năm bảy tháng trở về Gia Định

Cho chúng con thấy mặt kẻo lòng thương.

Hỡi ôi thương thay!

**Văn tế khác rằng:**

Hỡi ôi!

Xưa có kẻ lui về Phật kiểng235,

Chiếc dép hãy đi tông,

Nay như thầy thẳng tách236 thiên đàng,

Nửa lời khôn phụ nhỉ,

Trăm mình ỷ khó chuộc cầu,

Muôn kiếp no nao đặng thấy.

Nhờ Đức Thượng Sư xưa:

Ghẽ tục phong lưu,

Nên trang cơ trí.

Vui đạo thánh tạm lìa quê quán,

Nước Langsa từ áng công danh,

Sửa tước trời mong hóa sinh dân,

Cõi Nam Việt gả duyên ngư thủy.

Thức thì thức thế,

Khôn ngoan quá khỏi đấng phàm gian,

Bất kỵ bất cầu,

Thong dong ở ngoài vòng tục lụy.

Thành diên khách ách hơn trần thới,

Tư bề thỉ thạch sư sinh

Vui trong đất trùng vây,

Thành Quy Nhơn hiểm quá hàm quan,

Mấy trận công thu trừ ốc.

Quyết ngoài trời thiên lý.

Những tưởng dược năng y, kỳ bệnh,

Nên trở về Gia Định vâng tiếng tơ mà xướng khúc khởi hoàn,

Bằng hay nghiệm bất kiến kỳ quan,

Đã ở lại Kỳ Sơn chịu di chỉ cho an lòng sư đệ.

Thuở đi thì gần kề hai võng,

Đàng phong sương xa tách vơi vơi,

Khi về thì phong cẩn một quan,

Thuyền ly hận chở đầy phé phé.

Ôi!

Nửa gối du tiên.

Ngàn năm biệt mị.

Tòa khách tỉnh mây phủ mịt mù,

Dinh lữ thứ màn không vắng vẻ.

Ngàn trùng quan tác.

Xa xuôi cách dặm cố hương,

Ba thước lữ phần.

Quạnh quẽ gửi miền dị địa.

Đến sau, vua truyền xây một cái lăng rất tốt, cùng đặt một đội quân canh lăng ấy. Quân đã cứ canh làm vậy cho đến Minh Mạng thập tam niên.

**Nơi mồ có Bia thích chữ rằng:**

Sư đại Tây Dương quốc nhơn, Pi Nho thị hiệu Bá Đa Lộc, thiểu phụng đạo giáo nhi trung quốc, thánh hiển thư tịch mị bất giảng quán. Đãi tráng niên, lại ngã quốc nội đa cớ. Sư vi quốc chi tân, thố sở học vu sở hành, tương dữ châu tuyền, vu điên phái lưu ly chi tế, ký hưu ưng trọng thác xuất viện Sư, lai vãng gian quan bất di dư lực, nhị thập dư niên chi gian, tán họa nhung thù, tham tài trấn vụ, chư kỳ hưng kiến hiển thiết giai túc, dĩ truyền chi hậu, ngã quốc xâm xâm hồ, hữu trung hưng chi thế, sư chi lực vi đa diên. Kỷ vị tùng chinh Quy Nhơn phủ thằng, cửu ngoạt thập nhựt, dĩ chánh chung vụ Thi Nại hải môn tân thứ, thọ ngũ thập hữu thất kỳ niên, đông mạnh sắc tăng Thái tử Thái phó Quận công, bốc táng vu Gia Định phủ thành chi bắc. Sư cố cở trúc tinh xá dã, thi vì chi tuế thứ canh thân trọng thu ngoạt cốc đán thọ.

**Dịch bia văn ra chữ quốc ngữ.**

Có người Thầy cả lớn quờn ở bên Tây, tên là Phi Nho, hiệu là Vê-rô, thuở bé thơ đã học hành đạo lý Trung Quốc, thông suốt các kinh văn thánh hiền toàn hảo. Đến tuổi khôn qua nước Việt Nam ta, nhằm khi trong nước ta đang phải đa đoan. Người là khách tha bang, mà đã làm thầy trong nước ta. Người đã tỏ bày tài văn học mình ra mà làm việc. Vậy đã chung cùng ưu tư với nhau trong cơn nhà nước loạn ly hỗn độn. Lại đã đành nấy phú việc đại sự cho người làm thầy nhà nước mà đi viện binh giúp nước. Thật người tận tâm tận lực mà đi qua lại hơn hai mươi năm, gian nan cực khổ.

Người đã bày vẽ việc binh cơ đồ trận, chỉ cách xây thành lập trấn. Nhứt thiết các việc chi khởi bày gầy dựng thì nhờ có người bày biếu mà truyền để cho tới đời sau. Bởi đó nước Ta dần dần đã đặng nhiều cách thế mà thạnh, vì có người làm thấy có tài sức lắm.

Năm Kỷ Vị237, người đã theo việc binh mà tới thành phủ Quy Nhơn. Sang tới ngày mười một tháng Chín thì người đã tạ thế tại đó, là nơi bên cửa Thị Nại. Khi ấy người đã đặng 57 tuổi.

Qua mạnh đông (tháng 11), thì đặng sắc phong làm Thái tử Thái phó Quận công. Đã chọn chôn xác người tại phía Bắc thành Gia Định. Vậy nơi xây đắp nầy là chốn nghỉ cho đấng thầy nhà nước đã mạng cố. Nầy thật là dấu tích muôn đời.

Năm Canh Thân (1800), trọng thu tháng Tám, ngày lành đã dựng bia.

Khi trước vua Pha-lang-sa ban nhiều đồ vàng bạc rất quý giá cho

Đức thầy Vê-rô. Khi người gần sinh thì, thì trối các đồ ấy lại cho vua và ông Đông cung cùng bà quốc mẫu. Sau nữa vua có ý tỏ ra lòng kính người cách riêng, thì làm Sắc tặng phong mà gửi cho anh em và con cháu người bên phương Tây. Vả lại khi Đức thầy Vê-rô qua đời rồi, mà vua có ý đặt hiệu bụt cho người, song các quan chẳng biết lấy tên gì mà đặt. Vậy đã đặt tên cho người là Bá Đa Lộc (Vê-rô) thượng sư.

**Sắc tặng**

Sắc viết: Triết nhơn ư tri kỷ, cố bất viễn thiên lý nhi lai, hảo hội chánh tương thân, hựu hà nhẫn nhứt triêu như thệ! Miễn tư cựu đức tải phần tân ân Phúlangsa quốc cố: Đặc sai đạt mạng điều chế chiến tàu thủy bộ viện binh, giám mục Bá Đa Lộc, thượng sư Tây thổ, vĩ nhơn Nam triều thượng khách, tổng giác nhựt hạnh phùng giai chi khí giao phu. Thảo muội sơ, cận tiếp đức âm tuần tư thật lại, ngẫu trị quốc, gia đa nạn, dư thì đinh Hạ Thiếu chi khi khu. Phiên giao thiêu hải lưỡng kỳ, công doãn địch Hán trừ chi A Bảo. Tuy vãng tố ngôn hài vu tông quốc, đặc dĩ binh lai viện, bán đồ nhi sự dữ tâm vi. Nhiên đồng cứu nghĩ tác vu cổ nhơn ninh vi ngãi tương qua cọng hội nhi mưu thừa hấn phát. Mậu thân phản cố bang chi phế, chánh vọng hảo âm. Canh Tuất phù Đông Phố chi châu, di đôn tín ước tốn ngôn thì phục, chánh dưỡng mông chi sự đạo vưu nghiêm. Tấn tiếp nhật thường long chửng hoán chi kỳ mưu lũ xuất. Đạo đức trung đàm tiếu ngãi ký khế vu hạp trâm. Phong trần ngoại kinh luân dinh tình doãn vu liên bí. Chung thỉ chi chân tâm bất nhị. Bình sinh chi kỳ ngộ, quân hoan. Đãn kỳ lịch quá niên hoa, vĩnh vi hảo dã. Thùy liệu trần mai ngọc thọ, tịnh ngôn tư chi, viên tăng vi Thái Phó Phi Nho Quận Công. Thị viết Trung Ý dĩ chương thạc đức chi u hinh, dĩ biểu gia tân chi vĩ tích. Ô hô! Khách tính dạ vẫn, thiên đàng chi khứ nan lưu, hoa cổn vinh bao, ngụy khuyết chi tình hạt khánh. Ế! Công linh sàng mộc ngã lũng quang.

Cố sắc

**Dịch sắc tặng ra chữ quốc ngữ rằng:**

Có sắc rằng: Người hiền ngõ tôi đã quen biết xưa, chẳng nại đàng xa ngàn dặm mà tới. Đang hội giao rất tốt, mà sao lại nỡ một buổi mà mất đi! Tưởng đến đức cũ nêu rõ ra ơn nước Pha-lang-sa phong chức: Riêng Sai Thông Lịnh Sửa Sang Theo Ý Mình Tàu Chiến Thủy Bộ Binh Giúp, Là Giám Mục Vê-rô, là thầy cả lớn quờn bên đất Tây, là khác nhứt hạng trong nước Việt Nam.

Ngày mới khởi cầm quờn đã may gặp bạn rất lành, tin tưởng nhau lúc ban đầu còn u ám. Ta đã kề tiếp đức âm người mà hỏi han, thì thật đã nhờ lắm trong cơn nhà nước mắc nhiều hoạn nạn. Ta khi ấy cực khổ trèo non vượt núi cũng như đời nhà Hạ vua Thiếu Khương. Vậy đã khiến trở trời biển chia hai đàng. Ông Ta tin nghe theo khác nào chức A Bảo của Thái tử đời nhà Hán. Tuy lời qua tỏ đã yên với nước tổ phụ, lấy binh đến giúp. Nửa chừng việc với lòng trái nhau, song người đồng cừu thì tính làm theo người xưa, thả vì ngãi mà tới nhau, đều tựu hội lo mưu theo dịp dấy loạn ấy. Năm Mậu Thân trở về nước cũ mình, thì rất trông tiếng tốt. Năm Canh Tuất thì cỡi thuyền lại chốn Đông Phố. Khi ấy càng hậu lời giao ước hơn thật rất phải đạo thầy dạy nuôi trẻ thơ ấu. Thường ngày tiếp rước, nên hằng bày ra mưu lạ mà yên trong cơn loạn rồi. Việc đạo đức trong lời nói tiếng cười, và ngãi nhơn đã hiệp nhau như trâm với tóc vậy. Việc kinh luân ngoài phong trần tình rất tin nhau khi liền dây cương. Trước sau một lòng ngay thật không hai. Sinh ra mà gặp đều lạ thì đồng vui. Những trông hẹn trải qua năm tuổi tác lâu dài mà vui vầy cùng nhau. Ai dè bụi tro lại lấp chôn cây ngọc! Ta thẩm tưởng tới đó mà tăng phong làm chức Thái Phó tước Phi Nho Quận Công. Lại thêm tặng hàm ân rằng: Ngay Thật, Tốt Lành, cho đặng tỏ mùi thơm đức lớn kẻ đã khuất đời, và ngõ nêu công nghiệp cả kẻ khách lành. Hỡi ôi! Cái sao khách đêm sa! Đi chốn thiên đàng khôn cầm lại. Một chữ tặng khen thì rất lịch sự như là mặc áo cẩm bào cho vậy, bởi tình ta chẳng nguôi. Hỡi! Ông thiêng liêng đã gội nhuần ta ơn sáng.

Nay sắc phong

VĂN

Sắc phong rằng:

Hỡi người hiền ngõ, kinh niên quyền thức,

Ngàn dặm cách bức, đã đến chẳng nài.

Hiệp nhau hòa hai, rất nên hảo hội,

Sao nỡ quá vội mà khuất mất đi?

Tưởng nhớ cố tri, ơn xưa ngãi cũ.

Vốn người quốc Phúlangsa238 sang đây,

Rạng ơn mới nầy, chức phong bia tặng:

Đặc sai đạt mạng điều chế viện binh,
Thủy bộ một mình toàn quờn nấy cho
Giám mục Vê-rô cõi tây Sư thượng,
Nam trào khách trượng, đấng bậc nhứt trên,
Thuở ta mới lên cầm quờn may gặp,
Chí khí tinh khắp, chỉ tín giao tay,
Buổi đầu loạn thay, tư bề rối rắm,
Người âm đức lắm, tiếp kế hỏi han,
Nhờ người cơn loàn, nhà nước gian nan,
Ta như Thiếu Khang, vua đời nhà Hạ,
Phải nhiều tai họa, vượt núi trèo non,
Thì vận thon von, khiến nên day trở,
Liêu bằng cách sở, trời biểu hai đàng.
Người tính bày toan, Ta thì nghe giữ,
Khác nào Thái Tữ, nhà Hán chi niên,
A Bảo chỉ truyền, dấu noi chẳng ngại.
Tuy người vãng lai, về nước tông gia,
Mà viện binh qua, tỏ lời đã chắc,
Nhưng việc lại trặc, nửa chừng sái đi.
Nhơn bởi cố tri, cũng đồng cừu loạn,
Người phải tính toán, thì vì nhơn ngãi,
Tái hườn mới phải, cho trọn cùng nhau,
Mà hội mưu sâu, giúp toan thừa thắng.
Mậu Thân người thẳng về nước cố hương,

Ta rất tư lương, trông tiếng tinh hảo,

Canh Tuất phản đạo, về chốn Đông Phố,

Lời lại bày tỏ, càng tín hậu hơn,

Các lời rất chân, ước giao rành rẽ.

Thật người là kẻ rất đáng đạo thầy,

Dạy trẻ thờ ngây, ấu niên nghiêm lẽ.

Thường ngày tiếp lễ, đưa đón ra vào,

Người lấy sức hào, hằng bày mưu lạ,

Trong buổi oạn họa, mà dẹp yên loàn.

Đạo đức rất ngoan, trong lời cười nói,

Tình ưa đến đỗi, hạp239 như trâm tóc,

Kinh luân việc học, trần thế đâu tày,

Thật rất tin thay, khi liền dây cương.

Ngay thật tỏ tường, trước sau như một.

Bình sinh quá tốt, khéo cho gặp lạ,

Đều vui thay cả, những ước giãn khoan,

Tuổi tác trải sang, vui vầy nhiều thuở.

Ai dè bụi khỏa, chôn cội ngọc lành.

Lặng nghĩ ân tình, tặng làm Thái phó,

Quận công Phi Nho, hàm tăng Trung Ý.

Trước tỏ thơm quý đức kẻ qua đời,

Sau nêu công người khách lành dấu để.

Hỡi ôi!

Đêm thanh ngôi sao khách đã sa,

Tách đi thiên quấc, thật Ta khôn cầm.

Ngụy khuyết tình thâm, nọ nào cạn đặng,

Bèn ban khen tặng, chư cẩm y mặc,

Hỡi ông thiêng liêng ôi!

Đã nhuần gội tôi muôn vàn ơn sáng.

Nay sắc.

**3 - Tây Sơn vây Quy Nhơn.**

Khi vua đang lo táng xác Đức thầy, thì quân Tây Sơn sắp lấy thành Quy Nhơn, vì nghĩ rằng: thành ấy rất vững bền, cho nên nếu lấy lại được thành ấy, thì lại được mạnh như khi trước, mà vua chẳng còn làm gì được nữa. Quân Tây Sơn nghĩ là việc khôn và có ích; chẳng hay ý mầu nhiệm Đức Chúa Trời lại định cho quân ấy mất hết mọi sự.

Vua Cảnh Thịnh và ông Hoàng Thùng có bao nhiêu tàu và binh sĩ, thì họp lại cả mà vào đánh Quy Nhơn. Kể binh sĩ đặng 30 vạn; ông Thiểu Phúc Điều thì làm đại tướng cai quân bộ; ông đại tướng Giảng thì cai binh thủy. Hai ông ấy vây thành Quy Nhơn, cùng đánh nhựt dạ240 cho mau xong việc. Quân giặc gan đãm và đánh mạnh bạo thể nào, thì quân vua trong thành cũng đánh trả mạnh bạo thể ấy, chẳng ai chịu thua, vì hai bên đã quyết một là chết, hai là đặng trận.

Khi ấy vua ở trong Sài Gòn nghe đều ấy, thì vội vàng đem tàu và binh ra cho được đánh quân giặc, và cứu giúp ông Hậu và thành Quy Nhơn. Nhưng bởi binh giặc thì nhiều, mà quân vua thì ít, nên vua đánh đã gần một năm mà chẳng gì làm đặng. Cũng có khi vua về đất Cù Mông ở gần chợ Tĩnh, vì quân Tây Sơn đã giữ lấy cửa ấy. Vì quân ấy nhiều tàu; lại khi trước vua đã lập nhiều lũy hai bên cửa, mà quân Tây Sơn đã lấy đặng các lũy ấy, chẳng phải là vì ông Hậu đã thua, song bởi ông ấy ít quân chẳng có sức giữ các lũy ấy, nên phải bỏ đi mà đem quân vào thành.

**4 - Vua lo mưu đánh lấy lũy.**

Vậy vua và quân lính đóng trong Cù Mông chín tháng tròn, thì đã phải chịu cực khổ lắm. Vì nếu vua muốn lo cho đặng gỡ mình ra hay là cứu thành Quy Nhơn, thì cũng phải hãm lấy những lũy quân Tây Sơn trước đã; lại có một lũy rất kiên cố ở nơi kia gọi là

Đồng Thi, lũy ấy đã ngăn hết các đàng. Cho nên dầu muốn đem lương thực hay là giống gì khác ở Phú Yên, Nha Trang, Bình Thuận ra cho tới vua cũng chẳng đặng. Nhơn vì sự ấy, vua có ý lấy lũy ấy trước, mà bởi vì quân Tây Sơn lấy lũy ấy làm cần lắm, nên canh giờ kỷ hơn các lũy khác.

Vua dụng lực mà lấy chẳng đặng thì dụng mưu. Vậy có nhiều quân Mọi hằng ngày quen ra vào bán đồ ăn cho quân lính, thì vua hỏi nó có đàng nào trên rừng cho quan quân đi cách kín nhiệm mà vào lũy ấy phía sau bất thình lình chăng. Quân ấy trông vua thưởng, lại có ý oán quân Tây Sơn, thì dẫn đàng cho quân vua đi qua trên rừng. Nó cũng xin giúp đánh lũy ấy nữa, cho nên vua mừng lắm, cùng thưởng quân Mọi ấy hậu lắm. Đoạn vua sai quan đốc bộ Hiền với ba trăm quân đi theo quân Mọi.

Vậy quan quân theo những đàng hiểm trở trên rừng hai ba ngày, mới đến nơi thình lình, tức thì đánh phía sau dữ lắm, vua lại đánh phía trước thì quân giặc phải thua cùng bỏ lũy mà trốn đi hết. Lại quân vua chết ít, còn quân giặc tử trận thì nhiều, và bởi nó cũng muốn lội sông mà trốn qua bên kia, nên có nhiều người đã phải chết trôi nữa.

**5 - Vua đánh trận thủy đốt tàu Tây Sơn, mà chưa cứu thành Quy Nhơn khỏi vây đặng.**

Từ ấy về sau các việc vua một ngày một thạnh, mà quân giặc một ngày một suy. Song cũng chưa có thế đặng cứu thành Quy Nhơn, và quân giặc vây thành nhặt241 lắm, nên dầu làm thể nào, cũng chẳng đưa đặng giống gì vào mà giúp những quân ở trong thành.

Ông Hậu cùng các quân ông ấy túng thế lắm, mà vua lại đóng binh trong Cù Mông, là nơi cát cùng bùn độc khí độc nước. Quân lại phải làm việc quan cả ngày cả đêm lao nhọc quá, nên đã sinh nhiều bệnh mà chẳng có thuốc uống và cũng đã gần hết lương: cho nên túng thế, chẳng biết tính làm sao. Bấy giờ ông Hậu mật truyền nhóm chư quân lại mà bàn cho biết phải mở nước gì, thì ai ai cũng quyết một là phải chết, hai là đánh cho đặng trận và đốt hết các tàu quân Tây Sơn đã đóng trong cửa Chợ Giã.

Khi đã sắm sửa cách trộm nhiệm đoạn, cùng hẹn ngày mồng bảy tháng Bảy là chính ngày người ta mắc việc tế tổ tiên, thì vua cùng binh sĩ xuống thuyền nhỏ ban đêm, vua thì ở trong một chiếc thuyền với bốn người Pha-lang-sa làm quan nội thị hầu vua; và mỗi thuyền thì hai người chèo mà thôi, còn những người khác thì nằm yên trong thuyền. Vậy bởi thuận gió lắm, thì mau tới nơi

cùng vào cửa lần lần một khi một chiếc, để cho không ai biết.

Trong những binh sĩ quân Tây Sơn giữ tàu thì phần nhiều đã lên đất mà chơi và ăn uống, còn kẻ ở lại trong tàu thì chẳng ngờ đều gì. Kẻ thì nghỉ, kẻ thì canh, gọi la. Nó thấy những thuyền nhỏ ấy vào, thì cứ phép mà gọi qua rằng: "Thuyền ai đó?" "Đi đâu?" Quân lính thuộc hiệu thì chẳng sợ, lại đến gần tàu như có ý trình vậy. Quan tàu mắc lừa làm vậy, thì cho phép vào. Bỗng chúc quân vua lấy đuốc sẵn mà đốt tàu nọ sang tàu kia. Và nhờ thuận gió thì chẳng khỏi bao lâu các tàu cháy hết.

Vua thấy tàu cháy thì lại đem quân tiếp mà đánh cùng giết hầu hết những quân giặc ở trong tàu. Những quân trên đất, khi nghe xôn xao om sòm và thấy tàu cháy, thì chạy ra coi; song chẳng làm gì đặng, phần thì đêm hôm mộ dạ242, phần thì thuyền bè không có mà đi tiếp cứu, nên bó tay mà chịu mà thôi. Khi đã sáng ngày, thì hai bên lại đánh nhau dữ lắm; song quân giặc phải thua, và bao nhiêu lũy giữ Cửa Giã243 vua đã lấy đặng hết. Quân vua đã tử trận chẳng bao nhiêu. Trong các quan có một ông Trùm Thủy làm quan lớn cai các tàu đã phải chết mà thôi. Vậy vua và bao nhiêu tàu vua đã vào đặng cửa Chợ Giã hết, lại cũng có nhiều tàu khác vận tãi lương hướng ở Sài Gòn ra, cũng đã vào đặng cửa Chợ Giã bằng an vô sự nữa.

Quân giặc đã thua trận thủy cùng đã mất hết tàu, thì càng làm hết sức mà đánh thành Quy Nhơn, mà vua cũng chẳng cứu giúp gì đặng. Ông Hậu và những quân trong thành thì một ngày một khốn cực, vì chẳng còn hột lương nào. Quân lính đói không biết lấy gì mà ăn, ăn lần lần hết chó, hết gà vịt, heo lợn, thì ăn đến ngựa, đến voi; hết rồi thì phải ăn đến lá cây, lá cỏ, cho đỡ đói mà thôi.

**6 - Vua đem binh ra ngoài Huế**

Vua chẳng làm gì đặng, vì quân vua có mười vạn, mà quân giặc đến một trăm vạn. Cho nên vua để quân giặc vây thành Quy Nhơn, mà đem binh ra ngoài Huế. Phần thì có ý ra đánh giặc Đàng Ngoài, cho quân Tây Sơn bỏ Quy Nhơn mà về cứu quê mình; phần thì biết vua Cảnh Thịnh ra chỉ cấm đạo, và bắt bớ bổn đạo, vì là đã bắt được những thư mình đã gửi cho Đức thầy Gioang khuyên bảo bổn đạo đánh quân Tây Sơn. Cho nên vua có ý cứu bổn đạo, mà đem tàu vào Cửa Hàn là năm 1800, Lê Cảnh Hưng lục thập nhứt niên, cùng là năm Canh Thân.

Khi ấy chẳng những là bổn đạo, mà lại kẻ ngoại đạo cũng vui

mừng mà rước vua. Ai ai cũng cố chiến mà ghét quân Tây Sơn; cho nên vua chẳng phải đánh trận nào, vì dầu dân, dầu lính, ai ai cũng vui lòng chịu hàng hết. Có một quan lớn kia là phò mã vua Quang Trung, cai Cửa Thuận đã đánh với vua dữ lắm, song đã phải thua cùng phải bắt sống; bao nhiêu tàu và quân lính ông ấy đều phải bắt hết.

**7 - Vua lấy thành Huế. - Cảnh Thịnh trốn đi**

Bấy giờ vua đem binh vây thành Huế là chính kinh đô Cảnh Thịnh ở. Cảnh Thịnh làm hết sức mà cứu lấy mình; song qua một ít ngày thì ngã lòng, vì quân mình, thì phần nhiều đang vây thành Quy Nhơn, nên không đủ quân mà giữ thành Huế.

Bởi vậy Cảnh Thịnh lén thoát ra khỏi, bỏ thành mà trốn đi. Thì vua Nguyễn Anh nhập thành, nhận lấy thành là của cha ông mình đã gầy dựng ra, cùng nhận các kho tàng, vàng bạc và mọi của Cảnh Thịnh để lại trong ấy.

Ông Cảnh Thịnh phải trốn đi vội vàng, thì chẳng đem đặng vật gì sốt; lại phải túng lắm, và sợ người ta biết mà bắt nộp cho vua, thì cũng chẳng dám đem quân lính theo. Có hai anh em, và quan lớn kia theo người mà thôi. Bấy nhiêu người ấy đi đàng thượng đạo và chạy cả đêm cả ngày. Đến xứ Thanh Hóa mới tỏ mình ra cho thiên hạ biết, vì có em cai trị xứ ấy. Qua ít ngày lại ra Kẻ Chợ mà bàn các việc với em, là ông Hoàng Thùng; và xin ông ấy cứu giúp mình. Ông Cảnh Thịnh và các quan Tây Sơn phải khốn khó và thấy việc mình đã suy đến nỗi ấy, thì cải niên hiệu Cảnh Thịnh mà lấy hiệu Bảo Hưng (Bữu Hưng) cho đặng cát triệu244.

**8 - Tây Sơn lấy thành Quy Nhơn.**

Vua Nguyễn Anh lấy đặng thành Huế đoạn, thì ra cho đến Bố Chính; mà người đến đâu thì thiên khắp mọi nơi đều vui lòng mừng rước. Khi ấy ông Hậu và quân ở trong thành Quy Nhơn đã hết đàng canh thủ, vì chẳng còn thuốc súng, chẳng còn đạn, lại cũng chẳng còn của ăn, thì phải chịu hàng quân giặc. Ông Hậu bởi chẳng muốn chịu lụy quân giặc, nên đã đặt thuốc súng và nhiều giống dẫn hỏa khác xung quanh mình, đoạn bỏ lửa vào thuốc ấy mà chết. Thiên hạ khen chết làm vậy, là anh hùng; song thật là chết cách khốn nạn. Vậy quân giặc lấy đặng thành Quy Nhơn, và bao nhiêu quân trong ấy chịu hàng thì bắt đi lính giúp mình.

**9 - Vua sai binh vây thành Quy Nhơn.**

Bấy giờ vua Nguyễn Anh sợ quân giặc chia ra mà đánh mình mà

lấy lại thành Huế, lại nghe ông Bảo Hưng cùng ông Hoàng Thùng sắm sửa đam binh vào đánh mình nữa, thì sai một quan lớn đem binh ra Huế, Phú Yên, và Quảng Ngãi mà vây thành Quy Nhơn một lần nữa. Khi đầu hai bên đã đánh nhiều trận xung quanh thành Quy Nhơn, có khi quân vua đặng, có khi thua.

Song chẳng khỏi bao lâu, bao nhiêu quân vua Nguyễn Anh đã chịu hàng quân Tây Sơn ngày trước, khi nghe đặng thật tin vua đã lấy đặng thành Huế rồi, thì hễ bao giờ nó thấy quan quân vua mình thì nó chẳng còn đánh nữa, một chạy đến phục tội với quan nhà vua mà thôi. Cho nên quân giặc bớt số đi và phải ở lại trong thành chẳng dám ra nữa. Quân vua hãm thành đã lâu lắm. Khi ấy ông Thiểu phó Đoàn cai quân trong thành.

**10 - Đông cung qua đời.**

Vua Nguyễn Anh đặng vui mầng đàng nọ thì lại phải buồn rầu đàng khác. Năm 1800, là Lê Cảnh Hưng lục thập nhứt niên, cùng là năm Canh Thân, ông Đông Cung phải bệnh mà chết. Vốn ông ấy khi ở với Đức thầy Vê-rô đặng bao lâu, thì giữ nết na, hiền lành, đức hạnh và mộ sự đạo bấy lâu; song khi Đức thầy Vê-rô qua đời đoạn, thì tính nết Đông Cung ra khác lắm.

Vì ông ấy buông mình theo tính xác thịt, đắm mê tửu sắc, chẳng còn tưởng gì đến sự đạo nữa. Song khi thấy mình đau nặng gần chết, thì mới nhớ đến Đức Chúa Trời, cùng ra sức giục lòng ăn năn tội, và xin quan nhỏ kia có đạo làm phép rửa tội cho mình cách kín đáo, không ai biết. Con thứ hai vua cũng phải bệnh mà chết trong một dịp ấy.

**11 - Thầy cả Phaolồ qua đời.**

Ông Phaolồ, là thầy cả bổn quốc, cũng chết trong năm ấy. Nguyên ông ấy có công cả thể, và có tiếng khôn ngoan sốt sắng đạo đức lắm. Người làm chân tay Đức Thầy Vê-rô mọi bề, như đã nói trước nầy. Vua thương yêu ông ấy lắm. Khi nào Đức thầy Vê-rô có việc gì riêng tâu vua, hoặc người chẳng đi đặng, thì sai ông Phaolồ tâu thay vì mình. Khi ông ấy qua đời, thì dầu vua dầu các bổn đạo ai ai đều đem lòng thương tiếc lắm.

**12 - Bảo Hưng và ông Hoàng Thùng ra trận.**

Vua Bảo Hưng và ông Hoàng Thùng tu245 nhiều binh mới cùng sắm nhiều tàu cho đặng vào đánh vua Nguyễn Anh và lấy thành Huế lại. Song bởi thành Quy Nhơn bị quân vua hãm, và ông Thiểu phó Đoàn túng thế quá, thì ông Bảo Hưng phải đem quân vào tiếp

cứu thành ấy, còn em ông Thiểu phó Đoàn thì cai quân. Vì bà ấy gan đãm cùng có tài đánh giặc như đờn ông, cùng đã quen làm tướng cai binh đã lâu. Ông Hoàng Thùng lại có ý đem nhiều tàu và nhiều binh bộ khác mà lấy lại thành Huế, nên ông ấy đã gửi một thư trước cho ông kia Đàng Trong, cho biết mình có ý liệu các việc thể nào. Chẳng hay quân tuần vua bắt được thư ấy. Khi vua biết các việc, thì sai nhiều quân ra giữ lấy lũy Sài ở gần sông Giang246 (Linh giang) tại Bố Chính; còn vua thì chực mà đánh những tàu ông Hoàng Thùng khi xuất kỳ bất ý.

**13 - Vua đánh đạo binh Hoàng Thùng phải chịu thua.**

Vậy các việc ứng nghiệm như vua Nguyễn Anh đã trông. Vì khi tàu giặc toan vào sông Giang, thì quân vua Nguyễn Anh đốt cháy, hay là bắt được cả; còn quân bộ đến sông Giang, cũng liệu qua bên kia sông, vì chưa biết quân thủy đã thua. Khi đến lũy Sài, thì quân vua Nguyễn Anh ra mà đánh rát lắm, cho nên quân giặc sợ hãi trốn đi cả. Kẻ thì tử trận, kẻ thì lội qua sông Giang mà chết; có kẻ thì phải người ta ném đá mà chết; kẻ thì chạy đàng nọ, người chạy đàng kia tan tác hết. Ông Phần Dực làm tướng cai quân, biết vua trong lũy Sài đặng trận cả thể làm vậy, thì là quý lắm, vì đánh với quân Tây Sơn trận này, thì kể là trận sau hết.

**14 - Vua lấy thành Quy Nhơn.**

Bấy giờ vua Nguyễn Anh muốn ra Đàng Ngoài cũng được; song bởi ông Thiếu phó Đoàn còn giữ lấy thành Quy Nhơn, mà vua Bảo Hưng và em ông Thiếu phó Đoàn còn đánh mạnh thế lắm, mà vua cũng có ý liệu các việc Đàng Trong cho xong trước, cho nên vua đem quân vào Quy Nhơn đánh hai ba trận. Ông Bảo Hưng cùng em ông Thiếu phó Đoàn toan trốn ra Đàng Ngoài, nhưng mà phải dân bắt mà nộp cho vua Nguyễn Anh. Ông Thiếu phó Đoàn ở trong Quy Nhơn nghe các đều ấy thì biết bề nào mình cũng sẽ phải thua; song bởi chẳng muốn chịu hàng vua Nguyễn Anh, nên đem một ít đầy tớ lén lên đàng thượng mà trốn ra Đàng Ngoài, vì bao nhiêu hạ bộ đã có quân vua phòng triệt cả.

**15 - Vua ra Đàng Ngoài, vào Kẻ Chợ**

Bấy giờ vua Nguyễn Anh mới đi ra Đàng Ngoài; phần thì có ý đuổi theo quân giặc, phần thì có ý lấy cả nước An Nam, mà chẳng còn phải đánh trận nào nữa. Quân giặc đã yếu thế rồi, và vua đến đâu thì thiên hạ rước cách vui mầng, cùng bắt các quan quân Tây Sơn mà nộp cho vua. Khi vua còn ở Huế, mà đã biết Đức thầy Gioang nối quyền Đức thầy Vê-rô, thì đến thăm người cách trọng thể, cho

ra dấu mình nhớ công nghiệp Đức thầy Vê-rô và biết ơn kẻ có đạo. Lại khi vua qua xứ Nghệ An thì hỏi thăm các thầy đạo ở trong xứ ấy; cho nên Đức thầy Hậu với cố Báu có đến chầu, và vua thết đãi lịch sự, cùng ra dấu thương kẻ có đạo.

Vua đi đàng bằng an vô sự, chẳng hề gặp quân giặc bao giờ, nên vua đi thẳng ra xứ Nam. Bấy giờ ông Hoàng Thùng là con vua Quang Trung sợ quá, thì thắt cổ mà chết. Các em ông ấy và các quan Tây Sơn thì dân bắt đặng mà nộp cho vua gần hết. Còn ông Phó Đoàn thì đến Kẻ Chợ một mình, vì những quân theo ông ấy phần thì chết đói dọc đàng, phần thì trốn đi hết, chẳng còn sót một tên nào. Đoạn ông ấy cũng đã phải tay dân bắt, và nộp cho vua.

**16 - Vua cải niên hiệu là Gia Long và xưng mình là hoàng đế cả nước An Nam.**

Vậy vua Nguyễn Anh nhập thành Kẻ Chợ là ngày 20 tháng Juillet247, năm Chúa Giáng sinh 1802, là năm Lê Cảnh Hưng lục thập tam niên cùng là Nhâm Tuất. Vậy quân Tây Sơn đã thua, mà vua Nguyễn Anh đã lấy đặng cả nước An Nam, thì thiên hạ vui mừng lắm. Bổn đạo cũng mừng vì nghĩ rằng: hoặc là sẽ thương kẻ có đạo mà ban phép rộng cho đặng giữ đạo; còn dân sự thì trông cho ông Nguyễn Anh đặt nhà Lê lên mà trị nước lại như khi trước. Nhưng mà ông Nguyễn Anh chỉ nói phỉnh248 người ta rằng: mình đánh giặc thì chẳng có ý lo phần riêng mình mà thôi, song cũng có ý cứu giúp nhà Lê nữa. - Ông ấy cũng cải niên hiệu Gia Long cùng xưng mình là Hoàng đế cai cả nước An Nam, cùng đổi tên là Việt Nam quốc.

Vua có ý khử trừ cho tuyệt giặc Tây Sơn, thì đã luận bua Bảo Hưng phải ngũ mã phân thây, còn các em và tông tộc ông ấy đều phải chết chém, quan Thiểu phó Đoàn phải voi đánh; còn các quan lớn nhỏ khác cũng đều phải luận phạt nặng nhẹ tùy nghi.

**17 - Vua chẳng binh đạo là bao nhiêu.**

Thiên hạ chẳng đặng y như đều đã trông; mà lại thấy việc quan nặng nề hơn trước, thì phàn nàn lắm. Còn về sự đạo, khi vua vừa ra Kẻ Chợ, thì Đức thầy với cố chính Nhơn đến chầu; vua thết đãi cách lịch sự cùng hứa rằng: sau sẽ giáng chỉ mà tha các đều rối cho bổn đạo, cho nên ai ai đều mừng rỡ cả. Chẳng khỏi bao lâu những người làng ngoại kia ở xứ Nam Định bắt bổn đạo góp tiền mà tế thần. Bổn đạo chẳng chịu, thì kẻ ngoại giận mà đánh một người có đạo. Khi vua nghe đều ấy, thì ra chỉ phạt làng ấy, và cấm nhặt từ

ấy về sau chẳng ai được bắt bổn đạo góp tiền mà tế thần. Trong chỉ có khen sự đạo nhiều đều; nhưng mà chỉ ấy chẳng được ích là bao nhiêu vì nói chẳng rõ: cho nên trong các quan kẻ thì cắt nghĩa đàng nọ, kẻ thì cắt nghĩa đàng kia. Vả lại trong chỉ ấy chẳng nói đến việc giỗ chạp. Nhơn vì sự ấy, khi vua trở về Phú Xuân đoạn, thì Đức thầy Gia cai địa phận bên Tây, và Đức thầy Y cai địa phận bên Đông theo vua về Đàng Trong, mà tâu xin vua giáng chỉ mà tha cho rõ ràng các sự tội cho bổn đạo. Khi ấy cũng có ông Ri-ô-sê-mi-ra-tê, là người địa phận Đàng Trong, trước đã có công cả thể với vua. Vậy vua thết đãi các ông ấy cách lịch sự lắm; song các ông ấy nói làm sao mà xin vua giáng chỉ khác về sự đạo cũng chẳng đặng. Vua cũng ra dấu chẳng bằng lòng mà rằng: Các quan triều chẳng thuận.

Vả lại năm sau, khi vua ra Kẻ Chợ thụ phong thì giáng chỉ mới, chẳng cấm đạo tỏ tường, nhưng nói phạm đến sự đạo, cùng chê kẻ có đạo nhiều đều nặng lắm, vì gọi đạo thánh Đ C T là dị đoan, là tả đạo; và trách bổn đạo là chấp mê chi đồ249 và hễ làng nào chưa có nhà thờ thì cấm nhặt chẳng cho làm; còn nơi đã có nhà thờ mà đã hư đi, thì phải bẩm quan; quan có phê mới cho đặng làm.

CHUNG.

# PHỤ LỤC

## VÀI NÉT KHÁI LƯỢC VỀ TÁC PHẨM SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT

SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT
Khuyết danh

Nhận xét:

Dưới nhan đề SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT, có ghi thêm "Quốc triều" phía trên, nơi thường ghi tên tác giả, chỉ có hàng chữ "ANNALES ANNAMITES". Dưới hai chữ "Quốc Triều" có ghi hành chữ "Nhứt là doãn tích từ Hiếu Vũ Vương cho đến khi vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đặng trị lấy cả và nước An Nam". Phía dưới, có ghi "In lần thứ năm" và tên nhà xuất bản "Saigon, Imprime de la Mission à Tân Định, 1909".

Từ liệu chúng tôi có sách xuất bản lần thứ năm (1909) nhưng thời gian tác giả soạn cuốn sử này phải trước đó rất lâu.

Lý do:

- Dùng rất nhiều từ cổ (nhiều từ hiện nay phải dùng toàn câu mà đoán ra nghĩa). Cấu trúc ngữ pháp cũng cổ kính, trục trặc.

- Dùng các tên, danh xưng chỉ phổ biến trong thế kỷ XIX, đôi khi còn cũ hơn thế nữa. Người đọc hiện nay, nếu không nhớ kỹ sử Việt Nam, thật khó mà đoán được "ông Hậu" là Chưởng Hậu quân Võ Tánh, "ông Hữu Ngoại" là Đỗ Thành Nhơn, "Hoàng Triếp" là Nguyễn Quang Toản…

- Cách thế ghi chép có vẻ như chứng nhân, nhất là về những sự việc xảy ra trong nửa thế kỷ sau thế kỷ XIX.

- Chúng tôi tìm thấy trong thư mục của BSEI, ler semester 1889 ghi lần xuất bản đầu tiên của cuốn này với nhan đề khác "Đại

Nam Việt Quốc Triều Sử Ký."

1. Đông Cung nhựt trình Choronique annamite suivie de poèmes sur le voyage du prince héritier en occident, les souffrances des chrétiens pendant les guerres civiles.
2. Tụ thánh thục đàng
3. Hàm oan chí từ
4. Át sát yết thị

Ivolume 256 pages. Tân Định, Imp. de La Mission 1879.

In lần thứ hai: 1885, lần thứ ba: 1898, lần thứ tư: 1905.

Quan điểm của người viết:

Đó là quan điểm của người theo đạo Thiên Chúa thời bấy giờ coi Thiên Chúa là trên hết, mọi người không phân biệt quốc gia, dân tộc đều là anh em vì con một cha tên Trời và sự cứu rỗi linh hồn là điều quan trọng nhất. Như vậy, Tổ quốc dân tộc không bị phủ nhận nhưng bị vượt qua (hiểu theo nghĩa Hegel: vượt mà vẫn giữ lại cái vượt qua) và mọi chính quyền giúp người Thiên Chúa giáo sống đạo và truyền đạo, nghĩa là rao giảng việc cứu rỗi các linh hồn, đều được họ chấp nhận tuân phục bất kể dưới thể chế chính trị nào...

Phải hiểu được quan điểm trên mới thấy người viết sử giữ thái độ tương đối khách quan, không thiên lệch về bất cứ phe phái nào thời nội chiến (Lê, Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn, Nguyễn Ánh) nhất là lúc ban đầu, chỉ về sau mới thấy thiên về Nguyễn Ánh vì hy vọng đạo sẽ được tự do truyền bá trong vương quốc mới. Chính vì thế mà tác giả đã để lại cho chúng ta nhiều tư liệu khá khách quan rất đáng chú ý mà các sử gia sau này hoặc đã bỏ qua, hoặc không biết tới. Chẳng hạn nói đến Tây Sơn thời kỳ đầu khởi nghĩa, tác giả khen Tây Sơn cho tự do tôn giáo về đạo, nên về đời, có chỗ khen chỗ chê, do đó, chỗ chê không thể nói là vì ác cảm, thiên kiến với Tây Sơn. Khen dưới thời Quang Trung, nhân dân có kỷ luật, sau khi Quang Trung mất, quân lính có nơi vô kỷ luật, kiêu binh. Tả trận Xoài Mút theo con mắt của một người quan sát ngoài cuộc.

Đối tượng chính của người viết sử là nhân dân bình thường nhất là nông dân. Bởi thế tác giả chú trọng nhiều tới tác động của các sự việc lịch sử vào nhân dân, mang lại một đóng góp quý giá cho chúng ta ngày nay. Nhân dân vui buồn, đói no thế nào trong các thời kỳ ấy? Đây là quan điểm nhân dân, không phải quan điểm chỉnh sử dựa vào dòng họ, triều vua như nhan đề một chương:

Những sự khốn khó dân phải chịu… Xa hơn nữa, đó là quan điểm của những người bị trị. Lần đầu tiên trong kho tàng chữ viết (bên cạnh truyền thống dân gian truyền miệng) chúng tôi bắt gặp một cuốn sử viết theo quan điểm của những người dân bị trị nhìn những sự việc của các kẻ thống trị, bất kể là ai theo quan điểm của người bị trị.

Trong đoạn nói về "những sự khốn khổ dân phải chịu" thời Tây Sơn - Nguyễn Ánh tranh chấp, người viết đã ghi:

"… sau nữa, dầu quân Tây Sơn, dầu ông Hoàng Tôn đều phải dùng oai phép mà ép lòng dân tùy phục mình; cứ lời nói mà thôi, thì chẳng hề đặng việc gì. Bởi đó thiên hạ khốn cực lắm, vì phải giặc hai bên chỉ đánh nhau luôn. Khi thì bên nọ thắng, khi thì bên kia thắng; thiên hạ chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Hoặc bên nọ lấy đặng xứ nào một ít lâu, mà đến sau phải thua chạy bỏ xứ ấy; thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy, vì đã theo giặc."

Hoặc nói về ba anh em Tây Sơn đánh nhau:

"Vậy hai anh em vây thành Quy Nhơn, đánh cùng anh cả đã lâu lắm, song chẳng bên nào đặng, chẳng bên nào thua. Ba anh em làm hại nhau và làm hại cả và thiên hạ."

Nói về những phe đánh nhau ở Đàng Ngoài và kết luận: "Dầu các quan, dầu quân lính đều ra như kẻ cướp hết thảy."

Sau cùng nói đến Gia Long khi đánh Tây Sơn thì dân chúng có hy vọng ở ông, nhưng lên cầm quyền rồi cũng làm cho dân thất vọng khi thấy Gia Long cũng lừa dối, trả thù và việc cai trị còn tệ hơn trước:

"Vậy quân Tây Sơn đã thua, mà vua Nguyễn Anh đã lấy đặng cả nước An Nam, thì thiên hạ vui mừng lắm. Bổn đạo cũng mừng vì nghĩ rằng: hoặc là sẽ thương kẻ có đạo mà ban phép rộng cho đặng giữ đạo; còn dân sự thì trông cho ông Nguyễn Anh đặt nhà Lê lên mà trị nước lại như khi trước. Nhưng mà ông Nguyễn Anh chỉ nói phỉnh người ta rằng: mình đánh giặc thì chẳng có ý lo phần riêng mình mà thôi, song cũng có ý cứu giúp nhà Lê nữa… Vua có ý khử trừ cho tuyệt giặc Tây Sơn, thì đã luận bua Bảo Hưng phải ngũ mã phân thây, còn các em và tông tộc ông ấy đều phải chết chém, quan Thiểu phó Đoàn phải voi đánh; còn các quan lớn nhỏ khác cũng đều phải luận phạt nặng nhẹ tùy nghi.

… Thiên hạ chẳng đặng y như đều đã trông; mà lại thấy việc quan

nặng nề hơn trước, thì phàn nàn lắm."

Quan điểm quần chúng còn được thể hiện qua cách dùng từ gọi những người lãnh đạo hoặc nội bộ Công giáo hay ngoài lãnh vực xã hội, chính trị, bằng những tên thân mật, gần gũi mà người đương thời đã dùng (Thầy Vê-rô chỉ Giám mục Bá-đa-lộc).

Những sự kiến ít người biết:

Thời kỳ đầu của Nguyễn Ánh, lúc bị Tây Sơn rượt đánh cho đến nay là một khoảng trống trong sử vì ít ai biết rõ. Các sử gia nhà Nguyễn cũng im lặng vì có lẽ lúc đó là thời kỳ đen tối, chẳng hay ho gì, như sử Tân Định đã nhận xét: Nguyễn Ánh lúc đó chẳng có ai giúp, cũng chẳng tin vào ai, vì dân chúng có cảm tình với cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn.

Sử gia nhà Nguyễn (viết vào thời Minh Mạng, Tự Đức) cũng không thích kể lại chuyện Công giáo giúp đỡ Nguyễn Ánh, đặc biệt cái ơn cứu tử lúc Nguyễn Ánh cùng đường do Hồ Văn Nghi, sau làm Linh mục thường được gọi là thầy Phao-lồ chỉ vì lòng nhân đạo, không phải vì ý đồ chính trị gì.

Những trận đánh đầu tiên giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn, cho đến nay, ít được biết đến đã được kể lại trong cuốn sử Tân Định này.

Chẳng hạn trận Nguyễn Ánh đánh du kích Tây Sơn. Quân Tây Sơn chết ít những vì nghe tiếng nổ lớn, sợ bỏ chạy. Đó là những trái phá của một người Tây đầu tiên giúp Nguyễn Ánh sáng chế theo kỹ thuật Tây phương. Chàng Jean này có vẻ chỉ là một người phiêu lưu vô vị lợi, không vì tấc đất hay vàng bạc mà giúp Nguyễn Ánh…

Sử Đàng Trong:

Mặc dù ở phần đầu của quốc sử, có phần tiểu dẫn viết chung về lịch sử cả nước, nhưng tác giả hầu như chỉ chú trọng đến Đàng trong. Do đó có thể gọi không sai lắm Sử ký Đại Nam Việt là Sử ký Đàng Trong 1737 - 1802.

(Trích trong bài viết Lịch sử Việt Nam nhìn từ miền Nam của GS. Nguyễn Văn Trung. Nguồn: http://newvietart.com/index4.555.html)

# CHÚ THÍCH

1. Cuốn sách này được viết vào khoảng cuối thế kỷ XIX, do đó tác giả sử dụng rất nhiều từ cổ, cấu trúc ngữ pháp trúc trắc, đôi khi phải đọc cả câu mới luận được nghĩa. Đồng thời các tên, danh xưng chỉ phổ biến vào thế kỷ XIX, thậm chí còn xưa hơn. Tuy nhiên với tôn chỉ tôn trọng bản gốc và tác giả nên chúng tôi giữ nguyên văn, những từ địa phương, từ cổ, địa danh, nhân danh chúng tôi sẽ làm chú thích bên dưới. Người biên tập đã sử dụng cuốn Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của, và sử liệu chính thống của Việt Nam để làm chú thích. Ngõ hầu thuận lợi hơn cho độc giả khi đọc sách. Tuy nhiên bởi kiến thức vẫn còn nông cạn, kinh nghiệm chưa thật sâu dày, còn nhiều địa danh, tên người, từ cổ chưa tra cứu được, kính mong các bậc cao minh chỉ giáo. (Toàn bộ chú thích trong sách này là của người biên tập)

2. Trước chúa Giáng sinh hay còn gọi là Trước Công Nguyên.

3. Nước ta.

4. Ý chỉ vào thời Bắc thuộc, chúng ta thường xuyên phải triều cống, phụ thuộc Trung Hoa, hoàng đế Trung Hoa có quyền phong vương, phong hầu với An Nam nên Hoàng đế Trung Hoa được gọi là vua Thượng vị.

5. Có lẽ ở đây nhắc tới một công thần triều Lê đó là Nguyễn Công Duẩn.

6. Lên ngôi.

7. Nay là Thái Lan.

8. Làm phản.

9. Mạc Đăng Dung.

10. Mạc Đăng Doanh.

11. Nguyễn Kim (1468-1545) ở Thanh Hóa.

12. Tức Nguyễn Hoàng con trai thứ hai của Nguyễn Kim.

13. Quyền.

14. Số là, là tại, bởi.

15. Cao Mên hay còn gọi là Cao Miên, Chân Lạp, Chơn Lạp, ngày nay là nước Campuchia.

16. Ất Mùi.

17. Nhân Tông.

18. Tân Mùi.

19. Mậu Ngọ.

20. Dụ Tông.

21. Song le (liên từ): Là từ dùng để nối hai ý khác nhau hoặc chồng nhau. Đồng nghĩa với nhưng, nhưng mà.

22. Cảnh Thống.

23. Quý Mùi.

24. Mạc Đăng Dung.

25. Mạc Đăng Doanh.

26. Đinh Mùi.

27. Thuận Đức

28. Kỷ Mùi.

29. Quý Mùi.

30. Phúc Thái.

31. Dụ Tông.

32. Bính Ngọ.

33. Nguyễn Ánh.

34. Quý Mùi.

35. Kiến Phúc.

36. Bị làm cho phải rời khỏi xứ sở.

37. Canh Ngọ.

38. Trịnh Tùng.

39. Trịnh Tráng.

40. Trịnh Tạc.

41. Trịnh Căn.

42. An Đô vương.

43. Uy Nam vương.

44. Trịnh Doanh.

45. Trịnh Sâm.

46. Trịnh Khải.

47. Trịnh Bồng (Án Đô vương.)

48. Thái nghiêm tức là rất nghiêm.

49. Kỹ.

50. Bị ép buộc, cưỡng bức.

51. Tịch thu.

52. Tỏ vẻ, tỏ ra.

53. Bênh, về phe.

54. Duệ vương.

55. Giáp Ngọ.

56. Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm.

57. Với, cùng nhau, cùng với nhau.

58. Cửa biển.

59. Giám mục Bá-đa-lộc hay Bách-đa-lộc (còn gọi là Cha Cả, nguyên tên là Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine, thường viết là Pigneau de Behaine là một vị giáo sĩ người Pháp. Ông được phong làm giám mục hiệu tòa Adran nên cũng thường được các sách sử gọi là Giám mục Adran. Người Việt biết đến ông dưới tên Bá-đa-lộc vì tên tiếng Pháp của ông là Pierre, tương đương với Petrus trong tiếng Latin, Pedro trong tiếng Bồ Đào Nha, và từ đó xuất hiện cái tên "Bá-đa-lộc", phiên âm từ "Pedro". Ở đây tác giả cuốn Sử ký Đại Nam Việt phiên âm tên ông là Vê-rô.

60. Đem.

61. Nghĩa là: chỉ, riêng.

62. Đông, nhiều.

63. Chưa tra cứu được là ai?

64. Đàn bà.

65. Hội An.

66. Nghĩa như dễ dãi.

67. Chạy.

68. Nghĩa tương đương, càng ngày càng tăng, càng ngày càng thêm.

69. Thịnh, hưng thịnh.

70. Đói khát vô cùng, đói khát khổ sở vô ngần.

71. Dùng uy (uy nghiêm) pháp (quy pháp, phép tắc).

72. Phao-lồ là phiên âm của từ Paul.

73. Kịp.

74. Kỹ, kỹ càng (Có lẽ tác giả là người miền Trung, nên sử dụng rất nhiều từ địa phương)

75. Mang đồ, đưa đồ.

76. Là từ cũ, nghĩa như vì, bởi, do. Ở đây có thể hiểu là giả như.

77. Nghĩa là hằng, luôn luôn, lúc nào cũng.

78. Thời kỳ này các cụ dùng Phalangsa hay Phú lang (lãng) sa (gọi tắt là Langsa) để chỉ tiếng, người, nước Pháp.

79. Sắm sửa, sửa soạn, chuẩn bị.

80. Như lựu đạn, bom mìn.

81. Ngần nào, bao nhiêu.

82. Thương, vết thương.

83. Cho là, nghĩ là.

84. Đỗ Thành Nhân, Đỗ Thành Nhân một trong "Gia Định tam hùng", được Nguyễn Liên Phong trong Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca (1909) có thơ vịnh: Cờ nghĩa đông Sơn nổi tợ phao, Tấm kình Nam Hải sóng đang xao. Thời may gặp chúa trang trần thánh, Vận rủi xui tôi thói Mãng Tào. Mấy thứ công lao trôi bích thủy, Ba hùng danh tướng nhẹ hồng mao. Suối vàng như gặp Châu hùng võ, Hồn luống ăn năn biết tại sao.

85. Tống Phước Khuông.

86. Thịnh lợi.

87. Bình yên.

88. Lộng hành, ngang ngược.

89. Khi dể (khinh rẻ, coi thường).

90. Xa xỉ.

91. Trong sách có nhiều chỗ chép là quờn. Tuy nhiên với tôn chỉ tôn trọng văn bản gốc và tác giả, chúng tôi giữ nguyên văn như văn bản gốc, không sửa chữa.

92. Nói chuyện.

93. Bất thình lình, thừa lúc người ta không ngờ, làm cho không kịp đối phó.

94. Tức là rên siết (Từ cũ thường dùng là rên siết). Theo chính tả hiện nay là rên xiết: than thở một cách ai oán vì bị đè nén, áp bức, cực khổ.

95. Vừa mừng vừa lo.

96. Nhẹ nhàng, khẽ khàng.

97. Một biết đường vâng lời, chỉ biết vâng lời, chỉ biết đành nghe theo.

98. Trộm cướp.

99. Đông đúc, đông đảo.

100. Hỗn hào.

101. Bởi mưu.

102. Bỗng chốc.

103. Nay.

104. Làm.

105. Hẳn hoi.

106. Cập.

107. Chở, chất, cất.

108. Cách.

109. Dâng.

110. Sốt là trợ từ cuối câu, nghĩa như cả (chẳng kịp dọn dẹp vật gì cả), hay hết (chẳng kịp dọn dẹp vật gì hết).

111. Đường.

112. Nguyên văn viết là khí gái, có lẽ do viết nhầm, bởi những mục khác đều ghi là khí giới. Tôn trọng văn bản gốc, chúng tôi giữ nguyên.

113. Là tên gọi nước Tây Ban Nha.

114. Manila là thủ đô của Philippines.

115. Kỹ càng.

116. Mưu.

117. Băng Cốc thủ đô Thái Lan.

118. Vâng lời.

119. Tình cờ.

120. Nguyên văn là viết chữ vứ, có lẽ viết nhầm, là chữ xứ mới chính xác.

121. Chẳng qua.

122. Đi men theo các nẻo đường, dò la tin tức, do thám.

123. Vượt biển.

124. Bậc hèn, địa vị thấp hèn.

125. Thịnh, càng ngày càng hưng thịnh, phát triển.

126. Dùng lời nói, hành động có ý đe dọa, dọa dẫm người khác.

127. Tức Nguyễn Hữu Chỉnh, tướng thời Tây Sơn và Lê Trung Hưng.

128. Là Đàng Ngoài, nguyên văn bản gốc viết như vậy, tôn trọng bản gốc nên chúng tôi giữ nguyên.

129. Ngỡ, nghĩ.

130. Tức Nguyễn Anh, Nguyễn Ánh. Chúng tôi giữ nguyên theo bản gốc.

131. Đinh Mùi.

132. Quỳnh Lưu.

133. Động vật, các loài vật.

134. Bình yên.

135. Kêu la, than vãn.

136. Tức nhật dạ, nhật là ban ngày, dạ là ban đêm, nên hiểu là ngày đêm, đêm ngày.

137. Lính sắc chỉ, nhận chiếu chỉ.

138. Tức Louis XVI.

139. 28 tháng 11.

140. Đinh Mùi.

141. Đắp đường.

142. Cai trưng tức là kẻ bao lãnh thuế gì.

143. Ngăn trở.

144. Trẩy nghĩa là cất mình ra đi. Ở đây nghĩa là trở về, đi về.

145. Tức là ngăn đón, cầm ngăn, cách bức.

146. Khốn nạn tức là khó khăn, chứ không phải nghĩa khốn nạn như ngày nay thịnh hành.

147. Ngần nào, bao nhiêu.

148. Đầy rẫy.

149. Đi thăm, thăm coi.

150. Mang.

151. Có lẽ là Đông Định vương Nguyễn Lữ.

152. Tức Thái bảo Phạm Văn Tham.

153. Thu lại, gom lại.

154. Nhiếc móc, mắng mỏ.

155. Mừng rỡ.

156. Giao phó.

157. Viết tắt của Đức Chúa Trời.

158. Vị nể, nể nang.

159. Tức thì, tức lệnh.

160. Tùy ý thong thả, không cải ý.

161. Nghĩa là đường đi phải mất thời gian một canh giờ.

162, Khải hoàn: Nghĩa là trở về, chiến thắng trở về.

163. Giận dữ lắm.

164. Tên.

165. Tây dương nhân, người phương Tây, người Tây dương.

166. Chớ có đem lòng.

167. Hoàng Triếp hay Hoàng Trát, tức Nguyễn Quang Toản (1783 – 1802) hay Cảnh Thịnh hoàng đế (景盛皇帝), là con trai thứ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ).

168. Tức Nguyễn Quang Thùy (? - 1802), là con vua Quang Trung và là Tiết chế thủy bộ chư quân miền Bắc của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.

169. Ganh gổ nghĩa là ghét, phân bì, không muốn cho kẻ khác hơn mình hoặc bằng mình.

170. Nói xấu, nói lời gièm pha.

171. Đổ tội, đổ lỗi cho kẻ khác.

172. Giao phó.

173. Thưa kiện gian, nói gian cho kẻ khác.

174. Nghĩa là dung thứ, khỏa lấp, che chở.

175. Ghen tuông, ganh gổ, ghét nhau, không nhịn nhau.

176. Hạch từ nét, lỗi phép từ điều nhỏ mọn, hay xét nét.

177. Vu vạ cáo gian, trở tái làm mặt

178. Nhân chứng, người làm chứng.

179. Là những lời gièm pha, đàm tiếu.

180. Dung thứ.

181. Trình bày, giãi bày.

182. Vô nhân bội nghĩa, không có lòng nhân làm trái điều nghĩa, hay là vong ân bội nghĩa.

183. Các đấng ấy.

184. Bênh, bênh vực.

185. Tâu lớn tiếng, tâu rõ ràng dõng dạc.

186. Góp tay, ra tay, chung sức.

187. Lòng bác ái, vì nghĩa xả thân.

188. Chẳng coi, chẳng xe.

189. Võng là đồ để mà nằm có thể giăng ngang, hoặc có hai người khiêng hai đầu. Ở Annam thời đó các vua chúa hay sử dụng võng không như bên Tàu sử dụng kiệu.

190. Nhiều lần.

191. Mừng.

192. Nổi gai ốc, sởn da gà, tỏ ý sợ hãi, lo lắng.

193. Rùng mình: Run lên vì sợ.

194. Quân ngũ rối loạn, không theo hàng lối, quy củ.

195. Kinh hồn bạt vía.

196. Do thám, hỏi han.

197. Đầu đuôi mọi việc.

198. Nói dọa, làm cho phải sợ.

199. Thủy chung, son sắt.

200. Một hình phạt dã man thời phong kiến: Cắt chân tay, xẻo từng miếng thịt cho chết dần.

201. Bệnh hoạn, ốm yếu.

202. Đức chúa Giêgin.

203. Đức chúa Giêgin, có lẽ là Đức Chúa Giêsu.

204. Trỗi dậy.

205. Chung cộng, chung nhau.

206. Hết cả, đều cả, chẳng trừ.

207. Rất nghiêm, nghiêm ngặt.

208. Trù trừ, chần chừ, lưỡng lự, phân vân, e ngại.

209. Lạ mặt.

210. Giải, áp giải.

211. Vô cùng khắc nghiệt, hết sức khắc nghiệt.

212. Chỉ dụ bí mật.

213. Lựa chọn.

214. Kinh sách, kinh thánh và đồ vật (Ví như cây thánh giá) biểu tượng của đạo Thiên Chúa.

215. Trốn kỹ, trốn tránh kỹ càng không để cho người khác phát hiện.

216. Đưa đi bằng võng.

217. Trong sách gốc ghi là Êmmanoe Triệu, trong khi ngay phần đầu đoạn ghi là Emmanoe Triệu. Hiện chúng tôi chưa tra cứu được vị này là ai, đồng thời cũng tôn trọng sách gốc chúng tôi giữ nguyên, chỉ tạm chú thích đôi dòng ở đây.

218. Đức Chúa Trời.

219. Trần thế.

220. Phép nhiệm trong đạo Thiên Chúa.

221. Kỷ Mùi.

222. Ắt, thật.

223. Nhớ, nghĩ đến.

224. Thung huyên nghĩa là cha mẹ.

225. Lo lắng, nghĩ đến người khác.

226. Bốn bạn là ám chỉ mai, lan, cúc, trúc. Bốn thứ cảnh chơi như bạn hữu, cũng kêu là tứ hữu, ở đây ám chỉ Đức thầy yêu thiên nhiên, mến đồng loại.

227. Tùng bá là cây tùng cây bách, hai thứ cây chịu sương nắng,

chẳng cỗi chẳng tàn. Ý chỉ trổ tài giỏi giang, ý chí hơn người.

228. Giữa đời loạn lạc gian khó mà một lòng chuyên tâm tu tập.

229. Quyết chí thà đi học mà chịu nghèo.

230. Vun cho đức dày, vén cho nhân sáng.

231. Uốn, nắn.

232. Ngút nghĩa là khí mù mù. Nghĩa là khí mù mù đánh phăng, băng giá lạnh tan chảy. Ý nói đánh cho quân giặc phải thua, phải sợ hãi.

233. Thủ nghĩa quyết xá sinh: giữ nghĩa quyết bỏ mạng.

234. Gập ghềnh.

235. Phật cảnh, cõi Phật.

236. Đi ngay, đi thẳng.

237. Kỷ Mùi.

238. Người nước Phú Lang Sa, hay Pha Lang Sa.

239. Hợp, thuận ý nhau.

240. Đêm ngày, đánh suốt đêm ngày.

241. Ngặt, nghiêm ngặt.

242. Mộ dạ tức là đêm tối, đêm hôm.

243. Cửa Giã hay cửa Chợ Giã còn gọi là cửa Thị Nại hoặc cửa biển Quy Nhơn.

244. Điềm lành, điềm tốt, hy vọng sẽ được điềm lành.

245. Sắm sửa, chuẩn bị.

246. Tức sông Gianh, chảy trên địa phận tỉnh Quảng Bình ngày nay.

247. Tháng Bảy.

248. Nói dối, lừa gạt.

249. Giữ mãi sự mê muội, mê lầm.

# TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. Quang Trung (1788-1792) - Hoa Bằng
2. Trần Hưng Đạo - Hoàng Thúc Trâm
3. Nữ tướng thời Trưng Vương - Nguyễn Khắc Xương
4. Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất
5. Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất
6. Nguyễn Thái Học - Nhượng Tống
7. Vua Hàm Nghi - Phan Trần Chúc
8. Việt - Pháp bang giao sử lược - Phan Khoang
9. Việt - Hoa bang giao sử - Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. Việt - Hoa thông sứ sử lược - Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
11. Việt Nam ngoại giao sử - Ưng Trình

12. Sử ký Đại Nam Việt - Vô Danh